

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

(Giấy đăng ký kinh doanh số 0103006203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

cấp ngày 15 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 10 năm 2008)



### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm 2008)

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày \_\_\_\_\_ tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện  
✓ Pháp Vân - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn  
✓ Hội sở: 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1. Tp. HCM
3. Chi nhánh Trần Bình Trọng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn  
✓ 25 Trần Bình Trọng - Hoàn Kiếm, Hà Nội
4. Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn  
✓ 22 Lý Tự Trọng - Quận Hồng Bàng - Hải Phòng

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Viết Điều

Chức vụ: Chánh văn phòng

Số điện thoại: 84.34 8611513

Fax: 84.34 8611511

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)



(Giấy ĐKKD số 0103006203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà nội cấp ngày 15/12/2004,  
đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 10 năm 2008)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC)

**Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:** 10.000.000 cổ phiếu

**Tổng giá trị niêm yết (tính theo mệnh giá):** 100.000.000.000 đồng

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ◆ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 38 27 22 95

Fax: (84.8) 38 27 23 00

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

- ◆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

*Trụ sở chính*

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08)38.24 28 97

Fax: (08)38 24 29 97

Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn)

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

***CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP HCM

ĐT:(84-8).3821567

Fax: (84-8).32910590

***CN Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội***

1C Ngô Quyền , Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84-4).39366321

Fax: (84-4).39366311

***CN Trần Bình Trọng – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (84-4). 39426718

Fax: (84-4). 39426719

***CN Hải Phòng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

22 Lý Tự Trọng - Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

ĐT: (84-31)33569123

Fax: (84-31).33569130

***Chi nhánh Vũng Tàu***

Địa chỉ: Khách sạn Pacific, số 04 Lê Lợi, Tp.Vũng Tàu

Điện thoại: 064. 3521 906

Fax: 064. 3521 907

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b>	<b>6</b>
1. Rủi ro kinh tế	6
2. Rủi ro luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù	7
4. Rủi ro thị trường	7
5. Rủi ro khác	7
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b>	<b>8</b>
1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC)	8
2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội	8
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM</b>	<b>8</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT</b>	<b>9</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
1.1. Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết	9
1.2. Ngành nghề kinh doanh	10
1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty	12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết;	17
6. Hoạt động kinh doanh	17
6.1. Sản phẩm chính của Công ty	17
6.2. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm	20
6.3. Quy trình sản xuất các sản phẩm	22
6.4. Nguyên vật liệu	24
6.5. Chi phí sản xuất	27
6.6. Trình độ công nghệ	28
6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	29
6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	29
6.9. Hoạt động Marketing	30

6.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền -----	30
6.11. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết-----	30
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất -----	32
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất -----	32
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo -----	32
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành -----	34
8.1. Vị thế của công ty trong ngành -----	34
8.2. Triển vọng phát triển của ngành -----	35
8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.-----	36
9. Chính sách đối với người lao động -----	36
9.1. Cơ cấu lao động trong Công ty -----	36
9.2. Chính sách đối với người lao động: -----	37
10. Chính sách cổ tức -----	38
11. Tình hình tài chính -----	39
11.1. Các chỉ tiêu chủ yếu-----	39
11.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản-----	42
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng -----	43
12.1. Thành viên Hội đồng Quản trị-----	43
12.2. Thành viên Ban Kiểm soát -----	50
12.3. Thành viên Ban giám đốc -----	52
12.4. Kế toán trưởng -----	53
13. Tài sản -----	54
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008 - 2010 -----	55
15. Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên -----	55
15.1. Dự án mở rộng nhà máy vật liệu viễn thông I-----	56
15.2. Dự án mở rộng nhà máy vật liệu viễn thông II-----	56
15.3. Dự án C30 -----	57
15.4. Đầu tư tài chính vào các Dự án: -----	58
16. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức-----	59
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết ---	59
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết-----	59
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT-----</b>	<b>60</b>
1. Loại cổ phiếu-----	60
2. Mệnh giá-----	60

3. Tổng số chứng khoán niêm yết:-----	60
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết -----	60
5. Phương pháp tính giá -----	60
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài-----	60
7. Các loại thuế có liên quan-----	60
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT-----</b>	<b>62</b>
1. Tổ chức Tư vấn-----	62
2. Tổ chức Kiểm toán-----	62
<b>VII. PHỤ LỤC-----</b>	<b>63</b>

# NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro kinh tế

Thành tựu nổi bật của kinh tế Việt Nam trong gần 20 năm qua là tốc độ tăng trưởng GDP khá cao, trong khoảng 5 năm trở lại đây ở mức 7,5-8,0% gắn liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đặc biệt trong năm 2007, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng cao nhất trong vòng 10 năm qua đạt mức 8,48%<sup>1</sup>. Năm 2008, tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động phức tạp và ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn cầu. Việt Nam cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng trên mà chịu sự tác động lớn từ những bất ổn của kinh tế thế giới, đặc biệt khủng hoảng tài chính.

Trong bối cảnh đó, Việt Nam dự kiến về tốc độ tăng trưởng kinh tế chỉ đạt mức 6,7%<sup>2</sup>, thấp hơn so với các năm trước đó. Điều đó có nghĩa rằng nền kinh tế thế giới đã ít nhiều ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và đối với ngành bưu chính viễn thông nói riêng.

Hoạt động trong ngành công nghệ cao, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế và chiến lược phát triển của ngành bưu chính viễn thông. Khi thu nhập của người dân tăng trưởng cao, nhu cầu đối với điện thoại tăng lên nhanh chóng nên nhu cầu về xây lắp và sản phẩm công nghiệp phục vụ ngành bưu chính viễn thông cũng tăng lên tương ứng.

Ngược lại, khi nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ viễn thông giảm kéo theo việc đầu tư vào các ngành công nghệ cao giảm sút nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ bị giảm sút tương ứng.

### 2. Rủi ro luật pháp

Hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh, Luật chứng khoán có hiệu lực chưa lâu, còn thiếu nhiều văn bản pháp lý điều chỉnh cụ thể. Khi thực hiện việc niêm yết chứng khoán, Công ty phải tuân thủ các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Bất kỳ sự thay đổi nào trong các quy định của pháp luật cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

<sup>1</sup> : <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=507&ItemID=6894>

<sup>2</sup>:[http://www.chinhphu.vn/portal/page?\\_pageid=33,167076&\\_dad=portal&\\_schema=PORTAL&pers\\_id=8093649&item\\_id=10795494&p\\_details=1](http://www.chinhphu.vn/portal/page?_pageid=33,167076&_dad=portal&_schema=PORTAL&pers_id=8093649&item_id=10795494&p_details=1)

### 3. Rủi ro đặc thù

*Rủi ro về nguyên vật liệu:* Nguyên vật liệu của công ty phải nhập khẩu hoặc có nguồn gốc nhập khẩu, do vậy giá cả biến động phức tạp. Công ty gặp nhiều khó khăn khi giá cả nguyên vật liệu tăng cao, nguồn cung khan hiếm. Khi giá nguyên liệu lên cao, công ty không kịp điều chỉnh giá đầu ra của sản phẩm do bị ràng buộc trong hợp đồng kinh tế đã ký trước đó thì công ty sẽ có khả năng bị lỗ.

*Rủi ro về chiếm dụng vốn:* đây là rủi ro lớn nhất của công ty. Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và cung cấp các sản phẩm công nghiệp đi kèm với xây lắp, công ty thường xuyên bị chiếm dụng vốn. Sau khi hoàn thành công việc, công ty thường phải đợi các hạng mục khác của dự án được hoàn thiện và chủ đầu tư thực hiện quyết toán, kiểm toán. Sau khi kiểm toán xong, chủ đầu tư chỉ chấp nhận thanh toán khoảng 95% giá trị hợp đồng và giữ lại 5% giá trị hợp đồng để bảo hành sản phẩm. Tùy loại hình sản phẩm, sau 1-2 năm khách hàng mới thanh toán hết 5% còn lại.

*Rủi ro về công nghệ:* Lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông là ngành thuộc lĩnh vực công nghệ cao nên chịu sự ảnh hưởng rất nhiều từ sự tiến bộ của khoa học công nghệ. Khi nhu cầu về cáp thông tin và viễn thông ngày càng cao và đòi hỏi cần có những tính năng ưu việt hơn thay thế cho cáp đồng hiện tại thì đòi hỏi công ty phải đầu tư công nghệ mới và thích nghi với nhu cầu ngày càng cao hơn của ngành.

### 4. Rủi ro thị trường

Là một doanh nghiệp trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông, PTIC nhận được sự quan tâm của Tập đoàn và sự hỗ trợ của các bưu điện tỉnh thành, các doanh nghiệp cùng ngành khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp trong ngành cũng đang gia tăng nhanh chóng, đặc biệt trong lĩnh vực xây lắp. Về thị trường cáp viễn thông trong tập đoàn VNPT, PTIC cũng gặp phải sự cạnh tranh từ nhiều doanh nghiệp sản xuất cáp đã hoạt động nhiều năm trên thị trường như Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long, Công ty Sacom, Công ty Postef...Mức độ cạnh tranh của các doanh nghiệp này tạo ra những thách thức lớn đối với PTIC khi phát triển thị phần cung ứng cáp thông tin bưu điện của mình.

### 5. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng như: thiên tai, địch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, bệnh dịch... sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới toàn bộ nền kinh tế.



## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC)

Ông: Nguyễn Phong	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Duy Bắc Việt	Chức vụ: Tổng giám đốc (bổ nhiệm từ 01/10/08)
Ông: Lê Cao Điền	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
Bà: Phạm Thị Thu	Chức vụ: Phó tổng giám đốc – Kế toán trưởng
Ông: Lê Đỗ Vinh	Chức vụ: Phó tổng giám đốc
Ông: Nguyễn Lê Văn	Chức vụ: Phó tổng giám đốc (bổ nhiệm từ 01/10/2008)
Ông: Đỗ Đức Thịnh	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Đại diện: Ông: Nguyễn Hoài Anh Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

SGDCK :	Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Công ty:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
HĐQT:	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – SSI
Điều lệ Công ty:	Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
VNPT	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt nam

## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết

- ❖ Tên gọi : Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
- ❖ Tên giao dịch quốc tế : Post and Telecommunications Investment and Construction Joint Stock Company
- ❖ Tên viết tắt : PTIC., JSC
- ❖ Địa chỉ : Pháp Vân - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
- ❖ Điện thoại : 84.4 38611513 Fax: 84.4 38611511



- ❖ Logo :
- ❖ Mã số thuế : 0100686544
- ❖ Vốn điều lệ : 100.000.000.000 (một trăm tỷ đồng chẵn)
- ❖ Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 24/11/2008

**Bảng 1: Cơ cấu vốn cổ phần thời điểm 24/11/2008**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Giá trị (đồng)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ phần của Nhà nước (VNPT)	3.000.000	30.000.000.000	30%
Cổ phần của CBCNV trong Công ty	559.560	5.595.600.000	5,6%
Cổ phiếu quỹ	500.000	5.000.000.000	5%
Cổ phần của cổ đông bên ngoài	5.940.440	59.404.400.000	59,4%
<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,0%</b>
Cổ phần của cổ đông sáng lập(*)	3.272.680	32.726.800.000	32,7%
Cổ phần phổ thông	6.727.320	67.273.200.000	67,3%
<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,0%</b>
Cổ phần của cổ đông trong nước	9.942.620	99.426.200.000	99,43%
Cổ phần của cổ đông nước ngoài	57.380	573.800.000	0,57%
<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,0%</b>

Nguồn: PTIC

(\*) Số lượng cổ phiếu của cổ đông sáng lập là 3.272.680 cổ phiếu, số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng đến hết thời điểm 15/12/2007.

## 1.2. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp. Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp; giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa nhát ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

### 1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện, tiền thân là Công ty Xây dựng nhà Bưu điện, được thành lập ngày 30/10/1976 theo Quyết định số 1348/TCCB-LĐ của Tổng cục Bưu điện. Sau 20 năm hoạt động, ngày 09/09/1996, Tổng Cục Bưu điện ra Quyết định số 435/TCCB-LĐ thành lập doanh nghiệp nhà nước Công ty Xây dựng Bưu điện, một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam trên cơ sở Công ty Xây dựng nhà Bưu điện cũ. Với những thành tựu đạt được trong 20 năm kể từ ngày thành lập, ngày 27/12/1996, Công ty Xây dựng Bưu điện được chính thức xếp hạng Doanh nghiệp hạng I ngành xây dựng.

Cùng với tiến trình cổ phần hoá của các doanh nghiệp trong ngành Bưu chính viễn thông, ngày 19/01/1999, Công ty Xây dựng Bưu điện nhận được Quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam) về việc cổ phần hoá Công ty Xây dựng Bưu điện. Ngày 15/12/2004, Công ty Xây dựng Bưu điện chính thức nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

Tháng 10/2006, Công ty thực hiện phát hành tăng vốn từ 35 tỷ lên 50 tỷ đồng, phương thức phát hành đấu giá cạnh tranh qua TTGDCK.

Ngày 25/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết và giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu PTC.

Tháng 10/2007, Công ty thực hiện xong việc phát hành tăng vốn từ 50 tỷ lên 100 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, đối tác chiến lược và đấu giá cạnh tranh qua TTGDCK.

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

### ❖ Trụ sở chính:

- ✓ Địa chỉ doanh nghiệp: Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- ✓ Điện thoại : (84.4) 38611513 Fax: (84.4) 38611511

### ❖ Xí nghiệp: Các Xí nghiệp số 01÷08

- ✓ Địa chỉ: Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

### ❖ Nhà máy

#### *Nhà máy Vật liệu Viễn thông I*

- ✓ Địa chỉ: Xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây
- ✓ Điện thoại: 034.3941901

#### *Nhà máy Vật liệu Viễn thông II*

- ✓ Địa chỉ: Nhuận Đức, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại 08.3793.0274

### ❖ Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- ✓ Địa chỉ: 116/28/26 đường Hoàng Hoa Thám, phường 12, quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh
- ✓ Điện thoại: (84.8) 38113218 Fax: (84.8) 38113248

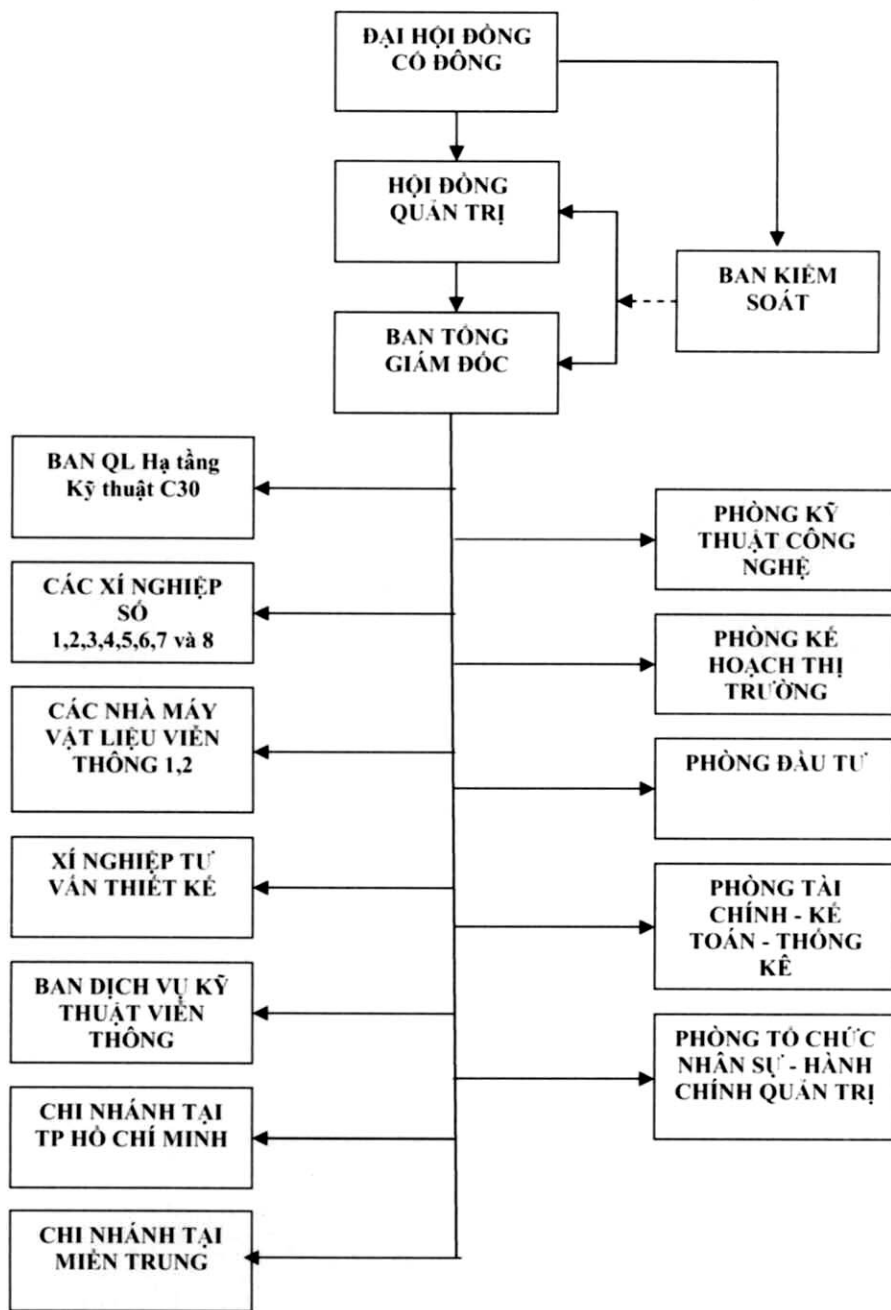
### ❖ Chi nhánh Công ty tại Miền Trung

- ✓ Địa chỉ: 44 Trần Cao Vân - Đà Nẵng
- ✓ Điện thoại: (84.051) 31745555 Fax: (84.051) 31745678

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:

**Hình 1: Cơ cấu Bộ máy quản lý của PTIC**



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

**❖ Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông: Nguyễn Phong	- Chủ tịch
Ông: Lê Cao Điền	- Ủy viên
Bà: Phạm Thị Thau	- Ủy viên
Ông: Lê Đỗ Vinh	- Ủy viên
Ông: Nguyễn Duy Bắc Việt	- Ủy viên
Ông: Nguyễn Công Minh	- Ủy viên
Ông: Đậu Minh Lâm	- Ủy viên

**❖ Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

Ông: Đỗ Đức Thịnh	- Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 17/04/2008)
Bà: Trần Thị Hạnh	- Ủy viên

**❖ Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

Ông: Nguyễn Duy Bắc Việt	- Tổng Giám đốc
Ông: Lê Cao Điền	- Phó Tổng Giám đốc
Bà: Phạm Thị Thau	- Phó Tổng Giám đốc
Ông: Lê Đỗ Vinh	- Phó Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Lê Văn	- Phó Tổng Giám đốc

**❖ Phòng kỹ thuật - công nghệ**

Phòng kỹ thuật công nghệ là phòng nghiệp vụ, tham mưu giúp việc Tổng giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật công trình và sản phẩm, giám định chất lượng sản phẩm và vật tư, quản lý sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nghiên cứu công nghệ mới phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Phòng kế hoạch thị trường**

Phòng kế hoạch thị trường giúp Tổng Giám đốc công ty trong lĩnh vực lập kế hoạch dài hạn và kế hoạch tác nghiệp trong ngắn hạn, nghiên cứu, mở rộng thị trường. Ngoài ra, Phòng còn chịu trách nhiệm trong mọi công việc liên quan đến hoạt động đấu thầu của công ty, hoạt động marketing trong lĩnh vực xây lắp.

❖ **Phòng đầu tư**

Phòng đầu tư chịu trách nhiệm triển khai nghiên cứu thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh và đầu tư chứng khoán.

❖ **Phòng tài chính – kế toán – thống kê**

Bộ phận kế toán tài chính chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, chứng từ tài chính, thống kê, lưu trữ tài liệu liên quan đến kế toán, đảm bảo việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán và hệ thống quy tắc của Công ty; thực hiện các giao dịch ngân hàng.

Bà: Phạm Thị Thu

- Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 22/05/2008)

❖ **Phòng tổ chức nhân sự - hành chính – quản trị**

Phòng tổ chức nhân sự - hành chính – quản trị là phòng nghiệp vụ tham mưu giúp việc Tổng giám đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý nhân sự, giải quyết các chính sách xã hội liên quan tới quyền lợi của người lao động, quản lý lao động, tiền lương và các công tác hành chính khác.

❖ **Ban Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật C30**

Ban quản lý Hạ tầng Kỹ thuật C30 là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện dự án đầu tư C30 (270 đường Lý Thường Kiệt, thành phố Hồ Chí Minh) bao gồm một dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu C30 và dự án xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu C30.

❖ **Nhà máy vật liệu viễn thông I, II**

Nhà máy vật liệu viễn thông I, II là cơ sở sản xuất sản phẩm công nghiệp của công ty, chịu trách nhiệm sản xuất sản phẩm ống nhựa bảo vệ cáp, sản xuất cửa nhựa và cáp thông tin kim loại và cáp sợi quang.

❖ **Xí nghiệp số 1,2,3,4,5,6,7 và 8**



Các xí nghiệp từ số 1- 8 là bộ phận thực hiện hoạt động xây lắp của công ty, chuyên nhận thi công xây lắp cho các dự án của ngành bưu chính viễn thông và cho xã hội.

❖ **Xí nghiệp Tư vấn thiết kế**

Xí nghiệp tư vấn thiết kế chuyên thực hiện tư vấn thiết kế các dự án trong và ngoài ngành bưu chính viễn thông. Công ty không được phép thi công các dự án do xí nghiệp tư vấn thiết kế. Xí nghiệp hiện tại có quy mô nhỏ, chủ yếu giải quyết các thiết kế có quy mô nhỏ.

❖ **Ban Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông**

Ban Dịch vụ kỹ thuật Viễn thông là đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi thực hiện dự án liên doanh sản xuất các thiết bị đầu cuối với tập đoàn viễn thông ZTE của Trung Quốc.

❖ **Chi nhánh công ty tại thành phố Hồ Chí Minh**

Là đơn vị được công ty uỷ quyền thực hiện sản xuất kinh doanh theo chức năng của Công ty tại các tỉnh từ Ninh Thuận, Khánh Hoà, miền Đông và miền Tây Nam bộ. Đơn vị có các đội, ban chỉ huy công trình thi công xây dựng kiến trúc và thông tin, bộ phận tiếp thị đấu thầu, tiếp thị kinh doanh vật tư, vật liệu và kinh doanh các sản phẩm hàng công nghiệp do công ty sản xuất.

❖ **Chi nhánh công ty tại Miền Trung**

Là đơn vị được công ty uỷ quyền thực hiện sản xuất kinh doanh theo chức năng của Công ty tại các tỉnh miền Trung.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**Bảng 2: Danh sách Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty  
tại thời điểm 24/11/2008**

<i>TT</i>	<i>Cổ đông</i>	<i>SL cổ phần</i>	<i>Giá trị theo mệnh giá (đồng)</i>	<i>Tỷ trọng/VDL (%)</i>
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.	3.000.000	30.000.000.000	30,00%
2	Cty TNHH Chứng khoán NHNN&PTNT Việt Nam	1.262.900	12.629.000.000	12,63%
3	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	650.000	6.500.000.000	6,50%

4	Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long	550.000	5.500.000.000	5,50%
	Tổng cộng	5.462.900	54.629.000.000	54,63%

Nguồn: PTIC

**Bảng 3: Danh sách Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 24/11/2008**

TT	Cổ đông	SL cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ trọng/ Vốn điều lệ (%)
1	Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.	3.000.000	30.000.000.000	30,00%
2	Công ty Tài chính Bưu điện	157.800	1.578.000.000	1,58%
3	Ông Nguyễn Phong	114.880	1.148.800.000	1,15%
	Tổng cộng	3.272.680	32.726.800.000	32,73 %

Nguồn: PTIC

Hiện tại, các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phần (Công ty được thành lập từ ngày 15/12/2004)

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết;**

Hiện tại, không có tổ chức nào nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty và Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối đối với công ty nào.

**6. Hoạt động kinh doanh**

**6.1. Sản phẩm chính của Công ty**

**Sản phẩm xây lắp**

Sản phẩm xây lắp là sản phẩm truyền thống của công ty. Công ty chuyên thực hiện các dự án xây lắp trong ngành bưu chính viễn thông, khách hàng là VNPT và các bưu điện tỉnh thành, bao gồm xây lắp các công trình kiến trúc và thông tin như mạng cáp thông tin, tổng đài, cột anten, các nhà bưu điện, trụ sở cơ quan, các nhà máy công nghiệp...Khoảng 70% doanh thu xây lắp của Công ty tới từ các dự án của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt

Nam, các dự án này thường thu hồi vốn chậm do phải đợi hoàn thiện toàn bộ các hạng mục mới thực hiện kiểm toán, nghiệm thu công trình và quyết toán, cá biệt có một số ít dự án thời gian thanh toán kéo dài tới trên 4 năm. Khoảng 30% doanh thu xây lắp của công ty từ các dự án xây lắp của bưu điện tỉnh, thời gian thanh toán chỉ trong vòng 6 tháng. Nhìn chung, do các dự án đều thực hiện cho các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam nên công ty không có nợ khó đòi.

### **Sản phẩm công nghiệp**

*Sản phẩm ống nhựa bảo vệ cáp:*

❖ **Chủng loại sản phẩm:**

- ✓ Ống Ø110: bao gồm ống sóng và ống PVC 3 lớp, đều được sản xuất từ bột nhựa PVC. Hai loại ống này đều được sử dụng để bảo vệ cáp thông tin và cáp điện lực chôn ngầm dưới đất, đóng góp trên 32% doanh thu của công ty. Ống sóng dùng nguyên liệu nhựa PVC, gồm lớp lõi và lớp vỏ tạo sóng để đàn hồi. Ống PVC 3 lớp là ống nhựa 3 lớp gồm 1 lớp xốp và 2 lớp PVC ở 2 bên.
- ✓ Ống Ø <40: bao gồm ống HDPE các loại, ống tròn trơn Ø34 và ống 2 mảnh Ø40, được sản xuất từ hạt nhựa PE. Các loại ống này đều được sử dụng để luồn cáp quang, đóng góp 7,4% doanh thu của công ty. Ống HDPE dẻo, có lợi thế về độ dài, có thể cuộn lại được, có thể dài tới 200 m. Với độ dài này của ống HDPE có thể sử dụng phương pháp bắn cáp quang, tiết kiệm chi phí khi lắp đặt, thay thế cáp quang. Ống tròn trơn Ø34 được sử dụng để luồn cáp từ đất lên đầu tụ. Ống 2 mảnh Ø40 được thiết kế thành 2 nửa ống, khi thi công, đơn vị lắp đặt nửa ống trước, sau đó đặt dây và ghép nửa còn lại.
- ❖ Sản phẩm ống bắt đầu được sản xuất từ năm 1997. Ống sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn về kích thước, độ bền va đập, điện áp đánh thủng, độ thấm nước, độ chịu nén...theo tiêu chuẩn ngành TCVNPT – 06:2003 do Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam ban hành dành cho ống nhựa bảo vệ tuyến cáp ngầm. Công ty có 5 dây chuyền sản xuất ống, trong đó 3 dây chuyền đặt tại Quốc Oai, Ngọc Liệp, Hà Tây và 2 dây chuyền đặt tại Cù Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng công suất của 5 dây chuyền là 7.000 tấn bột nhựa/năm, tương đương với 4000 km ống Ø 110x5 và các loại ống có đường kính khác nhau, trong đó công suất dây chuyền tại Bình Dương là 3500 tấn bột nhựa/năm, dây chuyền tại Hà Tây là 3.500 tấn bột nhựa/năm. Công ty chuyên sản xuất sản phẩm theo đơn đặt hàng, bên cạnh đó sản xuất thêm 10- 20% dự trữ. Trong 3 năm qua, dây chuyền ống chạy với công suất trung bình 70-75%.

*Sản phẩm cáp thông tin kim loại*

- ❖ Chủng loại sản phẩm: 2 loại cáp công và cáp treo có dung lượng từ 10 đôi đến 200 đôi
  - ✓ Cáp công FS-JF-LAP: dây dẫn bằng đồng ủ mềm đường kính 0,4 và 0,5 mm, băng P/S chịu nhiệt được quấn quanh lõi cáp. Cáp có băng nhôm LAP có tác dụng chống nhiễu điện từ và ngăn ẩm. Cáp được bọc bằng vỏ bọc nhựa Polyethylene có tác dụng bảo vệ, chống ảnh hưởng tác động của môi trường, ngăn gặm nhấm và ăn mòn.
  - ✓ Cáp treo FS - JF - LAP - SS: dây dẫn bằng đồng ủ mềm đường kính 0,4 và 0,5 mm, băng P/S chịu nhiệt được quấn quanh lõi cáp. Cáp có băng nhôm LAP có tác dụng chống nhiễu điện từ và ngăn ẩm. Cáp được bọc bằng vỏ bọc nhựa Polyethylene có tác dụng bảo vệ, chống ảnh hưởng tác động của môi trường, ngăn gặm nhấm và ăn mòn. Dây sắt cường độ chịu lực cao gồm từ 1-7 sợi dây sắt mạ kẽm xoắn với nhau. Các loại cáp thông tin do công ty sản xuất đều đạt chất lượng tiêu chuẩn Việt nam.
- ❖ Dây chuyên được đặt tại Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Tây, công suất dây chuyên là 250.000 km dây đôi/năm. Sản phẩm cáp viễn thông của công ty bắt đầu được đưa ra thị trường từ tháng 12/2005. Hiện nay, Công ty đã lắp đặt xong thêm dây chuyên cáp công suất 750.000 km đôi dây/năm sản xuất các loại cáp từ 10 đôi đến 1200 đôi và đã bán sản phẩm ra thị trường từ tháng 8 năm 2007.

*Sản phẩm khác*

- ❖ Sản phẩm là cửa nhựa có lõi thép và tấm nhựa theo tiêu chuẩn châu Âu, năng lực sản xuất 700 tấn sản phẩm/năm.
- ❖ Công ty có một dây chuyền sản xuất và lắp ráp cửa nhựa có lõi sắt tiêu chuẩn Châu Âu đặt tại Quốc Oai, Ngọc Liệp, Hà Tây. Các sản phẩm công nghiệp của Công ty PTIC chủ yếu cung cấp cho các công ty trong ngành bưu chính viễn thông và cho các dự án PTIC nhận thầu trọn gói xây lắp và cung cấp thiết bị. Tại các tỉnh công ty không thực hiện thi công mà thực hiện tiến hành marketing bán sản phẩm cho các đơn vị thi công khác. Công ty đã cung cấp sản phẩm ống cho hàng ngàn công trình của 65 bưu điện tỉnh thành trong cả nước và các công trình cấp quốc gia như đường Hồ Chí Minh, tuyến cáp quang Bắc Kạn - Cao Bằng, tuyến cáp Hà nội – Vinh, tuyến thông tin viễn thông quốc tế Trung Quốc – Việt Nam - Lào .... Các dự án cung cấp sản phẩm công nghiệp thu hồi vốn nhanh hơn các dự án xây lắp và không có nợ khó đòi do các Hợp đồng được thanh toán ngay sau khi giao hàng.

6.2. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm

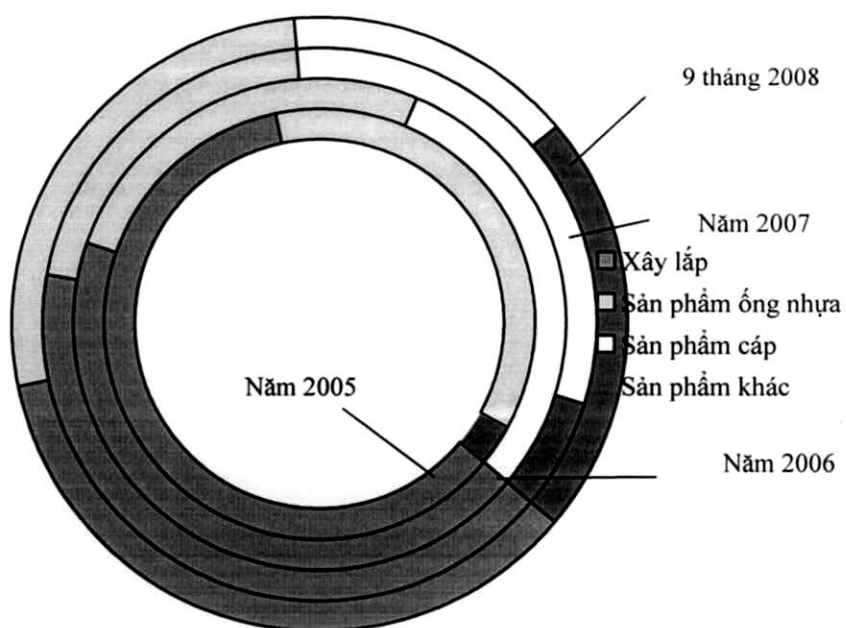
**Bảng 4:** Cơ cấu doanh thu qua các năm 2005 – Quý III/2008

Đơn vị: tỷ VNĐ

T T	Tên sản phẩm	2005		2006		2007		QIII/2008	
		GT	Tỷ trọng (%)	GT	Tỷ trọng (%)	GT	Tỷ trọng (%)	GT	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	134,9	60,6	145,7	44,2	212,6	41,6	102,6	35,6
2	Sản phẩm công nghiệp	87,8	39,4	184,2	55,8	298,1	58,4	184,9	64,4
	Sản phẩm ống nhựa	80,8	36,3	85,9	26,0	106,6	20,9	19,1	26,8
	Sản phẩm cáp	-	-	98,1	29,7	159,1	31,2	64,4	15,3
	Sản phẩm khác	7,0	3,1	0,2	0,1	32,4	6,3	101,4	22,3
<b>Tổng</b>		<b>222,7</b>	<b>100,0</b>	<b>329,9</b>	<b>100,0</b>	<b>510,7</b>	<b>100,0</b>	<b>287,5</b>	<b>100</b>

Nguồn: PTIC

**Biểu đồ 1:** Cơ cấu doanh thu 2005 - 9 tháng 2008



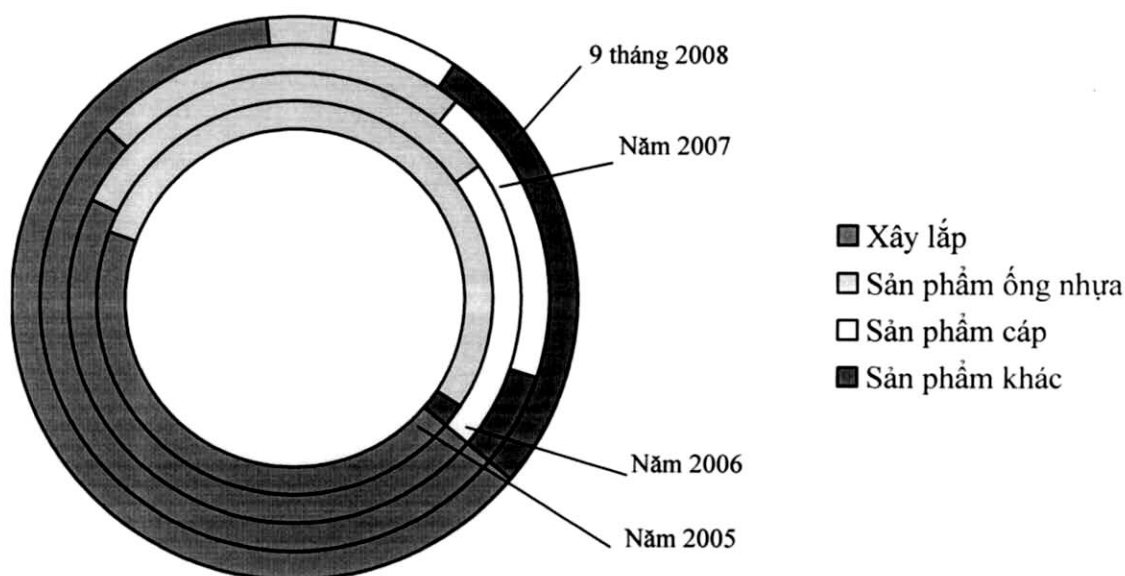
**Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm 2005 – Quý III/2008**

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Tên sản phẩm	2005		2006		2007		QIII/2008	
		GT	Tỷ trọng (%)	GT	Tỷ trọng (%)	GT	Tỷ trọng (%)	GT	Tỷ trọng (%)
1	Xây lắp	15,3	44,5	20,7	46,0	29,1	50,5	14,9	72,7
2	Sản phẩm công nghiệp	19,1	55,5	24,3	54,0	28,5	49,5	5,6	27,3
	Sản phẩm ống nhựa	18,4	53,5	14,8	32,9	13,9	24,1	0,9	4,4
	Sản phẩm cáp	-	-	9,4	21,0	11,1	19,3	-1,7	-8,3
	Sản phẩm khác	0,7	2,0	0,1	0,1	3,5	6,1	6,4	31,2
	<b>Tổng</b>	<b>34,4</b>	<b>100,0</b>	<b>45,0</b>	<b>100,0</b>	<b>57,6</b>	<b>100,0</b>	<b>20,5</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: PTIC

**Biểu đồ 2: Cơ cấu lợi nhuận gộp năm 2005 - 9 tháng 2008**



Trong giai đoạn 2005-2007, tỷ trọng doanh thu sản phẩm xây lắp có xu hướng giảm trong khi tỷ trọng doanh thu sản phẩm công nghiệp ngày càng tăng. Tuy vậy, sản phẩm xây lắp vẫn chiếm tỷ trọng ngày càng tăng trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty, chiếm một nửa lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2007. Năm 2007, Công ty có một khoản doanh thu

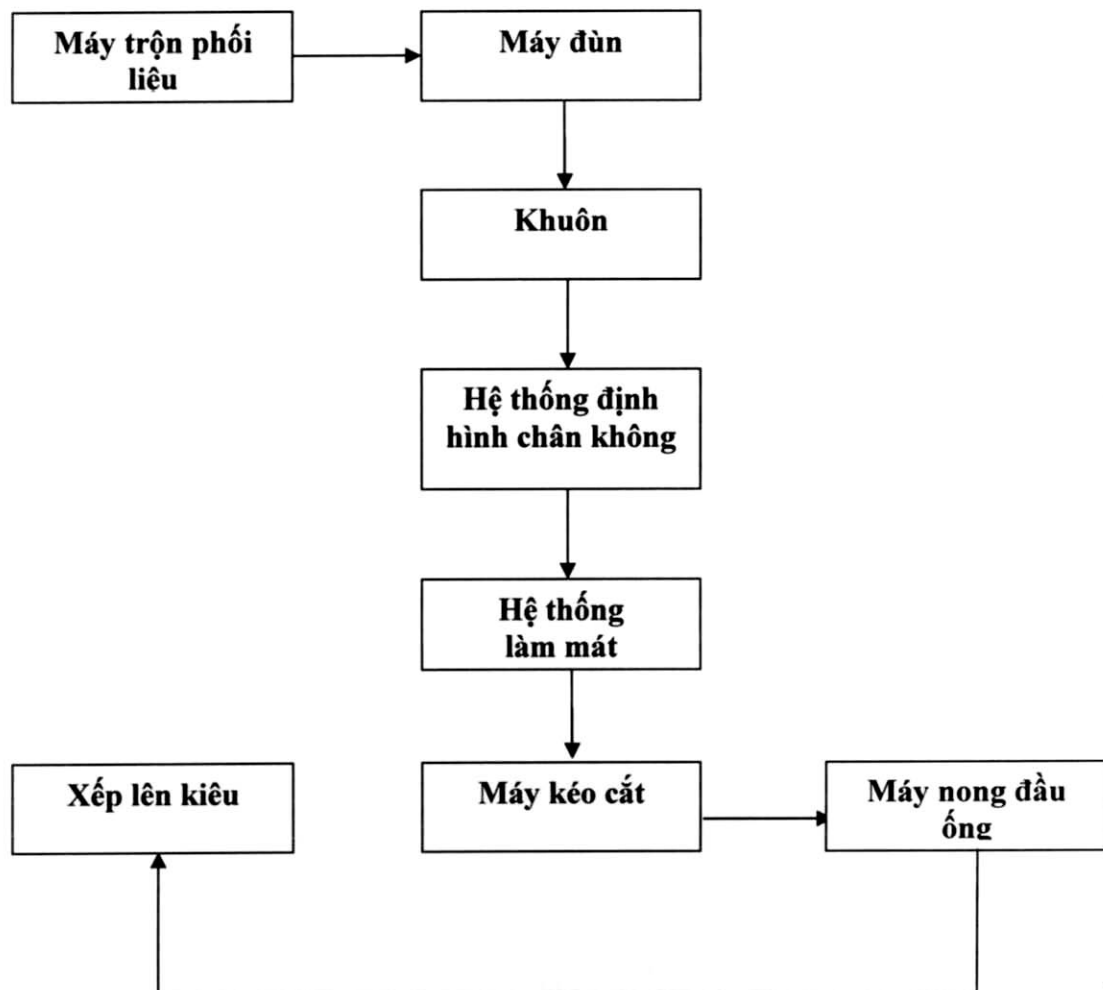
bất thường là 36,5 tỷ đồng (lợi nhuận gộp là 15,6 tỷ đồng) do việc chuyển quyền sử dụng mảnh đất Công ty mua để dự định xây dựng chi nhánh ở Đà Nẵng.

Trong 9 tháng đầu năm 2008, doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của các sản phẩm xây lắp, ống nhựa và sản phẩm cáp đều giảm so với cùng kỳ năm 2007. Nguyên nhân là do tốc độ tiêu thụ của các sản phẩm trên giảm mạnh, chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng mạnh trong khi Công ty không thể nâng giá đầu ra của sản phẩm. Tuy nhiên, doanh thu và lợi nhuận gộp của sản phẩm khác của Công ty lại tăng đột biến. Ngoài chức năng sản xuất cáp đồng, ống nhựa và kinh doanh xây lắp, Công ty còn có chức năng kinh doanh mua bán các sản phẩm thuộc về ngành cáp và xây lắp. Chính vì vậy, khi Công ty nhập nguyên vật liệu về phục vụ cho sản xuất nhưng khi không khai thác và sử dụng hết trong khi giá vật liệu lên, Công ty đã tận dụng lợi thế đó để bán đi thu lợi nhuận.

### 6.3. Quy trình sản xuất các sản phẩm

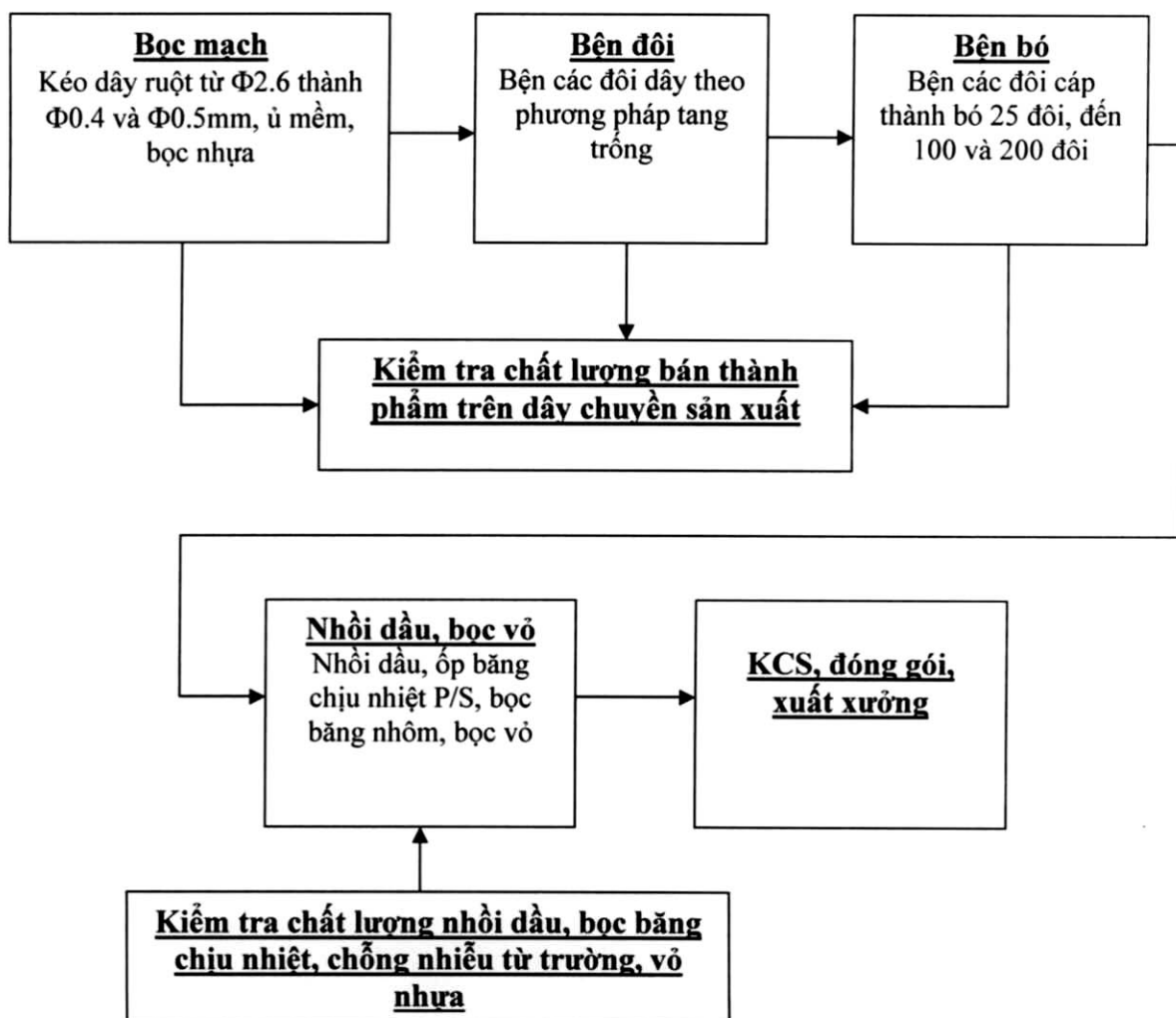
Quy trình sản xuất các sản phẩm công nghiệp của công ty như sau:

#### Quy trình sản xuất sản phẩm ống nhựa PVC và HDPE



Sản phẩm ống nhựa được sản xuất theo quy trình hóa dẻo nhựa. Phối liệu sau khi qua trộn được xả vào các silo chứa để ủ trong thùng tối thiểu 3 giờ. Sau đó phối liệu được đùn ép từ xilanh trục vít của máy đùn qua đầu khuôn sản phẩm. Tại đây dòng nhựa được tạo hình sơ bộ, sau đó đưa đến hệ thống định hình chân không, qua giai đoạn làm mát bằng nước nhiệt độ thấp và được kéo, cắt và nong đầu (nếu cần). Toàn bộ quá trình công nghệ trên được thực hiện khép kín trên máy và được thực hiện đồng bộ hoá trên bộ điều khiển trung tâm. Ống nhựa sau khi đã kiểm tra được đưa vào xe vận chuyển và xếp kiêu đúng nơi quy định.

### Quy trình sản xuất sản phẩm cáp thông tin kim loại



Sản phẩm cáp thông tin kim loại được sản xuất theo quy trình sau: dây đồng phi có đường kính từ 2,6-3 mm được kéo, ủ thành dây ruột có đường kính  $0,4 \pm 0,01$  mm và  $0,5 \pm 0,01$  mm, sau đó bọc vớ cách điện kiểu Foam-Skin bằng nhựa PE và HDPE. Dây ruột được bện đôi sau đó được bện thành bó 10 đôi, 20 đôi, 25 đôi, 50 đôi, 100 đôi theo kiểu tang trồng.



Cáp thông tin kim loại sau khi được bện thành bó với số đôi dây theo yêu cầu được đưa sang dây chuyên nhồi dầu để chống ẩm, bọc băng P/S chịu nhiệt, bọc băng nhôm (LAP) chống nhiễu từ trường và ngăn ẩm, bọc vỏ cáp bằng nhựa Polyethylene để chống tác động của môi trường, gặm nhấm và ăn mòn, và cuối cùng là công đoạn in các dữ liệu trên cáp: chiều dài, tên nhà sản xuất, thương hiệu... Cáp thành phẩm được cuộn vào các bobin gỗ với chiều dài tiêu chuẩn là 1000 m/cuộn.

#### 6.4. Nguyên vật liệu

##### a. Nguyên vật liệu cho ống nhựa bảo vệ cáp

Nguyên liệu cho ống nhựa bao gồm:

- ❖ Nguyên vật liệu chính là bột nhựa PVC K66 (cho ống PVC) và hạt PE (cho ống HDPE), chiếm khoảng 66,8% giá thành sản phẩm.
- ❖ Nguyên vật liệu phụ: chất ổn định chì 1 SAK-NS, chất ổn định chì 2 SAK-DS, chất ổn định chì 3 SAK-TS, bột nở tạo form AC 9, chất bôi trơn ngoài Qplas, chất bôi trơn trong CAST, chất trợ gia công PA 822, chất ổn định SF 55 và bột màu 1725.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính bột nhựa PVC K66 cho sản phẩm ống nhựa:

**Bảng 6:** Một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho sản phẩm ống nhựa của Công ty

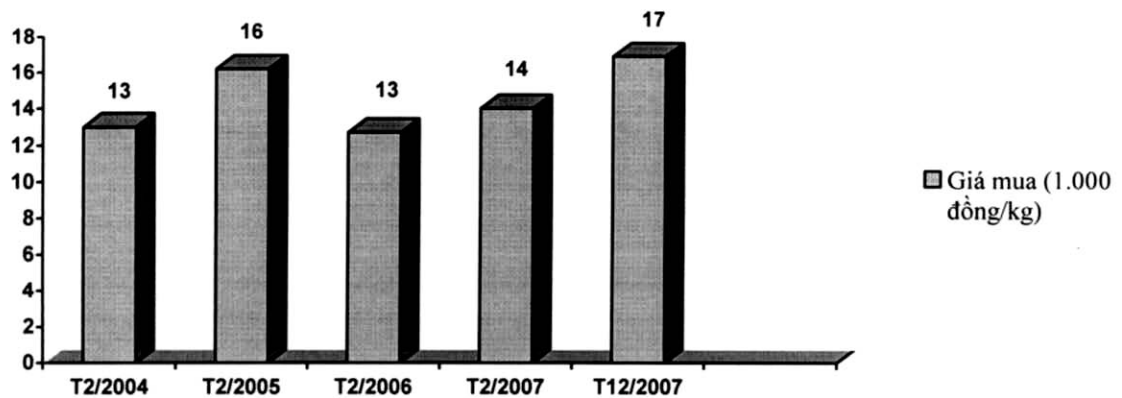
<i>STT</i>	<i>Nhà cung cấp</i>	<i>Nước</i>
1	Công ty cổ phần hoá chất Hà Việt	Việt Nam
2	Công ty Cổ phần Nhựa và Hóa chất Phú Mỹ	Việt Nam
3	Công ty Thai Plastic	Thái Lan
4	Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC VINA	Liên doanh Việt-Thái
5	Mitsui Co. Ltd	Nhật Bản

*Nguồn: PTIC*

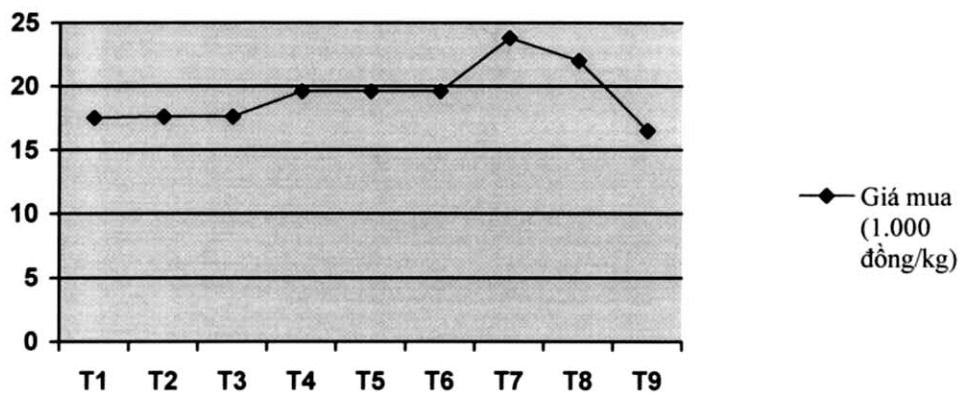
Đối với nguyên vật liệu là bột nhựa dùng cho sản xuất các sản phẩm ống nhựa, PTIC ký các hợp đồng trực tiếp để mua từng lô hàng với mức giá cố định. Nguồn nguyên liệu bột nhựa của công ty một phần được sản xuất tại Việt Nam, là sản phẩm của công ty Thai Plastic và công ty TPC VINA, một phần nhập khẩu thông qua công ty hoá chất Hà Việt và công ty Hoá chất Phú Mỹ. Do đặc tính của thị trường nguyên liệu là giá cả biến động thường xuyên nên Công ty áp dụng chính sách thu mua nguyên liệu khá linh hoạt. Công ty mua trực tiếp từ nhà xuất khẩu nước ngoài và cả các công ty nhập khẩu khác trong nước. Trong nhiều trường hợp, các công ty này nhập nguyên liệu với số lượng lớn và đầu cơ nên

giá bán của họ có thể thấp hơn giá nhập khẩu tại một số thời điểm. PTIC sẽ tùy thuộc vào giá thị trường nhập khẩu và giá chào của các công ty thương mại trong nước để chọn đối tác cung cấp có lợi nhất.

**Biểu đồ 3: Biến động giá bột nhựa trong thời kỳ 2004 - 2007**



**Biểu đồ 4: Biến động giá bột nhựa trong 9 tháng đầu năm 2008**



Nguồn: Các hợp đồng mua bột nhựa đã ký kết của công ty PTIC từ năm 2004 đến 30/09/2008

**b. Nguyên vật liệu cho cáp thông tin kim loại**

Nguyên liệu cho cáp thông tin kim loại như sau:

- ❖ Nguyên vật liệu chính: dây đồng mềm Ø2,6mm, chiếm khoảng 68% giá thành sản phẩm
- ❖ Nguyên vật liệu phụ: hạt nhựa Foam, hạt nhựa skin, hạt màu bọc mạch, hạt nhựa bọc vỏ, răng nhựa Muylar, băng nhôm, dây phân nhóm, dây treo thép mạ kẽm, dầu nhớt, chi tơ bó cáp, băng in trắng

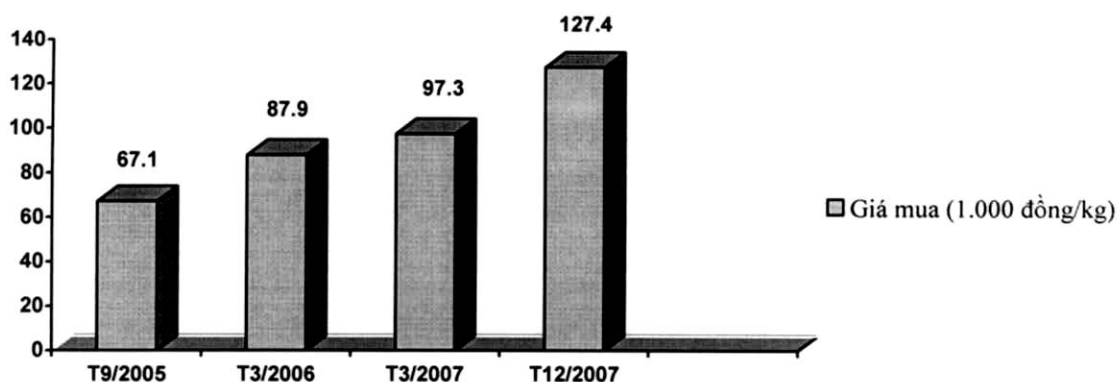
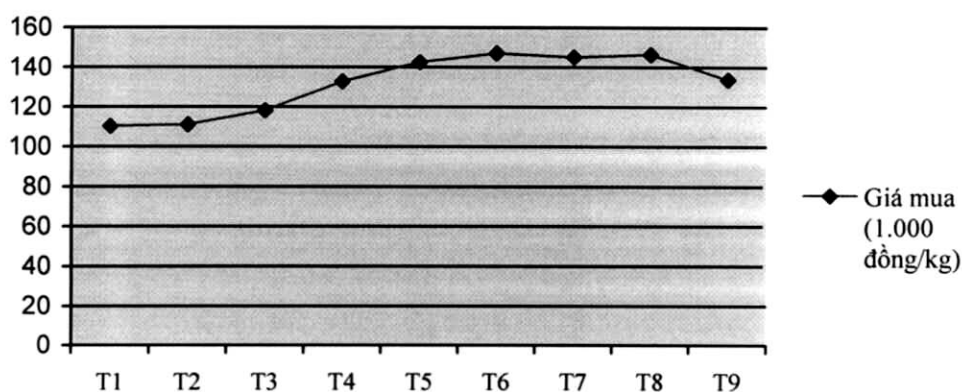
Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính dây đồng mềm Ø2,6mm cho sản phẩm cáp thông tin:

**Bảng 7:** Một số nhà cung cấp nguyên liệu chính cho sản phẩm cáp thông tin của Công ty

<i>TT</i>	<i>Nhà cung cấp</i>	<i>Nước</i>
1	Công ty dây đồng Việt Nam CFT	Liên doanh Việt - Nhật
2	Công ty cổ phần Trường Phú	Việt Nam
3	Công ty 3H	Hàn Quốc

*Nguồn: PTIC*

Nguyên liệu dây đồng để sản xuất cáp thông tin của Công ty phải nhập khẩu 100% thông qua các công ty nói trên. Trong những năm gần đây, giá đồng tăng liên tục. Giá các nguyên vật liệu phụ khác như dây treo thép mạ kẽm, dầu nhồi và các loại hạt nhựa cũng đồng loạt tăng giá. Đối với nguyên liệu đồng dùng cho sản xuất cáp thông tin, PTIC ký cả các Hợp đồng cụ thể theo từng lô và cả các Hợp đồng khung, trong đó mức giá áp dụng là giá giao dịch bình quân của thị trường nguyên liệu Luân Đôn cộng thêm 365 USD (chi phí phụ trội).

**Biểu đồ 5:** Biến động giá nguyên liệu đồng thời kỳ 2005 - 2007**Biểu đồ 6:** Biến động giá nguyên liệu đồng đầu vào 9 tháng đầu năm 2008

*Nguồn: Các hợp đồng mua dây đồng đã ký kết của PTIC từ năm 2005 đến 30/09/2008*

## c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Nhìn chung giá nguyên vật liệu là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới doanh thu và lợi nhuận công ty do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng trên 60% tổng chi phí của doanh nghiệp. Giá dự thầu tiêu thụ cấp và ống được điều chỉnh tăng theo dự đoán về mức độ tăng giá của vật tư đầu vào. Ngay khi trúng thầu hoặc ký kết hợp đồng cung cấp các sản phẩm, công ty sẽ nhanh chóng triển khai mua nguyên vật liệu để hạn chế và giảm thiểu rủi ro do giá nguyên vật liệu tăng đột biến. Đồng thời, công ty cũng có một lượng dự trữ nguyên vật liệu nhất định để dự phòng cho những Hợp đồng đòi hỏi tiến độ thực hiện nhanh. Nhờ những giải pháp kể trên, PTIC đã có thể hạn chế được phần nào những ảnh hưởng tiêu cực của biến động giá cả nguyên vật liệu trên thị trường thế giới và trong nước.

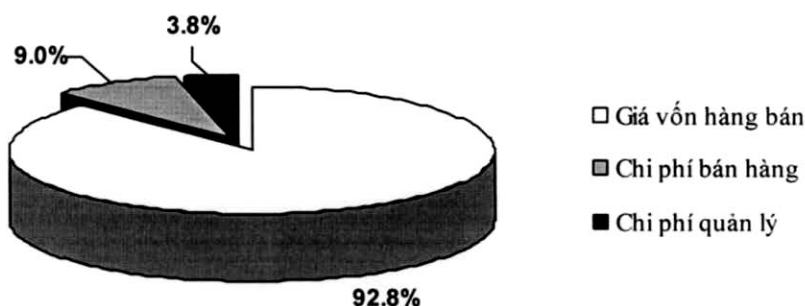
## 6.5. Chi phí sản xuất

**Bảng 8:** Cơ cấu chi phí giai đoạn 2005 - Quý III/2008

Đơn vị: triệu VNĐ

Chi phí	2005		2006		2007		QIII/2008	
	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT	Giá trị	%/DT
Giá vốn hàng bán	188.353	84,6	284.938	86,4	474.028	86,6	266.992	92,8
Chi phí bán hàng	5.685	2,6	10.936	3,3	9.535	1,7	2.641	0,9
Chi phí quản lý	11.213	5,0	11.907	3,6	21.628	4,0	10.958	3,8
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.251</b>	<b>92,2</b>	<b>307.781</b>	<b>93,3</b>	<b>505.191</b>	<b>92,3</b>	<b>280.591</b>	<b>96,5</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của PTIC từ năm 2005 – 2007;  
Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC Quý III/ 2008*

**Biểu đồ 7:** Cơ cấu các chi phí sản xuất /doanh thu của công ty PTIC trong 9 tháng đầu năm 2008

*Nguồn: Báo cáo tài chính quyết toán quý III/2008 của PTIC*

Chi phí sản xuất của công ty ở mức dao động khoảng từ 92 % - 93% doanh thu trong thời kỳ 2005 - 2007, riêng từ đầu năm 2008 đến nay, chi phí sản xuất tăng lên chiếm tỉ trọng 95,5%, cao hơn so với các số liệu của những năm liền trước chủ yếu do giá nguyên liệu đầu vào trong năm tăng mạnh. Trong quá trình sản xuất công ty áp dụng nhiều biện pháp tiết kiệm, cải tiến sản phẩm để giảm giá thành, tuy nhiên do nguyên vật liệu của công ty lại chịu sự biến động của sự tăng giá trên thị trường (nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, khoảng 92% đối với sản phẩm công nghiệp và khoảng 46% đối với sản phẩm xây lắp), đặc biệt là việc tăng giá đồng và giá bột nhựa liên tục từ đầu năm đến tháng 8 năm 2008 đã góp phần làm tăng chi phí sản xuất của Công ty lên đến 96,5% doanh thu. Bên cạnh đó, giá bán sản phẩm lại có chiều hướng đi xuống do sự cạnh tranh trong ngành khiến lợi nhuận của Công ty giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

Chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí sản xuất của công ty. Do công ty chủ yếu thực hiện các dự án của doanh nghiệp trong cùng Tổng Công ty nên chi phí marketing và các chi phí khác hỗ trợ việc tiêu thụ sản phẩm tương đối hợp lý.

Chi phí quản lý của doanh nghiệp luôn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí, trong đó tỷ trọng này cao nhất là 5% năm 2005, thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, các năm khác tỉ lệ này là tương đối hợp lý.

#### 6.6. Trình độ công nghệ

Trong thời gian qua, Công ty đã đầu tư thêm 01 dây chuyền sản xuất cáp công suất 250.000 km đôi dây/năm, mở ra một hướng đi mới cho Công ty trong tương lai. Năm 2006, Công ty đã triển khai dự án mở rộng Nhà máy vật liệu viễn thông I tại đường Láng Hoà Lạc, đã nâng công suất sản xuất cáp thêm 750.000 km đôi dây.

Tới thời điểm 30/09/2008, công ty có:

- ❖ Dây chuyền sản xuất ống nhựa CINCINATI, công nghệ Đức-Áo, công suất 1.500 km ống/năm, lắp đặt năm 1997.
- ❖ Dây chuyền sản xuất ống nhựa XINXING 01, công nghệ Trung Quốc, công suất 1.000 km ống/năm, lắp đặt năm 1999.
- ❖ Dây chuyền sản xuất ống nhựa XINXING 02, công nghệ Trung Quốc, công suất 1.000km ống /năm, lắp đặt năm 12/2001.
- ❖ Dây chuyền sản xuất ống nhựa XINXING 03, công nghệ Trung Quốc, công suất 1.000km ống /năm, lắp đặt năm 3/2006.
- ❖ Dây chuyền sản xuất thanh khuôn cửa Profile, công nghệ Đức Áo, công suất 700 tấn sản phẩm/năm, lắp đặt năm 1997

- ❖ Dây chuyên sản xuất cáp thông tin kim loại SKS, công nghệ Trung Quốc, công suất 250.000 km đôi dây/năm, lắp đặt 9/2005
- ❖ Dây chuyên sản xuất dây thuê bao điện thoại, công nghệ Việt nam, công suất 100.000 km/năm, lắp đặt 9/2005.
- ❖ Dây chuyên sản xuất ống HDPE công suất 1000 km ống/năm.
- ❖ Hệ thống dây chuyên Nokia sản xuất cáp thông tin đã lắp đặt xong và đang chạy thử, công suất 750.000 km dây đôi/năm.

#### 6.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Phòng Kỹ thuật Công nghệ của PTIC có chức năng kết hợp với Bộ phận kỹ thuật của các nhà máy triển khai nghiên cứu, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, công nghệ, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, Phòng Kỹ thuật Công nghệ triển khai phổ biến và ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ và các công trình nghiên cứu vào thực tế sản xuất. Nhiều nghiên cứu để sản xuất các sản phẩm mới trên cùng một dây chuyên đã được triển khai, qua đó góp phần giúp PTIC giảm thiểu được đáng kể chi phí sản xuất.

#### 6.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

PTIC đã được cấp chứng chỉ về hệ thống kiểm tra chất lượng sản phẩm là ISO 9001- 2000. Ống nhựa các loại, cáp thông tin kim loại dùng cho mạng viễn thông sản xuất trên dây chuyên của PTIC được kiểm tra chất lượng chặt chẽ theo 2 công đoạn:

*a. Kiểm tra chất lượng bán thành phẩm:* quá trình này được thực hiện trên từng công đoạn sản xuất tại máy công nghệ và lấy mẫu kiểm tra tại phòng thí nghiệm:

- ❖ Kiểm tra chất lượng dây ruột cáp: từ khâu kéo dây đồng thành dây ruột, sai số cho phép không quá  $\varnothing 0,001\text{mm}$ ;
- ❖ Kiểm tra chất lượng khâu bện đôi: bảo đảm bước xoắn, luật màu
- ❖ Kiểm tra chất lượng khâu bện bó: ghép các nhóm cơ bản theo luật màu thành bó hoặc lớn hơn 25 đôi.
- ❖ Kiểm tra chất lượng nhồi dầu, bọc băng P/S chịu nhiệt, bọc băng nhôm chống nhiễu từ trường và bọc vỏ cáp bằng nhựa PE.

*b. Kiểm tra chất lượng thành phẩm (KCS):* Sau khi ống nhựa thành phẩm, cáp thành phẩm được cuộn thành từng bobin, công đoạn cuối cùng là kiểm tra chất lượng thành phẩm để đóng gói và xuất xưởng. KCS được Nhà máy và Phòng Kỹ thuật công nghệ thực hiện với sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật của tiêu chuẩn ngành TCN 68-144:1995 và TCN 68-132:1998

### 6.9. Hoạt động Marketing

Do hầu hết khách hàng của PTIC là khách hàng trong ngành bưu chính viễn thông nên công tác marketing được tiến hành một cách đơn giản nhưng vẫn hiệu quả.

Về chính sách giá cả: do PTIC cung cấp sản phẩm chủ yếu thông qua hình thức đấu thầu nên chính sách giá được áp dụng linh hoạt trong từng trường hợp cụ thể.

Về chính sách khuyến khích: Hàng năm, PTIC tổ chức Hội nghị Khách hàng để duy trì quan hệ với các khách hàng truyền thống. Để có thêm khách hàng mới, một mặt công ty tận dụng các mối quan hệ trong ngành, mặt khác Trung tâm Thương mại của PTIC có Bộ phận Tiếp thị riêng, thường xuyên chủ động cử nhân viên đi tiếp cận các khách hàng tiềm năng. Công ty cũng tiến hành quảng cáo qua một số phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình và báo chí. Các sản phẩm của PTIC được chứa trong các kho của PTIC và được chuyển trực tiếp cho khách hàng theo các hợp đồng mà không thông qua bất kỳ đại lý gián tiếp nào.

### 6.10. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Cán bộ công nhân viên của PTIC đã tìm ra và áp dụng nhiều giải pháp kỹ thuật nhằm giảm chi phí sản xuất và nâng cao hiệu quả. Tuy nhiên, công ty chưa tiến hành đăng ký gì về mặt phát minh, bản quyền sáng chế mà chỉ áp dụng trong phạm vi nội bộ.

Ngoài ra, PTIC hiện đã tiến hành nộp hồ sơ đăng ký bản quyền tên và logo của công ty và hồ sơ đã được tiếp nhận. Mẫu Logo của Công ty như sau:



Công ty cũng đã tiến hành thiết kế, xây dựng website thông tin về công ty và đăng ký tên miền trên mạng Internet như sau: <http://www.xaydungbuudien.com>

### 6.11. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Trong năm 2007 và 9 tháng đầu năm 2008, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng kinh tế sau:

**Bảng 9: Một số hợp đồng lớn đã ký và đang thực hiện trong 9 tháng đầu năm 2008**

<i>STT</i>	<i>Tên khách hàng</i>	<i>Hợp đồng</i>	<i>Ngày ký</i>	<i>Giá trị (đồng)</i>
*	<b>HỢP ĐỒNG NHỰA</b>			
1	Công ty Truyền dẫn Viettel	01/Viettel-Ptic	9/6/08	2.478.025.220
2	Viễn thông Cao Bằng	101/HĐKT-MB	23/7/08	270.810.000
		102/HĐKT-MB	23/7/08	80.411.600
3	Viễn thông Sơn La	18/HĐKT	4/8/08	353.821.000
4	Viễn thông Bắc Kạn	1267/VTBK	7/8/08	473.317.200
5	Viễn thông Vĩnh Phúc	19/HĐKT	20/8/08	379.666.100
		20/HĐKT	20/8/08	203.670.000
		22/HĐKT	20/8/08	207.487.000
		23/HĐKT	20/8/08	146.263.000
		24/HĐKT	20/8/08	336.353.000
		25/HĐKT	20/8/08	289.074.000
6	Viễn thông Lào Cai	27/HĐKT	20/8/08	541.465.400
7	Trung tâm VTKV I	14698/HĐKT	1/9/08	112.500.000
		H§109/PVC	10/9/08	343.490.000
		H§229/PVC	22/9/08	536.517.300
8	CTCPPTVT Bắc Miền Trung	03.08/HĐKT	26/7/08	73.810.000
9	CNCTCPPTDV BĐ Quảng Nam	07.08/HĐKT	13/8/08	288.750.000
		08.08/HĐKT	18/8/08	924.000.000
10	TTVT1-Viễn thông Bình Định	05.08/HĐKT	20/8/08	80.190.000
		06.08/HĐKT	20/8/08	59.400.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>8.179.020.820</b>
*	<b>HỢP ĐỒNG CẤP</b>			
1	Viễn thông Nghệ An	HĐ 23	20/2/08	5.627.937.700
		HĐ 24	20/2/08	9.630.610.000
		HĐ 25	20/2/08	5.386.381.000
		HĐ 26	20/2/08	6.201.910.000
2	Tổng công ty Viễn thông Quân đội	HĐ 246	24/6/08	44.482.570.000
		HĐ 1606	16/6/08	9.814.970.000
3	Viễn thông Long An	HĐ 06/HĐKT	22/7/08	892.493.800
4	Viễn thông Vĩnh Long	HĐ 08/HĐKT	5/9/08	620.510.000
5	Viễn thông Huế	269/HĐKT	1/9/08	2.766.412.550
	<b>Tổng</b>			<b>85.423.975.050</b>

Nguồn: PTIC



## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất

### 7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần nhất

**Bảng 10:** Kết quả hoạt động kinh doanh của PTIC giai đoạn 2005 - Quý III/2008

Đơn vị: triệu VNĐ

CHỈ TIÊU	2005		2006		2007		Quý III/2008
	Giá trị	%tăng /giảm	Giá trị	%tăng /giảm	Giá trị	%tăng /giảm	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	211.140	21,7	369.357	74,9	569.652	54,2	417.306
Vốn chủ sở hữu	44.058	23,1	111.353	152,3	263.131	136,3	243.974
Doanh thu thuần	222.730	2,1	329.933	48,1	547.225	65,9	287.482
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.613	90,7	23.101	69,7	28.695	24,2	2.962
Lợi nhuận khác	79	-	145	83,5	55	(62,1)	(*)(1.044)
Lợi nhuận trước thuế	13.692	92,2	23.246	69,8	28.749	23,7	1.918
Lợi nhuận sau thuế	13.692	166,9	23.246	69,8	24.392	4,9	1.918
Tỷ lệ cổ tức	14,0%	-	15,0%	7,1	16,0%	6,7	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	35,8%	-	32,3%	(9,8)	41,0%	27,1	-

*Nguồn:* Báo cáo tài chính kiểm toán của PTIC từ năm 2005 – 2007;

Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC Quý III/ 2008

Nguyên nhân của khoản mục lợi nhuận khác trong 9 tháng đầu năm 2008 bị lỗ là: Công ty triển khai thực hiện việc chạy thử dây chuyền Nokia sản xuất cáp thông tin công suất 750.000 km đôi dây/ năm nên đã cho ra sản phẩm trong đó còn có những sản phẩm bị lỗi. Để thu hồi vốn Công ty đã thực hiện bán thanh lý các sản phẩm sản xuất trong giai đoạn chạy thử này với giá bằng 70 - 80% giá thành sản xuất. Tuy nhiên, hiện nay sản phẩm sản xuất ra từ dây chuyền này đã khắc phục được lỗi trên và dây chuyền này hiện nay đang trong giai đoạn nghiệm thu

### 7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm từ 2005- 2007 của công ty đều có xu hướng tăng. Mức tăng về doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong năm 2006 so với năm 2005 tương ứng là 48,1% và 69,7%, năm 2007 tăng so với năm 2006 với tốc độ lần lượt tăng tương ứng là 65,9% và 24,2%.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2008 đến nay, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng chung của kinh tế cả nước. Lạm phát tăng cao kéo theo giá đầu vào của nguyên vật liệu xây dựng liên tục tăng và biến động mạnh trong năm 2008,

thời gian thu hồi vốn không kịp thời bị chiếm dụng vốn, làm cho Công ty phải chịu lãi mẹ đẻ lãi con trong khi tiếp cận với các khoản vay ngân hàng rất khó khăn và lãi suất cao càng gây áp lực lớn về vốn cho Công ty.

Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của đặc thù ngành.: do thời gian thi công thường kéo dài chịu tác động của nhiều yếu tố như: giải phóng mặt bằng, giấy phép thi công, việc nghiệm thu bàn giao kéo dài không có điểm dừng thi công làm cho công tác thanh quyết toán kéo dài. lại chịu tác động nhiều của điều kiện tự nhiên thời tiết, mưa bão... dẫn đến việc trượt giá vật tư mà chưa kịp thời điều chỉnh kịp thời.

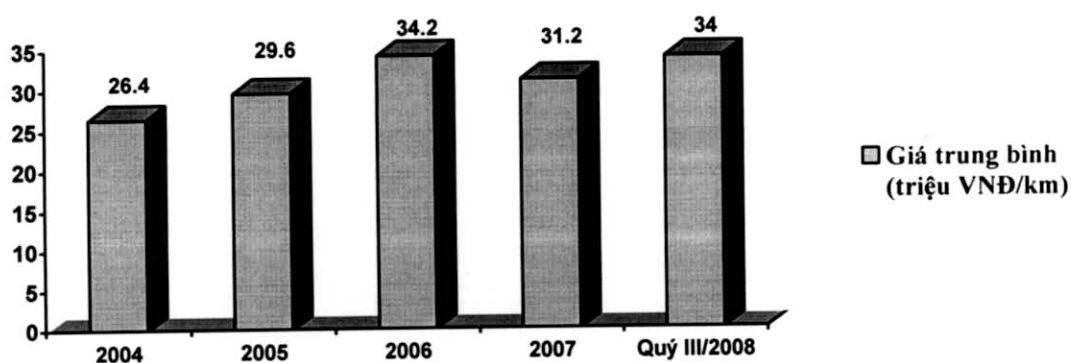
Nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất công nghiệp là dây đồng, bột nhựa, xi măng, cát đá, sắt thép... đều là những nguyên vật liệu chịu sự biến động lớn về giá cả và thường có xu hướng tăng giá.

Ngoài các yếu tố trên, sự tăng trưởng của Công ty do các yếu tố sau:

### Giá bán sản phẩm

Tại thời điểm cuối 2004, giá bột nhựa PVC tăng mạnh tới 30 - 40%. Các đơn vị sản xuất ống bọc cáp đều đứng trước nguy cơ lỗ nặng nên đã kiến nghị tăng giá mua ống bọc cáp, xoá bỏ cơ chế giá trần, giá sàn. Bắt đầu từ năm 2005 giá sản phẩm ống được điều chỉnh tăng, trong lúc giá bột nhựa giảm nhiều, điều này đã đem lại nguồn lợi nhuận lớn cho công ty. Bên cạnh đó, giai đoạn 2004- 2007, Công ty đã áp dụng nhiều biện pháp làm giảm tiêu hao nguyên vật liệu và chi phí nhân công. Giá bán sản phẩm năm 2007 và chín tháng đầu năm 2008 giảm do sự cạnh tranh ngày càng tăng trong ngành với sự gia nhập ngày càng lớn của các công ty, đặc biệt là khu vực tư nhân, dẫn đến áp lực giảm giá bán sản phẩm mặc dù giá nguyên vật liệu đầu vào tăng.

**Biểu đồ 8: Giá bán trung bình các sản phẩm ống của Công ty PTIC từ năm 2004 đến nay (triệu VNĐ/km)**



Nguồn: PTIC

Cách tính giá bán trung bình sản phẩm ống của Công ty dựa trên số liệu hàng tháng của sản phẩm chính sản xuất là ống d110x5.

### **Dây chuyền sản xuất mới**

Trong năm 2006, Công ty lắp đặt thêm dây chuyền sản xuất cáp đồng mới đi vào hoạt động, đóng góp 20,97% tổng lợi nhuận gộp của Công ty. Quý III/2007, dây chuyền sản xuất cáp 750.000 km đôi dây đã bắt đầu chính thức đi vào sản xuất và cho sản phẩm. Hiện nay, năng lực sản xuất cáp đồng của công ty chỉ hoạt động 50% công suất do nhu cầu về sản phẩm này của ngành Bưu chính viễn thông sụt giảm mà thay vào đó là nhu cầu sử dụng cáp quang và cáp không dây.

### **Sự phát triển của ngành viễn thông**

Giai đoạn 2005 - 2007 là thời kỳ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có định hướng tập trung các nguồn lực vào phát triển mạng lưới viễn thông. Nhiều dự án xây lắp được triển khai, do vậy hoạt động xây lắp và cung cấp các sản phẩm công nghiệp của Công ty đã đạt được những kết quả nhất định. Trong những năm qua công ty phục vụ thị trường trong ngành đến 80%, các sản phẩm phục vụ ngành đa dạng hơn như xây dựng nhà trạm, xây dựng các tuyến cáp cống, cáp treo, các cột anten, sản phẩm ống nhựa, luôn cáp thông tin, sản phẩm cáp đồng, dây điện thoại ... Tuy nhiên, ngành cáp viễn thông là ngành thuộc lĩnh vực công nghệ cao và hiện đại nên Công ty phải luôn bám sát sự tiến bộ của công nghệ cho phù hợp với nhu cầu ngày càng cao hơn của thị trường

## **8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1. Vị thế của công ty trong ngành**

PTIC là doanh nghiệp lớn nhất về cung cấp sản phẩm ống nhựa với khoảng 20 - 25% thị phần<sup>3</sup>. Các đối thủ cạnh tranh khác trong ngành bao gồm Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện, Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bưu điện và một số đơn vị cung cấp khác. Đối với sản phẩm cáp thông tin, PTIC là đơn vị cung cấp có quy mô vừa trên thị trường. Các đối thủ khác trong ngành bao gồm Công ty liên doanh CápTaihan - Sacom, Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt Hàn, Công ty cổ phần Viễn thông Thăng Long, Công ty cổ phần Cáp Sài Gòn... Nhìn chung, trên thị trường các sản phẩm ống nhựa và cáp viễn thông, PTIC được khách hàng (các bưu điện tỉnh và thành phố và các tổ chức khác) đánh giá cao nhờ chất lượng sản phẩm bảo đảm và giá cả cạnh tranh. Hơn nữa, theo đánh giá của PTIC, do thị trường cáp viễn thông vẫn còn nhiều tiềm năng phát triển nên hiện tại, các sản phẩm cáp sản phẩm công ty làm ra đều được tiêu thụ hết.

<sup>3</sup> Nguồn: Trung tâm thương mại PTIC

## 8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành Bưu chính viễn thông là một trong những ngành được Chính phủ chú trọng đầu tư phát triển. Căn cứ chiến lược phát triển Bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin theo mô hình tập đoàn kinh tế mạnh đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 58/2005/QĐ-TTg ngày 23/3/2005. Theo kế hoạch phát triển mạng viễn thông quốc gia, từ nay đến năm 2010, mật độ sử dụng điện thoại và dịch vụ Internet được phổ cập rộng rãi trong xã hội. Riêng tập đoàn Bưu chính viễn thông đã có kế hoạch đầu tư cho xây dựng cơ bản và phát triển trong giai đoạn 2006 - 2010 tối thiểu là 95.000 tỷ đồng.

Theo thống kê của Bộ bưu chính viễn thông (nay là Bộ thông tin và truyền thông) tốc độ tăng trưởng doanh thu chung của ngành CNTT và Truyền thông trong 5 năm qua đạt mức trung bình 12%/năm. Báo cáo tình hình kinh tế xã hội năm 2007 của Tổng cục Thống kê đối với ngành Bưu chính Viễn thông: năm 2007 tiếp tục được đánh giá là tiếp tục phát triển mạnh. Số thuê bao điện thoại phát triển mới trong năm 2007 ước tính đạt 18,5 triệu thuê bao (gần bằng số thuê bao phát triển trong 3 năm 2004, 2005, 2006) nâng tổng số thuê bao trên cả nước tính đến hết tháng 12/2007 đạt 46 triệu thuê bao. Số thuê bao internet (quy đổi) phát triển mới năm 2007 ước tính đạt 1,18 triệu thuê bao. Đến nay đã có 18,2 triệu người sử dụng internet, chiếm 21,4% dân số cả nước<sup>4</sup>. Các dịch vụ bưu chính viễn thông, Internet, truyền hình di động và các dịch vụ giá trị gia tăng khác tiếp tục phát triển với chất lượng ngày được nâng cao.

Như vậy, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, ngành bưu chính viễn thông còn có nhiều tiềm năng và triển vọng phát triển trong tương lai.

### Hoạt động xây lắp của ngành bưu chính viễn thông

Hoạt động xây lắp của công ty tập trung vào các dự án của các doanh nghiệp trong ngành bưu chính viễn thông. Nhìn chung thị trường xây lắp trong ngành bưu chính viễn thông đang phát triển nhanh do Tập đoàn Bưu chính viễn thông đang thực hiện nhiều dự án lắp đặt các công trình viễn thông trên cả nước.

### Ngành sản xuất cáp viễn thông

Chính phủ đã phê duyệt ngân sách đầu tư tổng thể cho ngành viễn thông Việt Nam giai đoạn 2006-2010 là trên 100 ngàn tỷ đồng; trong đó phần Mở rộng mạng nội hạt (tổng đài, truyền dẫn, Cáp) là 30 ngàn tỷ đồng<sup>5</sup>

Với ngân sách như trên, đến năm 2010, yêu cầu đặt ra là mật độ điện thoại phải đạt từ 32 đến 42 máy/100 dân (trong đó mật độ điện thoại cố định là 14 đến 16 máy/100 dân); mật

<sup>4</sup> Nguồn: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2007>

<sup>5</sup> Nguồn: Trích dẫn Quyết định số 32/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông và Internet Việt Nam đến năm 2010

độ thuê bao Internet đạt từ 8 đến 12 thuê bao/100 dân (trong đó có 30% là thuê bao băng rộng); tỷ lệ người sử dụng Internet đạt 25% đến 35% dân số. Như vậy, tổng lượng cáp đến năm 2010 ước tính sẽ cần khoảng 70 triệu km đôi dây. Hằng năm, nhu cầu thị trường khoảng 10 triệu km đôi dây. Mới đây, Chính phủ Việt Nam đề ra kế hoạch tăng mật độ viễn thông từ 45% năm 2007 lên 64% năm 2010 và tỷ lệ sử dụng Internet sẽ tăng từ 20% năm 2007 lên 41% năm 2010. Kế hoạch này làm tăng hơn nữa nhu cầu về cáp viễn thông và thúc đẩy ngành cáp viễn thông phát triển mạnh.

Tóm lại, nhu cầu về cáp viễn thông ở Việt Nam còn rất lớn và chưa được đáp ứng, hiện nay các nhà sản xuất trong nước chỉ đáp ứng khoảng 70% tổng số nhu cầu về cáp viễn thông<sup>6</sup>

### **Ngành sản xuất ống nhựa bảo vệ cáp**

Ống nhựa đặt cáp của công ty là sản phẩm chuyên dụng, thị trường tiêu thụ tập trung trong ngành bưu chính viễn thông và ngành điện lực. Hiện nay, ngành bưu chính viễn thông đang từng bước tiến hành ngầm hoá hệ thống cáp trên toàn quốc, dự kiến đến năm 2010 sẽ hoàn tất. Song song với việc phát triển mạng cáp cần phải có các loại ống nhựa PVC, HDPE để bảo vệ cáp. Đây là tiền đề cho sự phát triển của công ty trong những năm tới.

Mặc dù vậy, nguyên liệu của ngành chủ yếu phải nhập khẩu (90%). Từ đầu năm 2006 tới nay, giá nguyên liệu nhựa đã liên tục tăng với tốc độ tăng 7,2% trong năm 2006 và tăng 28,3% trong năm 2007. Dự báo giá nguyên liệu nhựa vẫn sẽ tiếp tục tăng, gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành.

### **8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Định hướng phát triển của Công ty là tập trung vào hoạt động sản xuất sản phẩm công nghiệp và xây lắp phục vụ ngành bưu chính viễn thông. Điều này hoàn toàn phù hợp với chiến lược phát triển Bưu chính - Viễn thông đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Là một quốc gia đang phát triển, Việt Nam rất chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông, tin học, trong đó định hướng tăng cường mật độ điện thoại bình quân trên toàn quốc. Nhu cầu về cáp viễn thông và ống đặt cáp trong tương lai rất lớn, mở ra một thị trường rộng lớn cho Công ty.

## **9. Chính sách đối với người lao động**

### **9.1. Cơ cấu lao động trong Công ty**

Tại thời điểm 30/09/2008, tổng số lao động trong Công ty là 423 người, trong đó:

<sup>6</sup> Nguồn: <http://www.doisongkinhte.com/detail.asp?idbaiviet=1625>



**Bảng 11: Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2008**

Loại lao động	Số lượng			Tỉ lệ
	Nam	Nữ	Tổng	
<b>Phân theo trình độ học vấn</b>				
1. Đại học, trên đại học	151	43	194	45,9%
2. Cao đẳng	41	5	46	10,9%
3. Trung cấp	8	12	20	4,7%
4. Công nhân kỹ thuật	142	21	163	38,5%
5. Chưa đào tạo	0	0	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>342</b>	<b>81</b>	<b>423</b>	<b>100%</b>
<b>Phân theo phân công lao động</b>				
1. Lao động quản lý khác	58	8	66	15,6%
2. Lao động trực tiếp	284	73	357	84,4%
<b>Tổng</b>	<b>342</b>	<b>81</b>	<b>423</b>	<b>100%</b>

Nguồn: PTIC

## 9.2. Chính sách đối với người lao động:

### Chế độ làm việc

Người lao động trong Công ty PTIC đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động, trừ một số lao động phổ thông ở các tỉnh thuê theo yêu cầu của từng dự án. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5,5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Bộ phận xây lắp và các phòng ban chức năng làm việc theo giờ hành chính. Riêng tại 02 nhà máy vật liệu viễn thông, công nhân làm việc 3 ca/ngày, mỗi ca 8 tiếng.

Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ theo đúng Luật lao động, làm thêm không quá 200 giờ trong 1 năm, lương ngoài giờ được trả từ 150% đến 200% mức lương làm việc thông thường.

Công ty thực hiện đúng chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo quy định. Bên cạnh đó, công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ dài hơn nếu có nhu cầu.

### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Các xí nghiệp, nhà máy trong công ty căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, đề xuất lên Phòng Tổ chức - Nhân sự - Hành chính - Quản trị. Phòng Tổ chức tập hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị và trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Sau khi nhận được sự chấp thuận

của Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tổ chức tiến hành thu thập hồ sơ xin việc, xem xét hồ sơ và tiến hành phỏng vấn, thi viết và lựa chọn.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, PTIC đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo trực tiếp lao động ngay tại nhà máy, đào tạo chuyển nghề cho các lao động dôi dư, khuyến khích nhân viên các phòng ban tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ trực tiếp của lao động. Bên cạnh đó công ty còn tạo điều kiện, hỗ trợ về mặt thời gian cho những lao động có nhu cầu học các ngành nghề khác không liên quan tới nghiệp vụ trực tiếp.

### **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Các đơn vị sản xuất của Công ty hưởng lương theo quy chế khoán theo sản phẩm. Công nhân xây lắp được khoán lương theo giá trị sản lượng xây lắp, công nhân sản xuất sản phẩm ống nhựa được khoán lương theo số mét ống sản xuất ra, công nhân sản xuất sản phẩm cáp được khoán lương theo số km đôi dây sản xuất ra. Lương được trả hàng tháng cho người lao động.

Tổng quỹ lương các phòng ban của công ty được trả theo hình thức lương khoán dựa trên kết quả doanh thu toàn công ty. Các cá nhân được trả lương theo chức danh công tác và kết quả công việc, có cân nhắc đến thâm niên công tác, trình độ và chất lượng công việc do họ hoàn thành.

Mức lương trung bình của Công ty trong năm 2004 đạt 2.050.000 đồng, và năm 2005 đạt 3.100.000 đồng. Năm 2006 và năm 2007 thu nhập bình quân người lao động lần lượt là 3.500.000 đồng/người/tháng và 4.100.000 đồng/tháng/người, năm 2008 sụt giảm còn: 3.000.000 đồng/người/tháng. Công ty đã ban hành và điều chỉnh các quy chế về phân phối thu nhập, khoán kinh doanh, khoán xây lắp

## **10. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- ❖ Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- ❖ Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả
- ❖ Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Chính sách cổ tức của công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai. Tỷ lệ cổ tức năm 2005 là 14% mệnh giá cổ phiếu, năm 2006 là 15% và năm 2007 mức chi trả cổ tức là 16%.

Do ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế trong nước năm 2008 xấu, có nhiều biến động và thực tế hoạt động của Công ty trong năm 2008 là kém hiệu quả do giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng đột biến, lãi suất ngân hàng tăng cao, sản xuất bị ngừng ở các khâu và đặc biệt là nguồn vốn của Công ty bị chiếm dụng vốn nên việc thực hiện chi trả cổ tức theo dự kiến 16% (đã nêu tại Nghị quyết ĐHCĐ ngày 28/03/2008) là rất khó thực hiện. Vì vậy, mức cổ tức chi trả dự kiến phải điều chỉnh xuống cho phù hợp dự kiến đạt được mức cổ tức là 4%. Sau khi vượt qua giai đoạn khó khăn của năm 2008, Công ty ổn định lại hoạt động kinh doanh và đưa ra mức cổ tức dự kiến cho năm 2009 và 2010 lần lượt là 17% và 18%.

## 11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

### 11.1. Các chỉ tiêu chủ yếu

#### a. Trích khấu hao TSCĐ:

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định của Công ty hiện đang áp dụng theo phương pháp đường thẳng được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm

#### b. Mức lương bình quân:

Năm 2006, Công ty duy trì mức thu nhập bình quân của người lao động là 3.487.000 đồng/tháng. Năm 2007, mức thu nhập bình quân đạt 4.100.000 đồng/tháng; 9 tháng đầu năm 2008. mức thu nhập bình quân đầu người là 3.000.000 đồng/tháng.

#### c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

#### d. Các khoản phải nộp theo luật định:



Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định và cũng được các cục thuế địa phương hoàn thuế kịp thời.

e. *Trích lập các quỹ theo luật định:*

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

Tại thời điểm 30/09/2008, số dư các quỹ như sau:

- ❖ Quỹ đầu tư phát triển: 23.509 triệu đồng
- ❖ Quỹ dự phòng tài chính: 4.028 triệu đồng
- ❖ Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.860 triệu đồng

f. *Tổng dư nợ vay:*

**Bảng 12: Vay và nợ ngắn hạn**

*Đơn vị: nghìn đồng*

<i>TT</i>	<i>Ngân hàng</i>	<i>31/12/2005</i>	<i>31/12/2006</i>	<i>31/12/2007</i>	<i>30/09/2008</i>
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>50.526.711</b>	<b>92.535.482</b>	<b>118.734.967</b>	<b>46.239.431</b>
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội	39.209.620	41.607.550	46.139.386	6.148.434
2	Ngân hàng ĐT&PT Nam Hà Nội	-	-	45.001.984	26.070.294
3	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	5.256.871	29.713.440	15.894.464	5.712.160
4	Cá nhân	2.206.819	6.000.487	8.867.006	7.808.543
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000</b>	<b>500.000</b>
1	Công ty Tài chính Bưu điện	-	-	1.000.000	500.000
<b>III</b>	<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>	<b>4.470.271</b>	<b>2.121.226</b>	<b>217.593</b>	<b>0</b>
1	Công ty cho thuê tài chính - NH Công thương VN	4.079.856	2.121.226	140.636	-
2	Công ty cho thuê tài chính NH Đầu tư Phát triển VN	390.415	-	76.957	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>54.996.982</b>	<b>94.656.708</b>	<b>119.952.560</b>	<b>46.239.431</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của PTIC từ năm 2005 – 2007;*

*Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC QuýIII/ 2008*

**Bảng 13: Vay và nợ dài hạn**

Đơn vị: nghìn đồng

TT	Ngân hàng	31/12/2005	31/12/2006	31/12/2007	30/09/2008
1	Công ty Tài chính Bưu điện	4.500.000	4.000.000	1.500.000	1.500.000
2	Công ty Cho thuê Tài chính NH Công thương Việt Nam	2.349.664	232.811	105.475	-
3	Công ty Cho thuê Tài chính NH Đầu tư Phát triển Việt Nam	215.559	215.559	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>7.065.223</b>	<b>4.448.370</b>	<b>1.605.475</b>	<b>1.500.000</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của PTIC từ năm 2005 – 2007;**Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC Quý III/ 2008*

g. Tình hình công nợ:

**Bảng 14: Các khoản phải thu**

Đvt: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	31/12/2007	30/09/2008
Phải thu từ khách hàng	105.335	177.052	266.773	170.587
Trả trước cho người bán	1.335	1.651	6.536	13.765
Phải thu nội bộ	1.088	1.204	-	-
Phải thu khác	3.446	4.787	8.254	3.172
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	137	137

Trong năm 2007, Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với một số khoản vay của cá nhân trong Công ty và một số khách hàng mà tình hình thu hồi công nợ gặp nhiều khó khăn, thủ tục quyết toán công trình xây lắp kéo dài

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của PTIC từ năm 2005 – 2007;**Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC Quý III/ 2008***Bảng 15: Các khoản phải trả**

Đvt: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2005	31/12/2006	31/12/2007	30/09/2008
Phải trả người bán	20.446	60.750	53.666	25.155
Người mua trả tiền trước	4.352	4.868	3.489	5.094
Phải trả công nhân viên	3.048	4.766	4.550	1.894
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	7.426	9.215	19.154	16.288

Chi phí phải trả	8.877	15.814	17.003	19.396
Các khoản phải trả khác	60.756	63.213	86.706	57.537
Dự phòng trợ cấp việc làm	115	264	397	229

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán của PTIC từ năm 2005 – 2007;  
Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC Quý III/ 2008*

## 11.2. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

**Bảng 16: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong thời kỳ 2005 - Quý III/2008**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>2005</i>	<i>2006</i>	<i>2007</i>	<i>QIII/2008</i>
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn (lần)	1,05	1,21	1,53	1,82
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (lần)	0,79	0,88	1,07	1.41
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,79	0,70	0,54	0.42
- Hệ số: Nợ ngắn hạn/ Tổng nợ (lần)	0,96	0,98	0,99	0.99
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	3,79	2,32	1,16	0,71
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) (lần)	5,18	4,63	4,22	2,51
- Vòng quay khoản phải thu (Doanh thu thuần/Các khoản phải thu bình quân) (lần)	2,14	2,23	2,35	1,23
- Vòng quay tài sản cố định (Doanh thu thuần/Tài sản cố định bình quân) (lần)	7,72	6,50	7,58	3,45
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) (lần)	1,16	1,14	1,17	0.58
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>				
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6,10	7,05	4,46	0.67
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	31,08	20,88	*17,60	0.79
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	6,49	6,29	4,28	0.46
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	6,11	7,00	5,24	1,03

*Nguồn: Tính toán từ Báo cáo tài chính kiểm toán từ năm 2005 – 2007 của PTIC và Báo cáo tài chính quyết toán của PTIC Quý III/ 2008*

(\*) Hệ số này được tính bình quân cho cả năm. Đến thời điểm 15/10/2007 Công ty mới hoàn thành xong kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 50 tỉ đồng lên 100 tỉ đồng.

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của PTIC ở mức trung bình trong ngành xây lắp, sản xuất cáp và sản phẩm nhựa. Các chỉ số tài chính trong 9 tháng đầu năm 2008 nói chung đều sụt giảm theo xu hướng chung của các công ty khác trong cùng ngành.

- ❖ Với hệ số thanh toán ngắn hạn ở mức trung bình khoảng 1,53 lần trong năm 2007, và 1,82 trong 9 tháng đầu năm 2008 cho thấy PTIC không gặp vấn đề gì để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của mình.
- ❖ Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm đáng kể từ năm 2005 là 3,79 lần xuống còn 2,32 lần năm 2006 và 1,16 lần năm 2007 và 0,71 lần trong 9 tháng đầu năm 2008. Nguyên nhân: do Công ty chủ động tăng vốn chủ sở hữu nhằm cơ cấu lại nguồn vốn kinh doanh từ 25 tỷ năm 2005 tăng lên 100 tỷ năm 2007 và trong năm 2008, công tác huy động vốn vay của Công ty gặp nhiều khó khăn..
- ❖ Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân thời kỳ 2005 - 2007 của Công ty ở mức 23,19% và tính trung bình cho năm 2007 là 17,6% (Vốn chủ sở hữu của công ty đến 31/12/2007: 263,1 tỷ đồng). Tuy nhiên, các tỉ suất doanh lợi của Công ty trong năm 9 tháng đầu năm 2008 sụt giảm mạnh bởi chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế khó khăn trong cả nước và của ngành cáp, viễn thông nói riêng.

## **12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

### **12.1. Thành viên Hội đồng Quản trị**

#### **1. Ông: Nguyễn Phong**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 29/12/1948
- CMND 010098494 cấp ngày 07/04/2006 tại Hà Nội
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quỳnh Diễn, Quỳnh Lưu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số ĐT cơ quan: 04.8612360.

- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác:
 

Từ 1974 ÷ 1980	Cán bộ Ban kiến thiết 2 - Tổng cục Bưu Điện.
Từ 1981 ÷ 1984	Đội trưởng đội xây dựng Công ty xây dựng Bưu Điện
Từ 1985 ÷ 1988	Phó Giám đốc Công ty xây dựng Bưu Điện.
Từ 1989 ÷ 2004	Giám đốc Công ty Xây dựng Bưu Điện.
Từ 1/2005 ÷ T9/2008	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân tại ngày 24/11/2008: 114.880 cổ phần, chiếm 1,15% vốn cổ phần
- Số cổ phần đại diện cho nhà nước tại ngày 01/02/2008: 1.202.500 cổ phần, chiếm 12,025% vốn cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008:  
Vợ Nguyễn Thuý Khanh sở hữu: 600 cổ phần chiếm 0,006% vốn cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

## 2. Ông: Lê Cao Điền

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 03/12/1949
- CMND số: 010790447 cấp ngày 05/04/2004 tại Hà Nội
- Nơi sinh: Đồng Tiến, Châu Giang, Hưng Yên.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồng Tiến, Châu Giang, Hưng Yên.
- Địa chỉ thường trú: 347 Đường Tam Chinh, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số ĐT cơ quan: 04.8611510



- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác
  - Từ 1974 ÷ 1978 Cán bộ Cục thiết kế cơ bản Bộ nội thương.
  - Từ 1979 ÷ 1989 Phó phòng Thiết kế Viện thiết kế KTTN Bộ Nội thương
  - Từ 1990 ÷ 1993 Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty xây dựng Bưu Điện – Tổng cục Bưu điện.
  - Từ 1994 ÷ 1997 Giám đốc Xí nghiệp khảo sát thiết kế kiến trúc Công ty Xây dựng Bưu Điện.
  - 1998 ÷ 2004 Phó Giám đốc Công ty xây dựng Bưu điện
  - 1/2005 ÷ nay Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty PTIC
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty PTIC.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 24/11/2008: 21.000 cổ phần, chiếm 0,21% vốn cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008:
  - Con gái: Lê Thị Thu Hà sở hữu 6.310 cổ phần, chiếm 0,063% vốn cổ phần.
  - Con gái Lê Thị Thu Vân sở hữu 650 cổ phần chiếm 0,0065% vốn cổ phần
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

### 3. Bà: Phạm Thị Thu

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1956
- CMND số 011749460 cấp ngày 20/05/2006 tại Hà Nội.
- Nơi sinh: Hoa Sơn, Ứng Hoà, Hà Tây.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoa Sơn, Ứng Hoà, Hà Tây.
- Địa chỉ thường trú: C15B Tập thể Bưu Điện Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội

- Số ĐT cơ quan: 04.8611512
- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán.
- Quá trình công tác
 

Từ 1975 ÷ 1976	Kế toán Xí nghiệp sửa chữa nhà cửa – Công ty công trình BĐ
Từ 1977 ÷ 1984	Cán bộ phòng Kế toán thống kê- Công ty XD Bưu Điện.
Từ 1985 ÷ 1989	Phó phòng Kế toán thống kê - Công ty XD Bưu Điện
Từ 1990 ÷ 2002	Trưởng phòng Kế toán thống kê kiêm kế toán trưởng Công ty xây dựng Bưu Điện.
Từ 2003 ÷ 2004	Phó Giám đốc Công ty Xây dựng Bưu Điện
Từ 1/2005 ÷ 5/2008	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty PTIC.
Từ 5/2008	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng Công ty PTIC.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc – Kế toán trưởng Công ty PTIC.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân tại ngày 24/11/2008: 67.750 cổ phần, chiếm 0,677%
- Số cổ phần đại diện cho nhà nước tại ngày 24/11/2008: 1.202.500 cổ phần, chiếm 12,025% vốn cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

#### 4. Ông: Lê Đỗ Vinh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/4/1953
- CNMD số 011821233 cấp ngày 24/03/1993 tại Hà Nội
- Nơi sinh: Định Hoá, Đồng Cương, Đồng Thiệu, Thanh Hoá
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Định Hoá, Đồng Cương, Đồng Thiệu, Thanh Hoá.
- Địa chỉ thường trú: 18 Chính Kinh, phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số ĐT cơ quan: 04.6422436
- Trình độ văn hoá: 10/10.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư sư phạm – Giáo viên dạy nghề ngành xây dựng
- Quá trình công tác
  - Từ 1973 ÷ 1975 Chiến sỹ quân đội nhân dân Việt Nam (C10, F316)
  - Từ 1976 ÷ 1981 Đơn vị tương lưu học sinh Việt Nam tại Đức.
  - Từ 1982 ÷ 1994 Cán bộ Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
  - Từ 1995 ÷ 1997 Trưởng phòng KDXN khâu Công ty xây dựng Bưu điện
  - 1998 ÷ 2004 Trưởng phòng KDXN khâu kiêm Giám đốc Nhà máy nhựa Công ty xây dựng Bưu điện.
  - 1/2005 ÷ nay Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty PTIC
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty PTIC.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 24/11/2008: 66.190 cổ phần chiếm 0,6619% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008:
  - Con gái: Lê Thị Thanh Hà nắm giữ 3.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

##### 5. Ông: Nguyễn Duy Bắc Việt

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/11/1976
- CMND số 273038920 cấp ngày 25/10/2007 tại Bà Rịa - Vũng Tàu
- Nơi sinh: Lưu xã, Mỹ Văn, Hưng Yên.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lưu xã, Mỹ Văn, Hưng Yên.



- Địa chỉ thường trú: 379/8 Huỳnh Văn Bánh, phường 11, quận Phú Nhuận TP Hồ Chí Minh.
- Số ĐT cơ quan: 08.8145141
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán Thống kê.
- Quá trình công tác
 

1998 ÷ 2002	Kế toán viên, kế toán tổng hợp, kế toán trưởng Chi nhánh Công ty xây dựng Bưu Điện tại TP Hồ Chí Minh.
Năm 2003	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty xây dựng Bưu Điện tại TP Hồ Chí Minh.
Năm 2004	Giám đốc Chi nhánh Công ty xây dựng Bưu Điện tại TP Hồ Chí Minh.
1/2005 ÷ T9/2008	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty PTIC kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh.
T10/2008 ÷ nay	Ủy viên HĐQT - Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty PTIC
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân tại ngày 24/11/2008: 40.360 cổ phần chiếm 0,404% vốn điều lệ
- Số cổ phần đại diện cho Nhà nước tại ngày 24/11/2008: 595.000 cổ phần chiếm 5,95% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008:
- Chị gái: Nguyễn Ngân Giang sở hữu 6.500 cổ phiếu, chiếm 0.065% vốn điều lệ  
Vợ Đàm Sương Mai sở hữu 1.300 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

#### 6. Ông: Nguyễn Công Minh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/01/1960
- CMND số 011663990 cấp ngày 07/06/2007 tại Hà Nội

- Nơi sinh: Lộc Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Lộc Ninh, Quảng Ninh, Quảng Bình.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 501-A1-Kim Giang- Thanh Xuân, Hà nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Đại học Thông tin liên lạc.  
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác
  - 10/1987 ÷ 1998 Nghiên cứu viên, trợ lý Viện trưởng, trưởng bộ môn-Viện Kinh tế Bưu điện.
  - 4/1998 ÷ 6/2001 Trưởng phòng Tổ chức; Trưởng phòng Thông tin pháp lý; Trưởng phòng Nghiên cứu thị trường - Công ty tài chính Bưu điện.
  - 7/2001 ÷ nay Phó Giám đốc- Công ty Tài chính Bưu điện.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty PTIC; Phó Giám đốc Công ty Tài chính Bưu điện
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân tại ngày 24/11/2008: Không
- Số cổ phần đại diện cho Công ty Tài chính Bưu điện tại ngày 24/11/2008: 157.800 cổ phần chiếm 1,578% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

#### 7. Ông: **Đậu Minh Lâm**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1978
- CMND số 182186297 cấp ngày 01/04/1996 tại Nghệ An
- Nơi sinh: Diễn Ngọc-Diễn Châu-Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Diễn Ngọc -Diễn Châu-Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Số 24-Ngõ 216- Đường Nguyễn An Ninh, Hà nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà nội -Khoa Ngân hàng Tài chính. Đang theo học Chương trình cao học Ngân hàng Tài chính
- Quá trình công tác
  - 2/2001 ÷ 11/2001 Làm việc tại Công ty XD 17- TCT Xây dựng Trường Sơn
  - 11/2001 ÷ 12/2005 Trung tâm đầu tư- TCT Bảo hiểm Việt nam (từ 3-12/2005 giữ chức vụ Phó phòng Đầu tư)
  - 1/2006 ÷ 11/2006 Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (BVFMC).
  - 11/2006 ÷ 11/2007 Trưởng phòng Đầu tư cổ phiếu - BVFMC
  - 11/2007 đến nay Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH một thành viên Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bảo Việt (BVFMC).
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty PTIC, Phó Tổng giám đốc Công ty BVFMC.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có):Không
- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân tại ngày 24/11/2008: Không
- Số cổ phần đại diện tại ngày 24/11/2008:
  - 260.000 cổ phần (sở hữu của BVFMC) chiếm 2,6% vốn điều lệ.
  - 650.000 cổ phần (sở hữu của Quỹ BVF1) chiếm 6,5% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 01/02/2008: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

## 12.2. Thành viên Ban Kiểm soát

### 1. Ông: Đỗ Đức Thịnh

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 1948
- CMND số 011267086 cấp ngày 20/01/1983 tại Hà Nội
- Nơi sinh: Phú Sơn, Đông Hưng, Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phú Sơn, Đông Hưng, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 65 - Ngõ 151 – Láng Hạ, Đống Đa, Hà nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Quá trình công tác
 

Từ 1965 ÷ 1993	Phòng Kế toán – Công ty Công trình Bưu điện
Từ 1993 ÷ 2008	Phó Ban Tài chính Kế toán Thống kê – Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
Từ 03/2008 ÷ 04/2008	Ủy viên Ban Kiểm Soát – Công ty PTIC
Từ 04/2008 ÷ nay	Trưởng Ban Kiểm Soát – Công ty PTIC
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm Soát - Công ty PTIC
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ của cá nhân tại ngày 24/11/2008: 13.000 cổ phần (chiếm 0,13% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

## 2. Bà: Trần Thị Hạnh

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 02/10/1976
- CMND số 011808262 cấp ngày 09/08/2001 tại Hà Nội
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 48 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số ĐT cơ quan: 04.35771094
- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Quá trình công tác
  - Từ 1996 ÷ 2/2002 Kiểm toán viên chính tại Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO)
  - 3/2002 ÷ Nay Chuyên viên kế toán Công ty tài chính Bưu Điện.
  - 1/2005 Ủy viên Ban kiểm soát Công ty PTIC
- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên kế toán Công ty Tài chính Bưu điện kiêm Ủy viên Ban kiểm soát Công ty PTIC.
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 24/11/2008: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### 12.3. Thành viên Ban giám đốc

Xem Lý lịch chi tiết phần Sơ yếu Lý lịch Thành viên HĐQT

1. **Ông: Nguyễn Duy Bắc Việt** : Tổng giám đốc Công ty PTIC
2. **Ông: Lê Cao Điền:** Phó Tổng giám đốc Công ty PTIC
3. **Bà: Phạm Thị Thau:** Phó Tổng giám đốc Công ty PTIC
4. **Ông: Lê Đỗ Vinh:** Phó Tổng giám đốc Công ty PTIC
5. **Ông: Nguyễn Lê Văn:** Phó Tổng giám đốc PTIC
  - Giới tính: Nam
  - Sinh năm: 1955
  - CMND số: 010397369 cấp ngày 23/08/1999 tại Hà Nội
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam.
  - Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: An Lạc, Bình Lục, Hà Nam
  - Địa chỉ thường trú: Số 2 ngách 12/47, ngõ 12 Đào Tấn, Ba Đình, Hà Nội
  - Số ĐT cơ quan: 04.36815495

- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
 

Từ 1973 - 1976	Đi bộ đội
Từ 1976 - 1981	Học Đại học xây dựng
Từ 1982 - 1986	Cán bộ kỹ sư kỹ thuật đội II - Công ty XD nhà Bưu điện
Từ 1987 - 1989	Đội phó, đội trưởng đội XD II, Công ty XD nhà Bưu điện
Từ 1990 - 1991	Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty XD nhà Bưu điện
Từ 1991 - 1992	Trưởng ban chỉ huy Công trình Lào, đi xây dựng bên Lào
Từ 1993 - 1995	Đội trưởng đội xây dựng - Công ty Xây dựng Bưu điện
Từ 1995 - 1997	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Xây dựng Bưu điện
Từ 1997 - 2004	Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật Công ty Xây dựng Bưu điện
Từ 2005 - 9/2008	Trưởng phòng Kinh tế - Thị trường Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ tại ngày 24/11/2008: 9.460 cổ phần, chiếm 0,0946%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan tại ngày 24/11/2008: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### 12.4. Kế toán trưởng

**Bà: Phạm Thị Thu**

Xem Lý lịch chi tiết phần Sơ yếu Lý lịch Thành viên HĐQT mục 12.1.3

**13. Tài sản****Bảng 17: Một số tài sản chính của Công ty tại thời điểm 30/09/2008**

<i>STT</i>	<i>Tài sản</i>	<i>Nguyên giá (đồng)</i>	<i>Giá trị còn lại (đồng)</i>	<i>Tỷ lệ còn lại (%)</i>
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>				
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	26.395.921.583	22.537.609.542	85,38
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.617.538.253	2.342.275.409	27,18
3	Máy móc, thiết bị	73.561.746.131	41.819.024.944	56,85
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.615.318.825	353.789.502	21,90
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110.190.524.792</b>	<b>67.052.699.397</b>	<b>60,85</b>

*Nguồn: PTIC*

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty (thời điểm 30/09/2008)

- Tổng diện tích đất đai: 56.325 m<sup>2</sup>; trong đó:
  - o Diện tích đất mua: 12.000 m<sup>2</sup>
  - o Diện tích đất thuê: 44.325 m<sup>2</sup>

**Bảng 18: Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2008**

<i>STT</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Diện tích (m<sup>2</sup>)</i>	<i>Thời điểm sử dụng</i>	<i>Thời hạn (năm)</i>	<i>Hình thức sử dụng</i>
1	Trụ sở PTIC và nhà máy nhựa Bưu điện- Pháp Vân, Hà Nội	7.568	10/1993	50	Thuê
2	Nhà máy Vật liệu viễn thông 1, Quốc Oai, Hà Tây	9.726	01/2002	30	Thuê
3	Nhà máy vật liệu viễn thông 1 mở rộng, Quốc Oai, Hà Tây	27.031	4/2007	30	Thuê
4	Nhà máy vật liệu viễn thông 2, Nhuận Đức, Củ Chi, TP HCM	12.000	06/2005		Mua

*Nguồn: PTIC*

**14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008 - 2010****Bảng 19: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm (2008 - 2010)**

Đơn vị: triệu VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2008(*)	2009	2010
1	Tổng Doanh thu	440.000	785.000	810.000
2	Tổng chi phí	428.294	736.175	759.875
3	Lợi nhuận trước thuế	11.706	48.825	50.125
4	Thuế thu nhập DN	0	6.836	14.035
5	Lợi nhuận sau thuế	11.706	41.989	36.090
6	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	2,66%	5,35 %	4,46%
7	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn cổ phần	11,7%	41,99%	36,09%
8	Tỷ lệ cổ tức	6%	17%	18%

Nguồn: PTIC

(\*) Căn cứ theo biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/07/2008 số liệu kế hoạch năm 2008 đã được điều chỉnh so với Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 28/03/2008. Tuy nhiên, căn cứ vào thực tế kết quả hoạt động của công ty trong 3 quý đầu năm và ước thực hiện kế hoạch quý IV/2008 thì số liệu về lợi nhuận sau thuế và tỷ lệ thực hiện cổ tức 6% cho năm 2008 là rất khó đạt được sẽ kéo theo làm chỉ tiêu (6) và (7) cũng không đạt được theo kế hoạch. Dự kiến các chỉ tiêu đạt được trong năm 2008 như sau: chỉ tiêu lợi nhuận đạt 6,4 tỷ đồng và chỉ tiêu về mức cổ tức đạt 4%.

Về thuế TNDN: năm 2008 Công ty được miễn giảm 100% thuế TNDN; năm 2009 được miễn giảm 50% thuế TNDN và từ năm 2010 Công ty phải nộp 100% thuế TNDN với mức thuế suất là 25%

**15. Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty PTIC ở trên được lập dựa trên cơ sở tham chiếu kết quả kinh doanh các năm trước cũng như các dự án mà PTIC đang triển khai thực hiện. Cùng với việc mở rộng hoạt động kinh doanh, trong năm 2007, PTIC đã phát hành xong 5.000.000 cổ phiếu nhằm phục vụ cho các mục đích đầu tư, mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty cụ thể: thành lập công ty cấp sợi quang TFP tại Yên Viên, Gia Lâm; mua lại phần vốn góp của LSC Hàn Quốc trong công ty liên doanh Vina - LSC giữa VNPT và tập đoàn LSC

Hiện tại, PTIC hiện đã và đang triển khai một số Dự án sau:



**15.1. Dự án mở rộng nhà máy vật liệu viễn thông I**

PTIC đã hoàn tất việc mở rộng Nhà máy Vật liệu viễn thông I đặt tại xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Dự án đã này đã đi vào hoạt động và đã cho doanh thu và sản phẩm, dự án bao gồm 02 tiểu dự án:

**a. Dự án lắp đặt dây chuyên sản xuất đồng bộ cáp thông tin Bưu điện**

- ❖ Sản phẩm: cáp công và cáp treo có dầu, đường kính dây 0,4 mm -0,5 mm có dung lượng từ 10 đôi đến 1200 đôi được sản xuất tự động trên dây chuyên tự động, thiết bị khuôn mẫu và công thức pha chế đã được tiêu chuẩn hoá quốc tế.
- ❖ Công suất: 1.000.000 km đôi dây/năm cho 2 loại cáp ngầm và cáp treo tiết diện dây đồng 0.4 và 0.5mm.
- ❖ Dây chuyên sản xuất cáp đồng viễn thông để sản xuất các loại cáp: 10 đôi, 20 đôi, 30 đôi, 50 đôi, 100 đôi, 200 đôi, 300 đôi, 400 đôi, 600 đôi, 800 đôi và 1200 đôi. Bao gồm: 3 dây chuyên kéo bọc mạch (2 của Châu Âu, 1 của Nhật Bản), 15 máy tết đôi của Hàn Quốc và Trung Quốc. Dây chuyên bó bện và bọc cáp từ 10 đôi đến 1200 đôi của Hàn Quốc công suất 1.000.000 km đôi dây/năm.

**b. Dự án di dời phân xưởng sản xuất ống nhựa bảo vệ cáp ngầm và sản xuất cửa nhựa cao cấp**

- ❖ Sản phẩm: loại ống D110\*5, D110\*7, D34\*2.5... và các loại cửa nhựa theo thiết kế được di dời từ Hà Nội lên Ngọc Liệp.
- ❖ Công suất: 3500 tấn sản phẩm/năm
- ❖ Dự án bao gồm di dời 02 dây chuyên sản xuất ống PVC, 01 dây chuyên sản xuất ống HDPE, 01 dây chuyên hoàn chỉnh sản xuất thanh khuôn cửa có lõi thép và sản xuất tấm nhựa cao cấp, các máy móc thiết bị phụ trợ và xây dựng nhà xưởng, hạ tầng cho phân xưởng nhựa ở Ngọc Liệp đã hoàn thành xong trong quý III/2007. Diện tích đất sau khi di dời nhà máy sẽ được công ty quy hoạch để sử dụng có hiệu quả hơn vì diện tích này (7.568 m<sup>2</sup>) nằm ngay mặt đường vành đai 3 Hà Nội nối cầu Thanh Trì đi qua Trung tâm hội nghị Quốc gia đi sân bay quốc tế Nội Bài.

**15.2. Dự án mở rộng nhà máy vật liệu viễn thông II**

Trong năm 2007, Công ty đã triển khai xong việc mở rộng dự án Nhà máy Vật liệu viễn thông II đặt tại Nhuận Đức, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung cụ thể sau:

- ❖ Di dời nhà máy sản xuất ống nhựa bảo vệ cáp tại tỉnh Bình Dương: nhà máy được dời xuống Nhuận Đức, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Lắp đặt thêm dây chuyên sản xuất ống nhựa bảo vệ cáp: Công ty lắp 01 dây chuyên sản xuất ống nhựa PVC 3 lớp đồng bộ, hoàn chỉnh mới 100% có năng lực sản xuất 1196 km ống nhựa cho 2 loại ống PVC 110\*5mm và 110\*7mm siêu bền.

- ❖ Sản phẩm: 2 loại cáp công và cáp treo với 2 loại vỏ bọc cách điện là Solid và Foam có dung lượng từ 10 đôi đến 200 đôi.
- ❖ Dây chuyền sản xuất chính:
  - ✓ 01 dây chuyền kéo, ủ, bọc dây đơn: là dây chuyền kéo, ủ bọc mạch cáp liên hoàn có khả năng bọc nhựa theo 2 loại là Solid và Foam skin, tốc độ sản xuất thiết kế 1.500 m/phút đảm bảo sản lượng 250.000 km đôi dây/năm.
  - ✓ 04 máy bện đôi: theo phương pháp bện đôi liên tục kiểu tang trống có nhiều cấp thay đổi bước bện. Tốc độ sản xuất theo thiết kế đạt 350m/phút.
  - ✓ 01 dây chuyền bện, bó đơn vị: bện nhóm bó đơn vị 25 đôi liên tục với bện bó 100 đến 200 đôi nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động
  - ✓ 01 dây chuyền bọc cáp và 01 máy sang cáp

Hiện tại, Nhà máy đã đi vào sản xuất và cho ra sản phẩm ống nhựa các loại cung cấp trên thị trường.

### 15.3. Dự án C30

C30 bao gồm 02 tiểu dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu C30 và Dự án đầu tư xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu C30. Khu C30 có diện tích 41,0488 ha nằm ở 270 Lý Thường Kiệt, quận 10 và quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện trạng sử dụng đất: gồm nhà cấp 3, cấp 4 và các công trình của các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông. Cơ chế thực hiện dự án là đổi đất lấy hạ tầng, trong đó Công ty PTIC được đầu tư xây dựng nhà ở cán bộ công nhân viên tạo vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu C30. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam sẽ thu số tiền sử dụng đất 11.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho 15.456,05 m<sup>2</sup> đất giao cho công ty PTIC, tương đương với 170.017.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được giao lại cho công ty PTIC để làm cơ sở hạ tầng cho toàn khu C30.

Quy hoạch chi tiết sử dụng đất:

**Bảng 19: Quy hoạch chi tiết sử dụng đất**

<i>TT</i>	<i>Hạng mục</i>	<i>Diện tích</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
1	Đất công trình công nghiệp viễn thông	33.509,8 m <sup>2</sup>	8,16
2	Đất vườn hoa, cây xanh	12.248,2 m <sup>2</sup>	2,98
3	Đất công trình công cộng	69.076,4 m <sup>2</sup>	16,83
4	Đất giao thông	99.130 m <sup>2</sup>	24,16

5	Đất xây dựng nhà ở	53.161,6 m <sup>2</sup>	12,95
	<b>Tổng diện tích</b>	<b>410.488 m<sup>2</sup></b>	<b>100</b>

Dự án được thực hiện theo 2 giai đoạn:

- ❖ Giai đoạn 1: Thực hiện toàn bộ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong khu C30, xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật nội bộ khu ở, phân lô nhà theo quy hoạch, san nền công trình, xây dựng nền đường giao thông, xây dựng hoàn chỉnh 2 chung cư để bố trí tái định cư và tạm di chuyển các hộ dân thực hiện quy hoạch, xây dựng phần thô một số nhà biệt thự, liên kế.
- ❖ Giai đoạn 2: Thực hiện xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật khu C30, xây dựng hoàn chỉnh toàn bộ phần đường giao thông và các công trình HTKT khác, xây dựng hoàn chỉnh phần nhà biệt thự, nhà liên kế. Ước tính tổng nhu cầu vốn giai đoạn này là 310.137.000.000 đồng, dự kiến khai thác từ vốn luân chuyển từ giai đoạn 1 và ứng trước của khách hàng.

Hiện tại dự án C30 đang được sở Quy hoạch kiến trúc trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh xem xét phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch.

#### 15.4. Đầu tư tài chính vào các Dự án:

- ❖ Đầu tư mua lại phần vốn của Công ty LS tại Liên doanh sản xuất cáp sợi quang Vina - LSC giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam và Hãng LS Hàn Quốc với số tiền 875.000 USD tương ứng với 25% giá trị doanh nghiệp Vina-LSC nay là Vina OFC . Dự kiến lợi nhuận từ góp vốn liên doanh mỗi năm là 5 tỷ đồng. Dự án đã hoàn thành PTIC đã chính thức tham gia điều hành từ tháng 8 năm 2007.
- ❖ Đầu tư góp 4.930.000.000 đ vào Công ty CP công nghệ cáp quang và thiết bị bưu điện (TFP). Sản phẩm cáp quang của TFP đã cung cấp ra thị trường từ tháng 8/2007.
- ❖ Dự án hợp tác giữa PTIC và Tập đoàn thiết bị Viễn thông ZTE Trung Quốc.
  - ZTE đào tạo nguồn nhân lực cho PTIC để tiếp thị lắp đặt bảo dưỡng vận hành các sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin: ADSL, IPSLAM, MSAN, điện thoại không dây cho thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tại Việt Nam.
  - Nhà đại lý phân phối chính cho các sản phẩm viễn thông và công nghệ thông tin tại thị trường Việt Nam.
  - Thành lập các Trung tâm dịch vụ chăm sóc khách hàng sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.
  - Thành lập Công ty Cổ phần sản xuất lắp ráp CKD, SKD các thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin chất lượng cao, thế hệ mới. Nhà máy được xây dựng tại khu công

ngiệp của công ty tại Quốc Oai – Hà Tây. Tổng mức vốn đầu tư cho nhà máy là 7,6 triệu USD và được hình thành trên cơ sở góp vốn như sau: Tập đoàn ZTE Trung Quốc góp 49% bằng công nghệ và chuyên gia; PTIC góp 30% bằng nhà xưởng và một phần vốn lưu động; Công ty Tài chính Bưu điện góp vốn bằng tiền mặt 20% và vốn góp của các cổ đông khác là 1% còn lại..

Tiến độ dự án: Đã ký hợp đồng đại lí giữa ZTE và PTIC. đang xúc tiến thành lập Công ty Cổ phần, việc xây dựng nhà xưởng đang trong giai đoạn hoàn thành và dự kiến sẽ chính thức đi vào hoạt động năm 2009 sản phẩm G Phone (điện thoại không dây) của nhà máy cung cấp ra thị trường.

### **16.Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm vừa qua, năng lực của PTIC và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của PTIC hoàn toàn phù hợp với năng lực sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty, nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp. Công ty đưa ra tỷ lệ cổ tức tăng dần qua các năm đạt 4 % năm 2008, 17% năm 2009, 18% năm 2010 và đảm bảo mức độ chi trả cổ tức theo kế hoạch. Tuy nhiên, SSI cũng nhận thấy rằng nếu diễn biến về tình hình kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam không được cải thiện thì các chỉ tiêu về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2009 và 2010 sẽ rất khó thực hiện được theo dự kiến. Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

### **17.Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

### **18.Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có.

## V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết:

Số lượng chứng khoán niêm yết: 10.000.000 cổ phiếu

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Tổng số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng là: 332.640 cổ phiếu, là số cổ phiếu của thành viên HĐQT, BGD, BKS, Kế toán trưởng tại ngày 24/11/2008. Các cổ đông này cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

### 5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu khi niêm yết của cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện trên HOSE được tính là bình quân giá của 15 ngày giao dịch trước ngày hủy giao dịch tại HASTC (tức là từ ngày 30/10/2008 đến ngày 19/11/2008). Giá của mỗi ngày giao dịch được xác định là giá bình quân của ngày giao dịch đó do HASTC công bố. Theo đó, giá giao dịch dự kiến ngày niêm yết đầu tiên trên HOSE là 10.200 VNĐ/ cổ phiếu (mười nghìn hai trăm đồng).

### 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg.

### 7. Các loại thuế có liên quan

Do Công ty được cổ phần hóa tại thời điểm 15/12/2004 nên được hưởng các ưu đãi theo:

- ❖ Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành CTCP, DNNN chuyển sang CTCP được hưởng ưu đãi như đối với doanh nghiệp thành lập mới theo quy định hiện hành. Theo quy định tại điểm 2 Điều 36 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm, được giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo.
- ❖ Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005 và công văn số 10996/BTC-CST của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức đăng ký giao dịch tại TTGDCK Hà Nội. Đối với tổ chức đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại TTGDCK Hà Nội, ngoài việc hưởng các ưu đãi về thuế phù hợp với quy định của Luật thuế TNDN hiện hành còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 02 năm tiếp theo kể từ khi tổ chức thực hiện việc giao dịch lần đầu tại TTGDCK Hà Nội trước ngày 01/01/2007.

Theo yêu cầu của Công ty về việc xin gộp cách tính ưu đãi thuế TNDN mà Công ty hiện đang được hưởng, Tổng cục Thuế đã có Công văn số 2861/TCT-CS ngày 20/07/2007 trả lời Công ty và chấp thuận để Công ty nộp thuế TNDN như sau: Công ty được miễn thuế TNDN hai năm (năm 2007 và năm 2008) do vừa được giảm 50% thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN, vừa được giảm 50% thuế TNDN do có chứng khoán niêm yết lần đầu tại TTGDCK Hà Nội trước ngày 01/01/2007 và giảm 50% thuế TNDN năm 2009

Thuế suất thuế TNDN hiện tại là 28%. Kể từ năm 2009 trở đi, mức thuế TNDN mới sẽ được áp dụng là 25%.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức Tư vấn

#### ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

##### *Trụ sở chính*

Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08-38242897 Fax: 08-38247430  
Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

##### *CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1. HCM  
ĐT: 08.3821567 Fax: 08.32910590

##### *CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội*

1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội  
ĐT: 04.39366321 Fax: 04.39366311

##### *CN Trần Bình Trọng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội  
ĐT: 04. 39426718 Fax: 04. 39426719

##### *CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng  
ĐT: 031.3569123 Fax: 031.35691302

##### *Chi nhánh Vũng Tàu*

Địa chỉ: Khách sạn Pacific, số 04 Lê Lợi, Tp.Vũng Tàu  
Điện thoại: 064. 3521 906 Fax: 064. 3521 907

### 2. Tổ chức Kiểm toán

#### ❖ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, quận 1, Tp Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 38272 295 Fax: (84.8) 38272 300

## VII. PHỤ LỤC

**Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

**Phụ lục 2:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

**Phụ lục 3:** Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2006, 2007; Các báo cáo tài chính quyết toán Quý I, II và quý III năm 2008; Các báo cáo kiểm toán vốn

**Phụ lục 4:** Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

**Phụ lục 5:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết;

**Phụ lục 6:** Quy trình Công bố thông tin nội bộ

**Phụ lục 7:** Các cam kết và tổng hợp quá trình thay đổi vốn điều lệ của tổ chức niêm yết

**Phụ lục 8:** Các tài liệu khác

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2008

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN PHONG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN DUY BẮC VIỆT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**PHẠM THỊ THAU**



**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**



**ĐỖ ĐỨC THỊNH**

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CN.CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN TẠI HÀ NỘI**



**NGUYỄN HOÀI ANH**



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**Số: 0103006203**

*Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 12 năm 2004*  
*Đăng ký thay đổi lần thứ: 1 ngày 24 tháng 11 năm 2006*

"CHUYỂN ĐỔI (CPH) DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2004/QĐ-BBCVT NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2004 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BUU CHÍNH, VIỄN THÔNG"

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
Tên giao dịch: **POST AND TELECOMMUNICATIONS INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **PTIC .,JSC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**

Điện thoại: **8612360**

Fax: **8611511**

Email: **ptic@hn.vnn.vn**

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió; điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;

- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng./.

4. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng VN)

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	<b>TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</b> Người trực tiếp quản lý: <b>NGUYỄN PHONG PHẠM THỊ THAU</b> <b>NGUYỄN DUY BẮC VIỆT</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội  27/14 đường Phó Đức Chính, phường Thăng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	178.500
2	<b>CÔNG TY TÀI CHÍNH BƯU ĐIỆN</b> Người trực tiếp quản lý: <b>TRẦN THỊ HẠNH</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  Số 48, phố Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	10.000
3	<b>NGUYỄN PHONG</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội	14.637

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **NGUYỄN PHONG**

Giới tính: **(Nam)**

Sinh ngày: **29/12/1948** Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: **CV/C 0061348**

Ngày cấp: **07/01/2002**

Nơi cấp: **Cục lãnh sự Bộ Ngoại giao**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội**

Chỗ ở hiện tại: **Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội**

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: —

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: —

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh

**Đặng Minh Tuấn**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số: **0103006203**

Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 12 năm 2004  
Đăng ký thay đổi lần thứ: 2 ngày 12 tháng 11 năm 2007

"CHUYỂN ĐỔI (CPH) DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2004/QĐ-BBCVT  
NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2004 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BUU CHÍNH, VIỄN THÔNG"

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BUU ĐIỆN**  
Tên giao dịch: **POST AND TELECOMMUNICATIONS INVESTMENT AND  
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **PTIC ,JSC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội**  
Điện thoại: **8612360** Fax: **8611511**  
Email: **ptic@hn.vnn.vn** Website: **www.xaydungbuudien.com**
3. Ngành, nghề kinh doanh:
- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
  - Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
  - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
  - Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
  - Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
  - Khảo sát công trình xây dựng;
  - Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;

- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

4. Vốn điều lệ: **100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng VN)**

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	<b>TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</b> Người trực tiếp quản lý: <b>NGUYỄN PHONG PHẠM THỊ THAU NGUYỄN DUY BẮC VIỆT</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội  Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội  27/14 đường Phó Đức Chính, phường Thăng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3.000.000
2	<b>CÔNG TY TÀI CHÍNH BƯU ĐIỆN</b> Người trực tiếp quản lý: <b>NGUYỄN CÔNG MINH</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  501-A1 Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	157.800
3	<b>NGUYỄN PHONG</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội	190.280

**BẢN SAO**

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Họ và tên: **NGUYỄN PHONG**

Giới tính: *(Nam)*

Sinh ngày: *29/12/1948* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: *010098494*

Ngày cấp: *07/04/2006* Nơi cấp: *Công an Tp Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội*

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: \_\_\_\_\_

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: \_\_\_\_\_

**KT. Trưởng phòng đăng ký kinh doanh**  
**Phó Trưởng phòng**

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực *264*.....Quyển số *01*.....SCT/BS

Ngày *09* tháng *11* năm 2008.



**Trần Hà Thanh**



PHÓ CHỦ TỊCH  
*Cà Văn Hải*

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số: **0103006203**

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 12 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần 3: ngày 05 tháng 06 năm 2008

“CHUYÊN ĐỔI (CPH) DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2004/QĐ-BBCVT  
NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2004 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BUU CHÍNH, VIỄN THÔNG”

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BUU ĐIỆN**  
 Tên giao dịch: **POST AND TELECOMMUNICATIONS INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**  
 Tên viết tắt: **PTIC .,JSC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội**  
 Điện thoại: **8612360** Fax: **8611511**  
 Email: **ptic@hn.vnn.vn** Website: **www.xaydungbuudien.com**
3. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề
1	- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
2	- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử; tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
3	- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
4	- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
5	- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;





Số TT	Tên ngành nghề
6	- Khảo sát công trình xây dựng;
7	- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
8	- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
9	- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
10	- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
11	- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
12	- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
13	- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trì hóa chất Nhà nước cấm);
14	- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
15	- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng;
16	- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học./.

4. Vốn điều lệ : **100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)**

- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**
- Số cổ phần đã đăng ký mua: **3.348.080**

5. Vốn pháp định :

6. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Số Giấy CMND - Hộ chiếu/Số GCN ĐKKD/Số Quyết định thành lập	Ghi chú
1	<b>TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000		

15/

**BẢN SAO**

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Số Giấy CMND - Hộ chiếu/Số GCN ĐKKD/Số Quyết định thành lập	Ghi chú
	<b>NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ:</b>						
	<b>NGUYỄN PHONG</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội					
	<b>PHẠM THỊ THAU</b>	Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội					
	<b>NGUYỄN DUY BẮC VIỆT</b>	27/14 đường Phó Đức Chính, phường Thăng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu					
2	<b>CÔNG TY TÀI CHÍNH BƯU ĐIỆN</b>  <b>NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ:</b>  <b>NGUYỄN CÔNG MINH</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  501-A1 Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	157.800	1.578	011663990	
3	<b>NGUYỄN PHONG</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	190.280	1.903	010098494	

7. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Tổng Giám đốc**

Họ và tên: **NGUYỄN PHONG**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **29/12/1948** Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

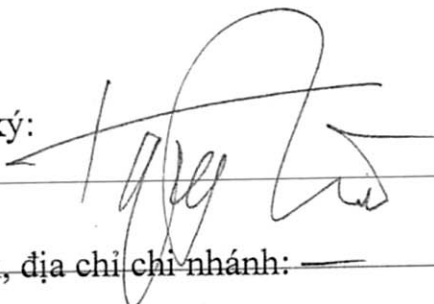
Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: **010098494**

Ngày cấp: **07/04/2006** Cơ quan cấp: **Công an Tp Hà Nội**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội**

Chỗ ở hiện tại: **Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội**

Chữ ký:



8. Tên, địa chỉ chi nhánh: \_\_\_\_\_

9. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: \_\_\_\_\_

10. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh: \_\_\_\_\_

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực...1070...Quyển số...05...SCT/BS  
Ngày...06...tháng...9...năm 2008.



*Vũ Duy Tuấn*



PHÓ CHỦ TỊCH  
*Phùng Trung Hải*

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số: 0103006203

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 12 năm 2004

Đăng ký thay đổi lần 4: ngày 22 tháng 10 năm 2008

“CHUYÊN ĐỔI (CPH) DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2004/QĐ-BBCVT  
NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2004 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BUU CHÍNH, VIỄN THÔNG”

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
Tên giao dịch: **POST AND TELECOMMUNICATIONS INVESTMENT AND  
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **PTIC .,JSC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,  
thành phố Hà Nội**  
Điện thoại: **8612360** Fax: **8611511**  
Email: **ptic@hn.vnn.vn** Website: **www.xaydungbuudien.com**
3. Ngành, nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành nghề
1	- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
2	- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
3	- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
4	- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
5	- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;

Số TT	Tên ngành nghề
6	- Khảo sát công trình xây dựng;
7	- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
8	- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
9	- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
10	- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
11	- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
12	- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
13	- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước cấm);
14	- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
15	- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng;
16	- Lắp đặt, bảo trì bảo dưỡng sửa chữa, trợ giúp vận hành và khai thác các công trình, thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học./.

4. Vốn điều lệ : **100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)**

- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

- Số cổ phần đã đăng ký mua: **3.348.080**

5. Vốn pháp định :

6. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Số Giấy CMND – Hộ chiếu/Số GCN ĐKKD/Số Quyết định thành lập	Ghi chú
1	<b>TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	3.000.000	30.000		

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Số Giấy CMND - Hộ chiếu/Số GCN ĐKKD/Số Quyết định thành lập	Ghi chú
	<b>NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ:</b>  <b>NGUYỄN PHONG</b>  <b>PHẠM THỊ THAU</b>  <b>NGUYỄN DUY BẮC VIỆT</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội  Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội  38/14F đường Thùy Vân, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu					
2	<b>CÔNG TY TÀI CHÍNH BƯU ĐIỆN</b>  <b>NGƯỜI TRỰC TIẾP QUẢN LÝ:</b>  <b>NGUYỄN CÔNG MINH</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  501-A1 Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	157.800	1.578	011663990	
3	<b>NGUYỄN PHONG</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	190.280	1.903	010098494	

## 7. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Tổng Giám đốc**Họ và tên: **NGUYỄN DUY BẮC VIỆT**Giới tính: **Nam**Sinh ngày: **10/11/1976** Dân tộc: **Kinh**Quốc tịch: **Việt Nam**Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số: **273038920**Ngày cấp: **20/09/1994** Cơ quan cấp: **Công an tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **38/14F đường Thùy Vân, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Chỗ ở hiện tại: 27/11 đường Phó Đức Chính, phường Thăng Tam, thành phố  
Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Chữ ký:



8. Tên, địa chỉ chi nhánh:

9. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

10. Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

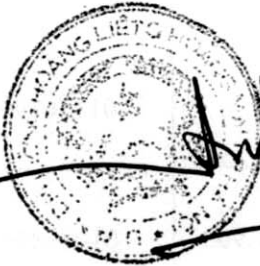
**K.T. TRƯỞNG PHÒNG**



Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực *917*.....Quyển số. *06*.....SCT/BS  
Ngày *28* tháng *10* năm 200*8*

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

*Nguyễn Hải Hùng*



PHÓ CHỦ TỊCH  
*Cao Văn Hải*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN  
(PTIC)**

---



**ĐIỀU LỆ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

**HÀ NỘI 03/2008**





# ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN (PTIC)

### Căn cứ vào:

- Luật Doanh nghiệp được kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 08/11/2004. Được sửa đổi bổ sung và thông qua Đại hội cổ đông Công ty ngày 23/11/2006;
- Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết trên sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán ban hành kèm theo quyết định số: 15/2007/QĐ-BTC ngày 19/03/2007 của Bộ Tài chính.
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 ngày 28/03/2008;

Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 56 điều chi phối toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện.

## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, Cổ phần, cổ đông sáng lập.	8
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	9
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 9. Thu hồi cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 11. Quyền cổ đông	11
Điều 12. Nghĩa vụ cổ đông	12
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Các đại diện được uỷ quyền	15
Điều 16. Thay đổi các quyền	16
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>23</b>
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	<b>30</b>
Điều 28. Tổ chức bộ phận quản lý	30
Điều 29. Cán bộ quản lý	30
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	30
Điều 31. Thư ký Công ty	32
<b>IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	<b>32</b>
Điều 32. Trách nhiệm cần trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý	32
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
<b>X. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>34</b>
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát	34
Điều 36. Ban kiểm soát	35
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>36</b>
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	36
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>37</b>
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	37
<b>XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b>	<b>37</b>
Điều 39. Cổ tức	37
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	38
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	<b>38</b>
Điều 41. Tài khoản ngân hàng	38
Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các loại quỹ khác	39
Điều 43. Năm tài khoá	39

Điều 44. Hệ thống kế toán	39
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	39
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	39
Điều 46. Công bố thông tin và công bố ra công chúng	40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 47. Kiểm toán	40
XVII. CON DẤU	41
Điều 48. Con dấu	41
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THÀNH LÝ	41
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	41
Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	41
Điều 51. Gia hạn hoạt động	42
Điều 52. Thanh lý	42
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	43
Điều 55. Ngày hiệu lực	43
Điều 56. Chữ ký của người đại diện pháp luật của Công ty	43

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 chính thức thông qua vào ngày 28 tháng 03 năm 2008 thay thế cho Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty tháng 10/2006 mà Đại hội đồng Cổ đông bất thường thông qua ngày 23/10/2006 nhằm phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu của Bộ tài chính ban hành đối với Công ty niêm yết.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Định nghĩa.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp hiện hành được Quốc hội thông qua.
  - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
  - d. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
  - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
  - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại khoản 6 Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

#### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.


1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Tên tiếng Anh: POST AND TELECOMMUNICATION INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT-STOCK COMPANY

Mã giao dịch chứng khoán: PTC

Tên viết tắt: PTIC.,JSC

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
  - Địa chỉ: Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội
  - Điện thoại: 04. 8612360
  - Fax: 04.8611511
  - E-mail: [ptic@hn.vnn.vn](mailto:ptic@hn.vnn.vn)
  - Website: [www.xaydungbuudien.com](http://www.xaydungbuudien.com)
- Logo: 
4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo điều 49.2 và điều 50 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày 15/12/2004 và là vô thời hạn.

### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
  - *Xây dựng các công trình chuyên ngành công nghiệp và dân dụng;*
  - + Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hoà và cấp thoát nước;
  - + Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng, và trang trí nội ngoại thất;
  - + Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;

- Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu khác liên quan phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp:
- + Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- + Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình Bưu điện và dân dụng;
- + Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành Bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, ngành điện và điều hoà, thông gió;
- Kinh doanh trong các lĩnh vực:
- + Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông và công nghệ thông tin, trang thiết bị nội thất, vật tư hoá chất ngành nhựa và các mặt hàng mà pháp luật không cấm;
- + Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất và các mặt hàng khác.
- Đầu tư và cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế công trình, dịch vụ lao động:
- + Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, đầu tư kinh doanh bất động sản;
- + Đầu tư – kinh doanh chứng khoán và các lĩnh vực đầu tư khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- + Tư vấn trong lĩnh vực: đấu thầu đầu tư xây dựng, khảo sát thiết kế các công trình chuyên ngành bưu chính viễn thông và các công trình dân dụng, công nghiệp khác;
- + Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động.
- Sản xuất và kinh doanh các ngành nghề kỹ thuật mà pháp luật không cấm.
- Liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
- 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
- + Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty nhằm tối đa hoá các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty; bảo đảm lợi ích của cổ đông.
- + Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.
- + Đóng góp cho Ngân sách nhà nước.

#### **Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ Việt Nam đồng)  
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng / 01cổ phần
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 11 và 12 của Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục số... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua tối thiểu hai mươi ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với



quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu.**

1. Cổ đông của Công ty chưa thực hiện lưu ký tại các tổ chức lưu ký được Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần chưa có tài khoản lưu ký sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

## **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

## **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng cổ tức.

## **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 15 % một năm vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
  - b. Nhận cổ tức;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
  - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
  - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:
  - a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các mục 3 Điều 24 và mục 2 Điều 35;
  - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp chính xác địa chỉ, số điện thoại, số Fax, số CMND khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

#### **Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết

định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại mục 3 Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ

đồng chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

#### **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
  - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc

lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.**

Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

- 1. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 2. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền.**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

#### **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại mục b và mục c khoản 4 Điều 13.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;



- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
- Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
  - Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng.
  - Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

## **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

## **Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, Chủ tọa sẽ lấy biểu quyết tán thành trước biểu quyết không tán thành và biểu quyết không có ý kiến gì (phiếu trắng). Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến gì của từng vấn đề cần biểu quyết, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Trường hợp Đại hội cổ đông được triệu tập theo mục b, c khoản 4 Điều 13 thì Ban kiểm soát hoặc đại diện nhóm cổ đông (người ký giấy triệu

tập Đại hội) chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng
  - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.
  - b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc
  - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
  - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
- Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.**

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông hoặc đăng báo, công báo trên trang web Công ty trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được công báo. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm 05 người và nhiều nhất là mười một 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

## **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác (các chức danh do HĐQT bổ nhiệm).
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ từ cấp trưởng các đơn vị, phòng, ban trực thuộc Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
  - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;



- i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký HĐLĐ Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, trưởng các đơn vị trực thuộc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
  - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
    - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
    - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
    - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh);
    - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
    - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
    - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 20 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
    - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
    - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
    - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
    - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
    - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
  5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thì báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
  6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch (trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác). Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
9. Biểu quyết.
  - a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
  - c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trên 50%. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
  - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong

quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

### **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.**

#### **Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý.**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

#### **Điều 29. Cán bộ quản lý.**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết để phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

#### **Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.**

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
  - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày [31 tháng 10] hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
  - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
  - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu là ủy viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

### **Điều 31. Thư ký Công ty.**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.**

### **Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### **Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.



Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay Công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

#### **X. BAN KIỂM SOÁT.**

##### **Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 36. Ban kiểm soát.**

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
  - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;
  - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;
  - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
  - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
  3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu lớn hơn 50% số thành viên của Ban kiểm soát.
  4. Mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá \_\_\_\_ đồng Việt nam mỗi năm. Mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong mục 3 Điều 24 và mục 2 Điều 35 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.**

### **Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.**

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

### **Điều 39. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền Việt Nam đồng và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán / Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

#### **Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 41. Tài khoản ngân hàng.**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các loại quỹ khác**

Hàng năm, Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Công ty sẽ trích lập các loại quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật.

#### **Điều 43. Năm tài khóa.**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

#### **Điều 44. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này bảo đảm chính xác, cập nhật, có hệ thống, để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

### **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.**

1. Công ty lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên website đó.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 47 Kiểm toán**

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. [Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh].
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 48. Con dấu.**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.**

### **Điều 49. Chấm dứt hoạt động.**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
  - b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

### **Điều 50. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.



3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

#### **Điều 51. Gia hạn hoạt động.**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 52. Thanh lý.**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
  - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
  - d. Các khoản vay (nếu có);
  - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
  - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.**

### **Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ.**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## XXI. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 55. Ngày hiệu lực.

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2008 Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng Bưu Điện nhất trí thông qua ngày 28 tháng 03 năm 2008 tại Trung tâm Hội nghị Quốc Gia (Mỹ Đình, Hà Nội) và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 23/11/2006.
2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
  - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
  - c. 04 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**Điều 56.** Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

**CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: 100 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM  
Số tài khoản: 0110787399 - Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam (OCBC Bank)  
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0303070193

## MỤC LỤC

	Trang
- 1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2006	7 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2006	11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2006	12 - 31

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (04) 8 612 360

Fax : (04) 8 611 511

Mã số thuế : 0 1 0 0 6 8 6 5 4 4

Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật ;
  - + Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
  - + Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất ;
  - + Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng : Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten ;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu : đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp ; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật ;
  - + Khảo sát công trình xây dựng ;
  - + Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng ;
  - + Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị ;

- + Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng ;
- + Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin ;
- + Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) ;
- + Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất ;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng ;

#### Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Trong năm 2006 Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán. Trong đó tăng vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng tương đương 1.500.000 cổ phần và thặng dư cổ phần là 38.757.720.000 đồng.

Ngày 25 tháng 12 năm 2006 Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 77/QĐ-TTGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2006 của giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội .

#### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 31).

#### Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2006 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Chủ tịch	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Ủy viên	09/11/2004
Bà Phạm Thị Thau	Ủy viên	09/11/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Ủy viên	09/11/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Ủy viên	09/11/2004

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Giám đốc	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Phó Giám đốc	23/12/2004
Bà Phạm Thị Thu	Phó Giám đốc	23/12/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Phó Giám đốc	23/12/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Phó Giám đốc	23/12/2004

Kiểm toán viên

Công ty cổ phần Kiểm toán và Tư vấn, nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính và bản thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Phong - Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2007





www.auditconsult.com.vn

# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300  
Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113  
Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

Số: 109/2007/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

KÍNH GỬI:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng bưu điện gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 4 năm 2007, từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo này thay thế báo cáo kiểm toán số 41/2007/BCTC-KITV ngày 16 tháng 3 năm 2007 do trình bày lại chỉ tiêu "Khấu hao tài sản cố định" – mã số 02 và chỉ tiêu "Tăng, giảm các khoản phải trả" – mã số 11 trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (trang 11) và các mục V.7 – Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (trang 21), mục V.8 – Tăng, giảm tài sản cố định thuê tại chính (trang 22) và mục VI.1 – Doanh thu (trang 28) trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C Co)

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Hồng Thanh – Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2007

Nguyễn Thị Tư - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ 0059 /KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		306.987.174.831	167.792.874.181
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		31.298.722.529	10.982.321.968
1. Tiền	111	V.1	31.298.722.529	10.982.321.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		184.692.859.264	111.204.646.423
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	177.051.635.429	105.335.169.581
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.650.666.179	1.335.392.552
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.203.878.204	1.088.389.411
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.4	4.786.679.452	3.445.694.879
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		82.901.226.893	40.106.711.229
1. Hàng tồn kho	141	VI.5	85.126.467.896	40.106.711.229
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.225.241.003)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.094.366.145	5.499.194.561
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	36.622.252	25.974.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	VI.6	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.483.673	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	8.054.260.220	5.473.219.996

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>258.004.604.791</b>	<b>167.081.837.094</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		253.283.892.343	159.901.778.722
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	94.656.708.116	54.996.981.715
2. Phải trả người bán	312	V.13	60.749.837.151	20.446.312.034
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	4.867.800.264	4.351.564.785
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	9.215.340.479	7.425.883.193
5. Phải trả người lao động	315		4.766.486.218	3.048.048.930
6. Chi phí phải trả	316	V.16	15.814.365.792	8.877.468.418
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	63.213.354.323	60.755.519.647
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.720.712.448	7.180.058.372
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	8.679.459	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	4.448.369.998	7.065.223.671
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	263.662.991	114.834.701
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>111.353.067.823</b>	<b>44.058.832.329</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		107.623.015.692	42.500.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	50.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	37.613.872.600	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	16.509.143.092	6.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	3.500.000.000	1.500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-V.21	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3.730.052.131	1.558.832.329
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.23	3.730.052.131	1.558.832.329
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>369.357.672.614</b>	<b>211.140.669.423</b>

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2007

Người lập biểu

*Tôn Thiện Toàn*

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

*Cao Văn Hòa*

Cao Văn Hòa



Giám đốc

*Nguyễn Văn Phong*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	329.958.028.080	222.738.053.475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	24.137.000	7.520.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	329.933.891.080	222.730.533.475
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	284.938.166.474	188.353.158.544
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.995.724.606	34.377.374.931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.085.027.885	557.305.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.136.135.934	4.424.856.745
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.702.762.842	4.236.601.724
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	10.935.568.981	5.684.851.248
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.907.462.803	11.211.819.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.101.584.773	13.613.153.127
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.467.143.358	496.476.866
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.321.788.517	417.071.880
13. Lợi nhuận khác	40		145.354.841	79.404.986
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.246.939.614	13.692.558.113
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.246.939.614	13.692.558.113
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	6.304	3.912

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2007

Người lập biểu

*Tôn Thiện Toàn*

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

*Cao Văn Hòa*

Cao Văn Hòa



Phong

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2006

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.246.939.614
2. Điều chỉnh các khoản		5.674.845.083
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.880.412.862
- Các khoản dự phòng	03	2.225.241.003
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.035.027.885)
- Chi phí lãi vay	06	8.604.219.103
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước sự thay đổi của vốn lưu động	08	28.921.784.697
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(73.491.696.514)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(45.019.756.667)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	50.247.726.237
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(159.835.960)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(8.604.219.103)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(10.374.431.368)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(58.480.428.678)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(23.125.376.954)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	100.192.980
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.035.027.885
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(9.490.156.089)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	52.613.872.600
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	148.000.558.554
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(110.957.685.826)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.369.760.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>88.286.985.328</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>20.316.400.561</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.982.321.968
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>31.298.722.529</b>

Người lập biểu

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

Cao Văn Hòa

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2007



Nguyễn Phong

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Đầu tư - xây dựng - sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh :
  - Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật ;
  - + Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
  - + Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất ;
  - + Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng : Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten ;
  - Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu : đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp ; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật ;
  - + Khảo sát công trình xây dựng ;
  - + Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác ;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng ;
  - + Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị ;
  - + Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng ;
  - + Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học ;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin ;
  - + Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) ;
  - + Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất ;
  - Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng ;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 là năm tài chính thứ 2 của Công ty Cổ phần.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số 5.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 9. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ phục vụ quản lý đã đưa vào sử dụng được phân bổ 100% vào chi phí trong năm, đối với công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất phân bổ không quá 02 năm.

#### 10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 14. Vốn cổ phần

##### *Vốn cổ phần ưu đãi*

Vốn cổ phần ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu trong trường hợp vốn không phải hoàn trả và việc chia cổ tức là không bắt buộc. Các khoản chia cổ tức được ghi nhận như là các khoản phân phối từ vốn chủ sở hữu.

Vốn cổ phần ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu vốn phải được hoàn trả vào một thời điểm cụ thể hoặc tùy theo lựa chọn của cổ đông hoặc việc chia cổ tức là bắt buộc. Cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi này được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là chi phí tiền lãi.

##### *Cổ phiếu mua lại*

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phiếu mua lại được phân loại là các cổ phiếu ngân quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

##### *Cổ tức*

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là Công ty chuyên đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước, cụ thể: Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm thứ 2 hoạt động kinh doanh có lãi, Công ty đang được miễn thuế TNDN.

Theo công văn số 10997/BTC-CST ngày 8 tháng 9 năm 2006 về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán thì Công ty sẽ tiếp tục được giảm thuế TNDN kể từ khi kết thúc thời hạn miễn, giảm thuế TNDN theo ưu đãi Cổ phần hóa nêu trên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm: doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ: doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
<b>Tiền mặt</b>	<u>558.419.105</u>	<u>315.901.595</u>
Tại Văn phòng công ty	85.353.649	6.426.126
Tại Xí nghiệp 1	11.414.576	3.282.490
Tại Xí nghiệp 2	4.504.324	21.505.816
Tại Xí nghiệp 3	2.749.259	14.341.164
Tại Xí nghiệp 4	1.997.311	2.689.099
Tại Xí nghiệp 5	30.708.000	2.752.658
Tại Xí nghiệp 6	41.926.494	4.855.111
Tại Xí nghiệp 7	94.700.251	40.275.484
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	669.709	669.709
Tại Xí nghiệp tư vấn thiết kế	134.361.800	
Tại Chi nhánh miền Trung	44.072.144	
Tại Trung tâm thương mại	17.597.213	17.090.724
Tại Chi nhánh miền Nam	88.364.375	202.013.214
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<u>30.740.303.424</u>	<u>10.666.420.373</u>
Tại Văn phòng công ty	24.971.369.523	7.166.306.790
Tại Xí nghiệp 1	194.304.949	693.380.612
Tại Xí nghiệp 2	52.319.195	200.076.667
Tại Xí nghiệp 3	1.187.367.058	280.701.744
Tại Xí nghiệp 4	3.523.714	46.742.215
Tại Xí nghiệp 5	26.857.219	118.861.970
Tại Xí nghiệp 6	398.730.397	326.736.965
Tại Xí nghiệp 7	16.673.003	15.206.602
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	20.848.479	26.387.300
Tại Chi nhánh miền Trung	124.652.692	
Tại Trung tâm thương mại	1.860.512	100.000
Tại Chi nhánh miền Nam	3.741.796.683	1.791.919.508
<b>Cộng</b>	<u>31.298.722.529</u>	<u>10.982.321.968</u>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>		
Tại Văn phòng công ty	46.902.275.549	68.365.846.065
Tại Xí nghiệp 1	8.595.866.219	1.412.142.468
Tại Xí nghiệp 2	7.511.970.011	831.273.567
Tại Xí nghiệp 3	4.643.189.170	4.095.686.500
Tại Xí nghiệp 4	17.658.557.532	153.194.311
Tại Xí nghiệp 5	7.886.351.508	1.656.930.803
Tại Xí nghiệp 6	9.876.853.938	788.065.099
Tại Xí nghiệp 7	16.917.254.445	896.280.000
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	715.884.888	715.884.888
Tại Chi nhánh miền Trung	4.435.835.670	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Trung tâm thương mại	43.516.110	5.497.800
Tại Chi nhánh miền Nam	51.864.080.389	26.414.368.080
Cộng	<u>177.051.635.429</u>	<u>105.335.169.581</u>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
Tại Văn phòng công ty	1.256.349.890	1.158.809.247
Tại Xí nghiệp 1	51.082.620	
Tại Xí nghiệp 3	6.803.815	6.803.815
Tại Xí nghiệp 4	75.000.000	
Tại Xí nghiệp 6	42.795.000	
Tại Xí nghiệp 7	975.000	
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	78.390.990	169.779.490
Tại Chi nhánh miền Nam	139.268.864	
Cộng	<u>1.650.666.179</u>	<u>1.335.392.552</u>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>		
Tại Văn phòng công ty	3.233.889.816	2.249.030.577
Tại Xí nghiệp 1	31.962.313	30.566.028
Tại Xí nghiệp 2	11.782.640	7.461.528
Tại Xí nghiệp 3	431.672.550	11.231.385
Tại Xí nghiệp 4	34.843.696	468.476.923
Tại Xí nghiệp 5	636.308.053	265.597.698
Tại Xí nghiệp 6	339.895.024	334.690.578
Tại Xí nghiệp 7	3.131.460	1.912.680
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	609.142	609.142
Tại Chi nhánh miền Trung	450.800	
Tại Trung tâm thương mại	45.527.863	11.914.913
Tại Chi nhánh miền Nam	16.606.095	64.203.427
Cộng	<u>4.786.679.452</u>	<u>3.445.694.879</u>
<b>5. Hàng tồn kho</b>		
Nguyên liệu, vật liệu	46.558.328.060	6.349.007.098
Công cụ, dụng cụ	25.386.163	21.969.475
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	17.590.504.952	15.996.105.788
Thành phẩm	13.097.409.604	15.607.422.558
Hàng hóa	2.825.200	
Hàng gửi đi bán	7.852.013.917	2.132.206.310
Cộng	<u>85.126.467.896</u>	<u>40.106.711.229</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.225.241.003)	
Giá trị thuần của hàng tồn kho	<u>82.901.226.893</u>	<u>40.106.711.229</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
6. Tài sản ngắn hạn khác		
Chi phí trả trước ngắn hạn	36.622.252	25.974.565
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	3.483.673	
Tài sản ngắn hạn khác (*)	8.054.260.220	5.473.219.996
Cộng	<u>8.094.366.145</u>	<u>5.499.194.561</u>

(\*) - Chi tiết tài sản ngắn hạn khác:

<u>Tam ứng</u>	<u>5.807.697.082</u>	<u>5.337.800.196</u>
Tại Văn phòng công ty	661.356.417	291.700.389
Tại Xí nghiệp 1	177.725.916	90.530.332
Tại Xí nghiệp 2	20.423.361	1.777.307.175
Tại Xí nghiệp 3	819.843.369	519.368.462
Tại Xí nghiệp 4	549.882.389	202.828.158
Tại Xí nghiệp 5	12.048.512	7.663.512
Tại Xí nghiệp 6	117.879	381.773.696
Tại Xí nghiệp 7	229.401.193	543.306.968
Tại Chi nhánh miền-Trung	5.280.000	
Tại Trung tâm thương mại	110.553.964	124.368.298
Tại Chi nhánh miền Nam	3.221.064.082	1.398.953.206
<u>Thế chấp ký quỹ ký cược ngắn hạn</u>	<u>2.246.563.138</u>	<u>135.419.800</u>
Tại Văn phòng công ty	2.127.917.338	
Tại Xí nghiệp 3	66.645.800	10.019.800
Tại Chi nhánh miền Nam	52.000.000	125.400.000
Cộng	<u>8.054.260.220</u>	<u>5.473.219.996</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

#### 7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	14.035.192.816	24.989.060.856	5.221.580.328	1.315.775.745	45.561.609.745
Đầu tư xây dựng hoàn thành	3.560.646.304	4.218.325.813			7.778.972.117
Mua trong kỳ		695.097.918	1.030.795.022	135.889.161	1.861.782.101
Mua lại TSCĐ thuê tài chính			1.639.301.942		1.639.301.942
Tăng khác		451.418.881			451.418.881
Giảm do thanh lý nhượng bán	(227.413.200)		(51.013.066)		(278.426.266)
Giảm khác	(110.491.800)				(110.491.800)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>17.257.934.120</b>	<b>30.353.903.468</b>	<b>7.840.664.226</b>	<b>1.451.664.906</b>	<b>56.904.166.720</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.223.833.988	20.444.198.221	3.507.023.664	860.637.440	28.035.693.313
Khấu hao trong năm	766.760.382	1.458.259.624	585.427.648	206.899.175	3.017.346.829
Mua lại TSCĐ thuê tài chính			1.006.936.344		1.006.936.344
Tăng khác		31.968.600			31.968.600
Thanh lý nhượng bán	(227.413.200)		(51.013.066)		(278.426.266)
Giảm khác					
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.763.181.170</b>	<b>21.934.426.445</b>	<b>5.048.374.590</b>	<b>1.067.536.615</b>	<b>31.813.518.820</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	10.811.358.828	4.544.862.635	1.714.556.664	455.138.305	17.525.916.432
Số cuối năm	13.494.752.950	8.419.477.023	2.792.289.636	384.128.291	25.090.647.900

Một số tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách 24.500.377.319 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Công ty Tài Chính Bưu điện.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.848.072.643 VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

8. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính			
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.270.229.818	2.974.164.715	16.244.394.533
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(1.636.452.701)	(1.636.452.701)
Giảm trong năm			
Số cuối kỳ	13.270.229.818	1.337.712.014	14.607.941.832
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	157.978.926	859.641.132	1.017.620.058
Khấu hao trong năm	1.322.243.784	508.853.649	1.831.097.433
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(1.006.936.344)	(1.006.936.344)
Giảm trong năm			
Số cuối năm	1.480.222.710	361.558.437	1.841.781.147
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.112.250.892	2.114.523.583	15.226.774.475
Số cuối năm	11.790.007.108	976.153.577	12.766.160.685
9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
		Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình Nhà máy vật liệu Viễn thông 2		2.218.475.372	5.069.422.025
Giá trị quyền sử dụng đất tại TP Hồ Chí Minh		522.500.000	522.500.000
Giá trị quyền sử dụng đất tại C30 - Hồ Chí Minh		1.697.914.756	1.211.417.310
Mở rộng nhà máy nhựa (lần 2)		19.645.395.501	-
Các công trình khác		3.098.796	14.648.500
Cộng	-	24.087.384.425	6.817.987.835
10. Đầu tư dài hạn khác			
Cổ phần Ngân hàng Thương mại Hàng hải Việt Nam			3.500.000.000
Cổ phần C.ty CP Tư vấn XD Bưu chính Viễn thông		250.000.000	250.000.000
Cộng		250.000.000	3.750.000.000
11. Chi phí trả trước dài hạn			
Số dư đầu năm		27.116.500	2.616.500
Phát sinh trong năm		344.099.747	49.000.000
Kết chuyển vào chi phí trong năm		(194.911.474)	(24.500.000)
Giảm khác			-
Số dư cuối năm		176.304.773	27.116.500

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>12. Vay và nợ ngắn hạn</b>		
<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>92.535.482.156</u>	<u>50.526.710.778</u>
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Nội	41.607.550.336	39.209.620.287
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	29.713.440.676	5.256.871.044
Công ty Tài chính Bưu điện	15.214.003.677	3.853.400.000
Đối tượng khác	6.000.487.467	2.206.819.447
<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>2.121.225.960</u>	<u>4.470.270.937</u>
Công ty Cho thuê tài chính NH Công thương VN	2.121.225.960	4.079.856.028
Công ty Cho thuê tài chính NH Đầu tư Phát triển VN		390.414.909
<b>Cộng</b>	<b><u>94.656.708.116</u></b>	<b><u>54.996.981.715</u></b>
<b>13. Phải trả cho người bán</b>		
Tại Văn phòng công ty	49.991.461.769	11.864.993.977
Tại Xí nghiệp 1	3.300.347.904	3.467.746.603
Tại Xí nghiệp 2	459.183.258	
Tại Xí nghiệp 3	9.620.000	309.252.373
Tại Xí nghiệp 4	3.216.188.496	3.288.219.914
Tại Xí nghiệp 5	42.275.728	42.275.728
Tại Xí nghiệp 6	164.737.115	326.986.556
Tại Xí nghiệp 7	1.181.438.845	799.142.625
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	48.346.000	48.346.000
Tại Chi nhánh miền Trung	688.713.000	
Tại Trung tâm thương mại	638.777.610	70.776.639
Tại Chi nhánh miền Nam	1.008.747.426	228.571.619
<b>Cộng</b>	<b><u>60.749.837.151</u></b>	<b><u>20.446.312.034</u></b>
<b>14. Người mua trả tiền trước</b>		
Tại Văn phòng công ty	234.927.867	1.922.359.837
Tại Xí nghiệp 1	578.811.040	80.999.293
Tại Xí nghiệp 2	300.000.000	
Tại Xí nghiệp 3	520.319.971	1.422.120.889
Tại Xí nghiệp 4	811.265.043	
Tại Xí nghiệp 6	355.987.875	119.394.755
Tại Xí nghiệp 7	90.000.001	
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	98.121.281	98.121.281
Tại Chi nhánh miền Trung	32.328.360	
Tại Chi nhánh miền Nam	1.846.038.826	708.568.730
<b>Cộng</b>	<b><u>4.867.800.264</u></b>	<b><u>4.351.564.785</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	7.263.604.528	14.010.224.057	12.381.256.091	8.892.572.494
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	32.229.422	1.676.163.157	1.621.543.252	86.849.327
Thuế xuất nhập khẩu	12.396.731	625.883.755	638.280.486	
Thuế nhà đất		226.063.260	226.063.260	
Các loại thuế khác	117.652.512	190.666.615	72.400.469	235.918.658
<b>Cộng</b>	<b>7.425.883.193</b>	<b>16.729.000.844</b>	<b>14.939.543.558</b>	<b>9.215.340.479</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất:

Hoạt động xây lắp

10%

Hoạt động xây lắp ký hợp đồng trước 1/1/2004

5%

Sản phẩm công nghiệp: ống nhựa, cáp

10%

Giải phóng mặt bằng

không chịu thuế

#### *Thuế nhà đất*

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 16. Chi phí phải trả

Là chi phí nhân công, vật tư trích trước tại công trường bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Văn phòng công ty	338.419.689	244.650.258
Tại Xí nghiệp 1	1.127.978.664	1.079.162.966
Tại Xí nghiệp 2	253.095.191	224.282.861
Tại Xí nghiệp 4	1.247.768.953	705.188.637
Tại Xí nghiệp 5	1.072.258.067	52.752.000
Tại Xí nghiệp 6	1.305.830.986	569.872.920
Tại Xí nghiệp 7	5.311.853.668	2.632.009.751
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	312.295.438	403.683.938
Tại Trung tâm thương mại	234.190.190	
Tại Chi nhánh miền Nam	4.610.674.946	2.965.865.087
<b>Cộng</b>	<b>15.814.365.792</b>	<b>8.877.468.418</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>17. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Tại Văn phòng công ty	27.331.803.673	29.853.113.225
Tại Xí nghiệp 1	2.581.112.199	2.904.372.270
Tại Xí nghiệp 2	2.483.111.719	4.518.043.305
Tại Xí nghiệp 3	2.023.707.852	4.140.636.153
Tại Xí nghiệp 4	1.636.201.497	590.965.953
Tại Xí nghiệp 5	3.620.672.804	2.501.570.195
Tại Xí nghiệp 6	5.710.878.483	3.129.928.188
Tại Xí nghiệp 7	4.136.413.552	283.673.902
Tại Xí nghiệp tư vấn xây dựng	221.445.749	221.445.749
Tại Trung tâm thương mại	163.221.198	46.807.442
Tại Chi nhánh miền Nam	13.304.785.597	12.564.963.265
<b>Cộng</b>	<u><u>63.213.354.323</u></u>	<u><u>60.755.519.647</u></u>
<i>Trong đó</i>		
Bảo hiểm xã hội	9.240.630	
Bảo hiểm y tế	18.672.085	
Kinh phí công đoàn	152.265.460	59.195.405
Phải trả về cổ phần hoá	564.271.703	2.877.053.798
Chi trả cổ tức	7.500.000.000	4.900.000.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	54.968.904.445	52.919.270.444
<b>Cộng</b>	<u><u>63.213.354.323</u></u>	<u><u>60.755.519.647</u></u>
<b>18. Phải trả dài hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	8.679.459	
<b>Cộng</b>	<u><u>8.679.459</u></u>	
<b>19. Vay và nợ dài hạn</b>		
<u>Vay dài hạn</u>	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.500.000.000</u>
Công ty Tài chính Bưu điện	4.000.000.000	4.500.000.000
<u>Nợ dài hạn</u>	<u>448.369.998</u>	<u>2.565.223.671</u>
Công ty Cho thuê tài chính NHCT Việt Nam	232.810.539	2.349.664.212
Công ty Cho thuê tài chính NH ĐT&PT Việt Nam	215.559.459	215.559.459
<b>Cộng</b>	<u><u>4.448.369.998</u></u>	<u><u>7.065.223.671</u></u>
<b>20. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm</b>		
Quỹ trợ cấp mất việc làm các năm trước chuyển sang	114.834.701	471.566.669
Quỹ trợ cấp mất việc làm trích trong năm	148.828.290	
Số chi trong năm		(356.731.968)
<b>Số cuối năm</b>	<u><u>263.662.991</u></u>	<u><u>114.834.701</u></u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 21. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### 21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm	35.000.000.000		6.000.000.000	1.500.000.000
Phát hành thêm CP	15.000.000.000	38.757.720.000		
Tăng quỹ từ Thuế TNDN được miễn			6.509.143.092	
Phân phối các quỹ			4.000.000.000	2.000.000.000
Giảm trong năm		(1.143.847.400)		
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>37.613.872.600</b>	<b>16.509.143.092</b>	<b>3.500.000.000</b>

Theo Công văn số 258/KTTKTC - HĐQT ngày 05 tháng 10 năm 2005 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (cổ đông sáng lập chiếm 51% vốn điều lệ) đã chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán. Tổng số vốn của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện giữ nguyên là: 17.850.000.000 đồng; Sau khi phát hành thêm vốn, tỷ lệ vốn của Tập đoàn là 35,7 %

Kết quả đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá trên thị trường chứng khoán đến thời điểm ngày 24 tháng 11 năm 2006 như sau:

	Số cổ phần phát hành	Mệnh giá cổ phần	Giá trị bán đấu giá	Trong đó	
				Giá trị cổ phần	Thặng dư vốn
Đợt I (ngày 10/10/06)	1.476.800	10.000	52.975.280.000	14.768.000.000	38.207.280.000
Đợt II (ngày 09/11/06)	23.200	10.000	782.440.000	232.000.000	550.440.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000</b>		<b>53.757.720.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>38.757.720.000</b>

##### 21.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay		Năm trước	
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</i>				
Vốn góp đầu năm		35.000.000.000		35.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm		15.000.000.000		-
Vốn góp giảm trong năm				-
Vốn góp cuối năm		<b>50.000.000.000</b>		<b>35.000.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>	<i>Tỷ lệ</i>		<i>Tỷ lệ</i>	
Vốn góp của Tập đoàn BCVTN	35,7	17.850.000.000	51	17.850.000.000
Vốn góp các cổ đông	64,3	32.150.000.000	49	17.150.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		(7.500.000.000)		(4.900.000.000)

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 21.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức của cổ phiếu thường:	15%	14%
Lợi nhuận năm 2006 được phân phối theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện ngày 31 tháng 01 năm 2007.		

#### 21.4. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.000.000	350.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	5.000.000	350.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	304.418
- Cổ phiếu ưu đãi		45.582
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	350.000
- Cổ phiếu thường	5.000.000	304.418
- Cổ phiếu ưu đãi		45.582

#### 21.5. Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

#### 22. Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ

Lợi nhuận kế toán trước thuế: 23.246.939.614

Thuế TNDN được miễn bổ sung quỹ đầu tư 6.509.143.092

Lợi nhuận còn lại: 16.737.796.522

Cổ tức được chia (7.500.000.000)

Phân phối các quỹ: (9.237.796.522)

*Quỹ đầu tư phát triển* (4.000.000.000)

*Quỹ dự phòng tài chính* (2.000.000.000)

*Quỹ khen thưởng phúc lợi* (3.237.796.522)

Lợi nhuận lũy kế chuyển sang năm sau

#### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.558.832.329	3.400.496.141	1.229.276.339	3.730.052.131
Cộng	1.558.832.329	3.400.496.141	1.229.276.339	3.730.052.131

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Doanh thu		
Tổng doanh thu	<u>329.958.028.080</u>	<u>222.738.053.475</u>
Doanh thu bán thành phẩm	184.043.673.360	80.765.466.702
Doanh thu bán hàng hóa	179.615.400	7.020.466.919
Doanh thu hoạt động xây dựng	145.734.739.320	134.952.119.854
<u>Các khoản giảm trừ doanh thu:</u>	<u>24.137.000</u>	<u>7.520.000</u>
Hàng bán bị trả lại	24.137.000	7.520.000
Doanh thu thuần	<u>329.933.891.080</u>	<u>222.730.533.475</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	184.019.536.360	80.757.946.702
Doanh thu bán hàng hóa	179.615.400	7.020.466.919
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	145.734.739.320	134.952.119.854
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	159.778.006.991	62.387.772.933
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	145.537.900	6.304.254.428
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	125.014.621.583	119.661.131.183
Cộng	<u>284.938.166.474</u>	<u>188.353.158.544</u>
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	610.027.885	295.221.374
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.000.000	262.084.000
Doanh thu bán CP ngân hàng CP Hàng Hải	9.425.000.000	
Cộng	<u>10.085.027.885</u>	<u>557.305.374</u>
4. Chi phí hoạt động tài chính		
Chi phí lãi vay	8.604.219.103	4.236.601.724
Chênh lệch tỷ giá	232.809.814	188.255.022
Chi phí tài chính khác	299.107.017	
Cộng	<u>9.136.135.934</u>	<u>4.424.856.746</u>
5. Chi phí bán hàng		
Là chi phí bán hàng tại Văn phòng công ty và Trung tâm thương mại và Chi nhánh miền Nam, bao gồm:		
Tại Văn phòng Công ty	10.820.916.789	5.684.851.248
Tại Trâm thương mại	21.023.724	
Tại Chi nhánh miền Nam	93.628.468	
Cộng	<u>10.935.568.981</u>	<u>5.684.851.248</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác		
Tại Văn phòng Công ty	1.391.755.776	496.476.866
Tại Chi nhánh miền Nam	75.387.582	
Cộng	<u>1.467.143.358</u>	<u>496.476.866</u>
7. Chi phí khác		
Tại Văn phòng Công ty	1.306.395.017	417.071.880
Tại Xí nghiệp 3	10.933.500	
Tại Chi nhánh miền Nam	4.460.000	
Cộng	<u>1.321.788.517</u>	<u>417.071.880</u>
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	23.246.939.614	13.692.558.113
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	23.246.939.614	13.692.558.113
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	3.687.500	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.304</u>	<u>3.912</u>

(\*) Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế TNDN được miễn

(\*\*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.500.000	3.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	187.500	0
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 16 tháng 11 năm 2006	187.500	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.687.500</u>	<u>3.500.000</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2006 Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005, Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 21/2006/TT- BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 như sau:

- VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp
- VAS 21 Trình bày báo cáo tài chính
- VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- VAS 26 Thông tin về các bên liên quan
- VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót

Hiện tại, Công ty đang phân tích ảnh hưởng của các chuẩn mực kế toán mới.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay Năm trước	
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	83,11	79,47
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	16,89	20,53
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	69,85	79,13
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	30,15	20,87
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,43	1,26
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,21	1,05
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,12	0,07
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,81	6,12
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	6,81	6,12
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	6,29	6,49
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,29	6,49
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>			
	%	21,60	32,22

#### 3. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán bởi Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn, nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn. Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính năm.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2007

Người lập biểu

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

Cao Văn Hòa

Tổng Giám đốc

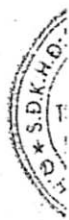


Nguyễn Phong

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2007	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2007	12 - 32

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần 1 ngày 24 tháng 11 năm 2006 về việc tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 50 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 11 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 100 tỷ đồng.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng (một trăm tỷ đồng)

Danh sách cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Bưu chính Viễn Thông Việt Nam	30.000.000.000	30%
Các cổ đông khác	70.000.000.000	70%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (04) 8 612 360  
Fax : (04) 8 611 511  
Mã số thuế : 0 1 0 0 6 8 6 5 4 4

### Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng; Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;

- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và thu được giá trị thặng dư vốn cổ phần thuần là: 90.965.153.590 đồng.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 32).

**Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Chủ tịch	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Ủy viên	09/11/2004
Bà Phạm Thị Thu	Ủy viên	09/11/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Ủy viên	09/11/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Ủy viên	09/11/2004
Ông Nguyễn Công Minh	Ủy viên	28/03/2007
Ông Đậu Minh Lâm	Ủy viên	28/03/2007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Tổng Giám đốc	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Bà Phạm Thị Thau	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Phong – Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2008



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 229 Dong Khoi St., District 1, Hochiminh City - Tel: (08) 8 272 295 - Fax: (84-8) 8 272 300  
 Branch in Hanoi : 877 Hong Ha St., Hoan Kiem District, Ha Noi City - Tel: (04) 9 324 133 - Fax: (84-4) 9 324 113  
 Branch in Nha Trang-Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel: (058) 876 555 - Fax: (84-58) 875 327  
 Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu District, Can Tho City - Tel: (071) 764 995 - Fax: (84-71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 104/2008/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2007 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

**KÍNH GỬI: CỘ ĐÔNG, HỘI ĐÔNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2008, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Tư

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2008

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ 0300 /KTV



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>466.719.247.582</b>	<b>306.987.174.831</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		29.925.718.121	31.298.722.529
1. Tiền	111	V.1	29.925.718.121	31.298.722.529
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.369.671.105	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.369.671.105	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		281.426.457.850	184.692.859.264
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	266.772.983.604	177.051.635.429
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	6.536.246.984	1.650.666.179
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	1.203.878.204
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	8.254.477.711	4.786.679.452
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(137.250.449)	-
IV. Hàng tồn kho	140		141.856.703.484	82.901.226.899
1. Hàng tồn kho	141	V.7	141.856.703.484	85.126.467.896
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.225.241.002)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.140.697.022	8.094.366.115
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.622.252
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	35.330.432	3.483.673
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	11.105.366.590	8.054.260.220

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>102.933.318.236</b>	<b>62.370.497.783</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.433.733.763</b>	<b>61.944.193.010</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	70.269.611.100	25.090.647.900
<i>Nguyên giá</i>	222		107.026.946.241	56.904.166.720
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36.757.335.141)	(31.813.518.820)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	734.299.589	12.766.160.685
<i>Nguyên giá</i>	225		1.337.712.014	14.607.941.832
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(603.412.425)	(1.841.781.147)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.763.725.490	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.799.000.000	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(35.274.510)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	9.666.097.584	24.087.384.425
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.890.875.000</b>	<b>250.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	14.210.875.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	5.680.000.000	250.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>608.709.473</b>	<b>176.304.773</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	608.709.473	176.304.773
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>569.652.565.818</b>	<b>369.357.672.614</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>306.521.799.772</b>	<b>258.004.604.791</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		304.519.199.549	253.283.892.343
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	119.952.560.503	94.656.708.116
2. Phải trả người bán	312	V.18	53.666.172.152	60.749.837.151
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	3.488.744.801	4.867.800.264
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	19.153.804.710	9.215.340.479
5. Phải trả người lao động	315		4.549.501.248	4.766.486.218
6. Chi phí phải trả	316	V.21	17.002.610.933	15.814.365.792
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	86.705.805.202	63.213.354.323
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.002.600.223	4.720.712.448
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	8.679.459
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	1.605.474.539	4.448.369.998
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24	397.125.684	263.662.991
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>263.130.766.046</b>	<b>111.353.067.823</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	256.588.169.282	107.623.015.692
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.579.026.190	37.613.872.600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.509.143.092	16.509.143.092
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.500.000.000	3.500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		-	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.542.596.764	3.730.052.131
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.26	6.542.596.764	3.730.052.131
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>569.652.565.818</b>	<b>369.357.672.614</b>

Người lập biểu

*Tôn Thiện Toàn*

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

*Cao Văn Hòa*

Cao Văn Hòa



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	547.391.376.997	329.958.028.080
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	166.032.000	24.137.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	547.225.344.997	329.933.891.080
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	474.027.838.548	284.938.166.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		73.197.506.449	44.995.724.606
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.298.166.218	10.085.027.885
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.638.014.390	9.136.135.934
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.555.260.113	8.702.762.842
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.535.142.617	10.935.568.981
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	21.627.996.602	11.907.462.803
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.694.519.058	23.101.584.773
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.631.771.927	1.467.143.358
12. Chi phí khác	32	VI.8	3.577.028.328	1.321.788.517
13. Lợi nhuận khác	40		54.743.599	145.354.841
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.749.262.657	23.246.939.614
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.20	4.356.996.079	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.392.266.578	23.246.939.614
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.037	6.304

Người lập biểu

*RT*

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Cao Văn Hòa

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2008



Nguyễn Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.749.262.657	23.246.939.614
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.890.786.035	4.880.412.862
- Các khoản dự phòng	03		(2.087.990.554)	2.225.241.003
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.780.004.646)	(10.035.027.885)
- Chi phí lãi vay	06		16.555.260.113	8.604.219.103
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46.327.313.605	28.921.784.697
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(101.032.944.764)	(73.491.696.514)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56.730.235.588)	(45.019.756.667)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		45.338.442.412	50.247.726.237
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(395.782.448)	(159.835.960)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(16.245.169.526)	(8.604.219.103)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		21.320.590.424	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(25.382.387.204)	(10.374.431.368)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(86.800.173.089)</b>	<b>(58.480.428.678)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(46.693.041.488)	(23.125.376.954)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		16.210.710	100.192.980
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.719.671.105)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.385.000.000	3.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(19.640.875.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.914.528.636	10.035.027.885
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65.737.848.247)</b>	<b>(9.490.156.089)</b>

300  
NHÀ  
T  
T  
H  
H  
M

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	VII.1	137.177.500.000		52.613.872.600	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		313.111.836.869		148.000.558.554	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(290.685.479.941)		(110.957.685.826)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.438.840.000)		(1.369.760.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>151.165.016.928</i>		<i>88.286.985.328</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.373.004.408)		20.316.400.561	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.298.722.529		10.982.321.968	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	29.925.718.121		31.298.722.529	

Người lập biểu

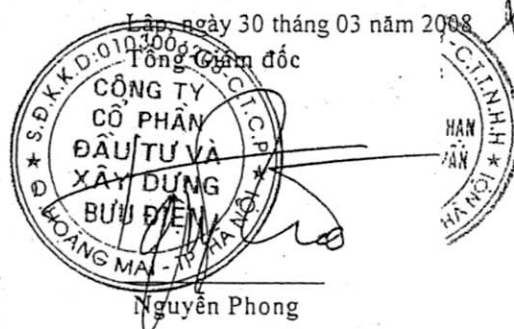


Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng



Cao Văn Hòa



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2007

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Đầu tư - xây dựng - sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh :
  - Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
  - Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
  - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
  - Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng; Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten;
  - Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu; đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước; đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất; đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
  - Khảo sát công trình xây dựng;
  - Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
  - Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
  - Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
  - Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
  - Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là năm tài chính thứ 3 của Công ty Cổ phần.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Cơ sở lập báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.  
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- Hàng tồn kho**  
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.  
Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.  
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**  
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.  
Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

### 6. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số 5.

### 7. Tài sản cố định vô hình

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (49 năm).

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### 10. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### 12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

#### 13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là Công ty chuyển đổi sở hữu từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần. Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước, cụ thể: Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005 và năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo (năm 2007, năm 2008 và năm 2009).

Công ty thực hiện đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 25 tháng 12 năm 2006. Theo công văn số 2861/TCT-CS ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Tổng Cục Thuế thì Công ty sẽ tiếp tục được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 2 năm tiếp theo kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế TNDN (năm 2006). Tổng hợp lại, Công ty được miễn thuế TNDN hai năm (năm 2007, năm 2008) do vừa được giảm 50% thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN, vừa được giảm 50% thuế TNDN do có chứng khoán niêm yết lần đầu và giảm 50% thuế TNDN năm trong 2009.

#### 16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2007 : 16.114 VND/USD

31/12/2006 : 16.101 VND/USD

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm: doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. Đối với hoạt động xây lắp, doanh thu được ghi nhận khi khối lượng công việc hoặc hạng mục công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

Khi cung cấp dịch vụ: doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh VIII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.513.613.858	558.419.105
Tiền gửi ngân hàng	27.412.104.263	30.740.303.424
<b>Cộng</b>	<b><u>29.925.718.121</u></b>	<b><u>31.298.722.529</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu Công ty Cổ phần In Bưu điện (20.000 cổ phiếu, mệnh giá: 10.000/CP)	1.175.000.000	-
Cho vay ngắn hạn - Ông Nguyễn Huy Giang	1.194.671.105	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.369.671.105</u></b>	<b><u>-</u></b>

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng về sản phẩm công nghiệp	54.544.519.300	54.861.314.086
Phải thu khách hàng về sản phẩm xây lắp	174.212.755.231	109.885.791.511
Phải thu khách hàng về sản phẩm khác	38.015.709.073	12.304.529.832
<b>Cộng</b>	<b><u>266.772.983.604</u></b>	<b><u>177.051.635.429</u></b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Tư vấn Xây dựng tổng hợp	395.000.000	395.000.000
Mr Mao Cheng, Nguyễn Thị Minh Ngọc	2.000.000.000	-
Công ty Foshan Promising Trading	1.068.314.847	-
Ban Bồi thường GPMB Hà Tây	2.142.593.538	-
Công ty Tư vấn ĐT XD Kiến trúc	220.000.000	220.000.000
Nhà máy Kết cấu thép cơ khí Đông Anh	-	330.000.000
Đối tượng khác	710.338.599	705.666.179
<b>Cộng</b>	<b><u>6.536.246.984</u></b>	<b><u>1.650.666.179</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu cán bộ CNV	113.654.253	60.305.960
Thuế Thu nhập cá nhân phải thu	156.676.978	50.673.365
Lãi dự thu Ông Nguyễn Huy Giang vay Nguyễn Duy Bắc Việt	289.650.883	-
Nguyễn Duy Bắc Việt	1.351.171.153	1.200.004.020
Ban chỉ huy CT XLTT Bưu điện Hải Phòng	453.860.800	421.000.000
Ban Bồi thường GPMB Hà Tây	-	1.812.036.700
Nhà máy Nhựa Bưu điện	-	133.668.390
Công ty CP Trường Phú	4.108.439.340	-
Nguyễn Trường Thọ	330.000.000	-
Phải thu khác	1.451.024.304	1.108.991.017
<b>Cộng</b>	<b><u>8.254.477.711</u></b>	<b><u>4.786.679.452</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Là dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm</i>	(120.223.529)	-
<i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm</i>	(17.026.920)	-
<b>Cộng</b>	<b>(137.250.449)</b>	<b>-</b>

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	3.626.166.756	
Nguyên liệu, vật liệu	88.064.866.677	46.558.328.060
Công cụ, dụng cụ	20.628.642	25.386.163
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	32.796.987.215	17.590.504.952
Thành phẩm	13.292.801.090	13.097.409.604
Hàng hóa	54.860.978	2.825.200
Hàng gửi đi bán	4.000.392.126	7.852.013.917
<b>Cộng</b>	<b>141.856.703.484</b>	<b>85.126.467.896</b>

#### 8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	18.096.075	-
Thuế xuất nhập khẩu	17.234.357	3.483.673
<b>Cộng</b>	<b>35.330.432</b>	<b>3.483.673</b>

#### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	9.937.946.052	5.807.697.082
Thẻ chấp ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.167.420.538	2.246.563.138
<i>Ký quỹ tại ngân hàng TMCP Hàng Hải VN</i>	1.062.220.538	2.127.917.338
<i>Đặt cọc tiền thuê nhà</i>	42.000.000	42.000.000
<i>Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	63.200.000	76.645.800
<b>Cộng</b>	<b>11.105.366.590</b>	<b>8.054.260.220</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	17.257.934.120	30.353.903.468	7.840.664.226	1.451.664.906	56.904.166.720
Đầu tư xây dựng hoàn thành trong năm	10.186.516.624	26.981.644.694	1.260.264.520		38.428.425.838
Mua sắm trong năm		399.553.111	236.703.428	123.665.952	759.922.491
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		13.270.229.818			13.270.229.818
Giảm do thanh lý nhượng bán	(1.813.869.232)	(39.000.000)	(338.950.000)	(143.979.394)	(2.335.798.626)
Phân loại lại		(213.831.873)		213.831.873	
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.630.581.512</b>	<b>70.752.499.218</b>	<b>8.998.682.174</b>	<b>1.645.183.337</b>	<b>107.026.946.241</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	3.763.181.170	21.934.426.445	5.048.374.590	1.067.536.615	31.813.518.820
Khấu hao trong năm	840.491.111	3.484.804.958	1.129.309.379	159.052.089	5.613.657.537
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		1.480.222.710			1.480.222.710
Thanh lý nhượng bán	(1.644.939.608)	(39.000.000)	(338.950.000)	(127.174.318)	(2.150.063.926)
Phân loại lại	14	(93.618.360)	11.551.441	82.066.905	
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.958.732.687</b>	<b>26.766.835.753</b>	<b>5.850.285.410</b>	<b>1.181.481.291</b>	<b>36.757.335.141</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	13.494.752.950	8.419.477.023	2.792.289.636	384.128.291	25.090.647.900
<b>Số cuối năm</b>	<b>22.671.848.825</b>	<b>43.985.663.465</b>	<b>3.148.396.764</b>	<b>463.702.046</b>	<b>70.269.611.100</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 76.967.887.174 đồng và 54.739.931.171 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Hà Nội và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	13.270.229.818	1.337.712.014	14.607.941.832
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(13.270.229.818)		(13.270.229.818)
Số cuối năm		1.337.712.014	1.337.712.014
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.480.222.710	361.558.437	1.841.781.147
Khấu hao trong năm		241.853.988	241.853.988
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.480.222.710)		(1.480.222.710)
Số cuối năm		603.412.425	603.412.425
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	11.790.007.108	976.153.577	12.766.160.685
Số cuối năm		734.299.589	734.299.589

#### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là giá trị quyền sử dụng đất

Nguyên giá

Số đầu năm

Đầu tư mua sắm hoàn thành trong năm

21.925.980.000

Thanh lý, nhượng bán (\*)

(20.126.980.000)

Số cuối năm

1.799.000.000

Giá trị hao mòn

Số đầu năm

Khấu hao trong năm

35.274.510

Giảm khác

Số cuối năm

35.274.510

Giá trị còn lại

Số đầu năm

Số cuối năm

1.763.725.490

(\*) Tài sản cố định vô hình nhượng bán trong năm là giá trị quyền sử dụng đất 2 lô C2.1 và C1.2 tại Phường Hòa Thuận Đông, thành phố Đà Nẵng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
<i>Mua sắm TSCĐ vô hình</i>	<i>4.019.414.756</i>	<i>21.032.551.486</i>	<i>21.925.980.000</i>	<i>3.125.986.242</i>
Giá trị quyền sử dụng đất tại Cù Chi	1.799.000.000	-	1.799.000.000	-
Khu đất C1.2 và C2.1 tại Hòa Thuận Đông, Đà Nẵng	-	20.126.980.000	20.126.980.000	-
Giá trị quyền sử dụng đất tại TP Hồ Chí Minh	522.500.000	-	-	522.500.000
Giá trị quyền sử dụng đất tại C30 - Hồ Chí Minh	1.697.914.756	905.571.486	-	2.603.486.242
<i>Mua sắm, xây dựng TSCĐ hữu hình</i>	<i>20.067.969.669</i>	<i>24.900.567.511</i>	<i>38.428.425.838</i>	<i>6.540.111.342</i>
Mở rộng Nhà máy Nhựa	19.839.549.106	22.387.911.930	36.864.485.680	5.362.975.356
Sân tennis	-	1.177.135.986	-	1.177.135.986
Tài sản tại Nhà máy Vật liệu viễn thông 2	228.420.563	75.255.075	303.675.638	-
Mua xe ô tô	-	1.260.264.520	1.260.264.520	-
<b>Cộng</b>	<b>24.087.384.425</b>	<b>45.933.118.997</b>	<b>60.354.405.838</b>	<b>9.666.097.584</b>

**14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH sản xuất Cáp sợi quang VINA – LSC dưới hình thức mua lại phần vốn của Công ty TNHH Cáp (LSC)-LG Internation Corporation (LGI) – Hàn quốc trong Công ty liên doanh sản xuất Cáp Quang VINA-LSC và chuyển đổi hình thức thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên. Giá trị khoản đầu tư tại 31/12/2007 là: 14.210.875.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 10 tháng năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp cho Công ty TNHH sản xuất Cáp sợi quang VINA – LSC thì vốn điều lệ của Công ty là: 8.100.000 USD, vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã góp trong Công ty TNHH sản xuất Cáp sợi quang VINA – LSC là: 2.025.000 USD, chiếm 25% tương đương: 22.275.000.000 đồng.

**15. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Là khoản đầu tư góp vốn vào các Công ty:		
Công ty CP Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	4.930.000.000	
Công ty CP Thương mại & Du lịch Bưu điện Hà Tĩnh	500.000.000	
Công ty CP Tư vấn XD Bưu chính Viễn thông	250.000.000	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.680.000.000</b>	<b>250.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Chi phí trả trước dài hạn

Là giá trị công cụ dụng cụ:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	176.304.773	27.116.500
Tăng trong năm	845.111.959	344.099.747
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(412.707.259)	(194.911.474)
Số cuối năm	<u>608.709.473</u>	<u>176.304.773</u>

#### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng và các tổ chức tín dụng</i>	<i>109.867.961.230</i>	<i>86.534.994.689</i>
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Nội	46.139.386.037	41.607.550.336
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	15.894.464.383	29.713.440.676
Công ty Tài chính Bưu điện	2.832.127.049	15.214.003.677
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Nam Hà Nội	45.001.983.761	-
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	<i>8.867.006.202</i>	<i>6.000.487.467</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>-</i>
Công ty Tài chính Bưu điện	1.000.000.000	-
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	<i>217.593.071</i>	<i>2.121.225.960</i>
Công ty Cho thuê tài chính NH Công thương VN	140.636.000	2.121.225.960
Công ty Cho thuê tài chính NH ĐT & PT VN	76.957.071	-
Cộng	<u>119.952.560.503</u>	<u>94.656.708.116</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

	Số tiền vay		Tăng do kết chuyển	Số tiền vay đã	
	Số đầu năm	phát sinh trong năm		trả trong năm	Số cuối năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức tín dụng</i>	<i>86.534.994.689</i>	<i>301.979.769.534</i>		<i>278.646.802.993</i>	<i>109.867.961.230</i>
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hà Nội	41.607.550.336	89.369.425.316		84.837.589.615	46.139.386.037
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	29.713.440.676	103.883.806.346		117.702.782.639	15.894.464.383
Công ty Tài chính Bưu điện	15.214.003.677	25.999.313.269		38.381.189.897	2.832.127.049
Ngân hàng ĐT và PT Nam Hà Nội		82.727.224.603		37.725.240.842	45.001.983.761
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	<i>6.000.487.467</i>	<i>11.132.067.335</i>		<i>8.265.548.600</i>	<i>8.867.006.202</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (*)</i>			<i>1.000.000.000</i>		<i>1.000.000.000</i>
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả (*)</i>	<i>2.121.225.960</i>		<i>217.593.071</i>	<i>2.121.225.960</i>	<i>217.593.071</i>
Cộng	<u>94.656.708.116</u>	<u>313.111.836.869</u>	<u>1.217.593.071</u>	<u>289.033.577.553</u>	<u>119.952.560.503</u>

(\*) Xem thuyết minh số V.23

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán về sản phẩm công nghiệp	44.667.547.928	50.630.239.379
Phải trả người bán về sản phẩm xây lắp và dịch vụ khác	8.998.624.224	10.119.597.772
<b>Cộng</b>	<b><u>53.666.172.152</u></b>	<b><u>60.749.837.151</u></b>

**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả trước về sản phẩm công nghiệp	1.001.000	197.106.783
Người mua trả trước về sản phẩm xây lắp	3.158.829.748	4.670.693.481
Người mua trả trước về sản phẩm khác	328.914.053	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.488.744.801</u></b>	<b><u>4.867.800.264</u></b>

**20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.892.572.494	17.201.153.836	12.398.053.712	13.695.672.618
Thuế GTGT hàng NK	86.849.327	2.378.283.483	2.483.228.885	(18.096.075)
Thuế xuất, nhập khẩu	(3.483.673)	725.525.094	739.275.778	(17.234.357)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.356.996.079	-	4.356.996.079
Thuế nhà đất		235.173.260	235.173.260	
Các loại thuế khác	235.918.658	349.260.256	301.333.333	283.845.581
Thuế chuyển quyền sử dụng đất		986.270.432	168.980.000	817.290.432
<b>Cộng (*)</b>	<b><u>9.211.856.806</u></b>	<b><u>26.232.662.440</u></b>	<b><u>16.326.044.968</u></b>	<b><u>19.118.474.278</u></b>

(\*) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cụ thể như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số phải nộp	19.153.804.710	9.215.340.479
Số nộp thừa (**)	(35.330.432)	(3.483.673)
<b>Cộng</b>	<b><u>19.118.474.278</u></b>	<b><u>9.211.856.806</u></b>

(\*\*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp	10%
Hoạt động xây lắp ký hợp đồng trước 1/1/2004	5%
Sản phẩm công nghiệp: ống nhựa, cáp	10%
Giải phóng mặt bằng	không chịu thuế

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Thuế thu nhập doanh nghiệp* (xem thuyết minh số IV.15)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.749.262.657	23.246.939.614
<i>Trong đó:</i>		
- Lợi nhuận kế toán của hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất	13.042.060.954	
- Lợi nhuận kế toán của hoạt động khác	15.707.201.703	
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Tổng thu nhập chịu thuế	28.749.262.657	23.246.939.614
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất (*)	13.042.060.954	
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	15.707.201.703	23.246.939.614
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</i>	<i>8.755.012.556</i>	<i>6.509.143.092</i>
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế TNDN của hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất (*)	4.356.996.079	-
- Thuế TNDN của hoạt động khác	4.398.016.477	6.509.143.092
Thuế TNDN của hoạt động khác được miễn	(4.398.016.477)	(6.509.143.092)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>4.356.996.079</u></b>	<b><u>-</u></b>

(\*) Thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất được xác định như sau:

1/ Tổng doanh thu bao gồm doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ và doanh thu tài chính	550.689.543.215
<i>Trong đó:</i>	
a/ Doanh thu chuyên nhượng quyền sử dụng đất	36.486.180.000
b/ Doanh thu các hoạt động khác	514.203.363.215
2/ Chi phí lãi vay	16.555.260.113
3/ Chi phí quản lý DN	21.627.996.602
4/ Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay và chi phí quản lý (= 1a/1)	6,63%
5/ Chi phí lãi vay phân bổ cho hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất (=2x4)	1.096.876.104
6/ Chi phí quản lý phân bổ cho hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất (=3x4)	1.432.972.510
7/ Giá vốn của hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất	20.914.270.432
8/ Tổng chi phí giá trị quyền sử dụng đất (=5+6+7)	23.444.119.046
9/ Thu nhập chịu thuế hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất (=1a-8)	13.042.060.954
10/ Thuế thu nhập chuyên nhượng quyền sử dụng đất (thuế suất 28%)	3.651.777.067
11/ Thuế thu nhập chuyên nhượng quyền sử dụng đất bổ sung (theo biểu lũy tiến)	705.219.012
12/ Tổng thuế thu nhập hoạt động chuyên nhượng quyền sử dụng đất (=10+11)	<u>4.356.996.079</u>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vật tư, nhân công các công trình	16.457.920.346	15.580.175.602
Chi phí lãi vay	310.090.587	-
Chi phí vận chuyển	234.600.000	234.190.190
<b>Cộng</b>	<b><u>17.002.610.933</u></b>	<b><u>15.814.365.792</u></b>

## 22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	293.949.786	
Bảo hiểm xã hội	34.735.120	9.240.630
Bảo hiểm y tế		18.672.085
Kinh phí công đoàn	269.922.690	152.265.460
Phải trả về cổ phần hoá	51.520.000	564.271.703
Cổ tức phải trả	9.061.160.000	7.500.000.000
Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.252.628.405	11.607.628.406
Ban chỉ huy CT XL TT Bưu điện Hải Phòng	2.033.737.774	3.481.448.799
Công ty CP Công nghệ cáp quang và Thiết bị Bưu điện	4.900.000.000	
Các khoản khác (*)	63.808.151.427	39.879.827.240
<b>Cộng</b>	<b><u>86.705.805.202</u></b>	<b><u>63.213.354.323</u></b>

(\*) Các khoản khác chủ yếu là phải trả cho các chủ nhiệm công trình về tiền mua vật tư.

## 23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>4.000.000.000</i>
Công ty Tài chính Bưu điện	1.500.000.000	4.000.000.000
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>105.474.539</i>	<i>448.369.998</i>
Công ty Cho thuê tài chính NH Công thương VN	105.474.539	232.810.539
Công ty Cho thuê tài chính NH ĐT& PT VN		215.559.459
<b>Cộng</b>	<b><u>1.605.474.539</u></b>	<b><u>4.448.369.998</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số tiền	Số tiền	Số tiền	Số tiền
	Số đầu năm	vay trong năm	đã trả trong năm	Số kết chuyển
				Số cuối năm
<i>Vay dài hạn</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
Công ty Tài chính Bưu điện	4.000.000.000	-	1.500.000.000	1.000.000.000
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>448.369.998</i>	<i>-</i>	<i>151.902.388</i>	<i>217.593.071</i>
Công ty Cho thuê tài chính NH CT VN	232.810.539	-		127.336.000
Công ty Cho thuê tài chính NH ĐT & PT VN	215.559.459	-	151.902.388	90.257.071
<b>Cộng</b>	<b>4.448.369.998</b>	<b>-</b>	<b>1.651.902.388</b>	<b>1.217.593.071</b>

#### 24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm -	263.662.991
Số trích lập trong năm	199.278.744
Số chi trong năm	(65.816.051)
Số cuối năm	<u>397.125.684</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**25. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số đầu năm trước	35.000.000.000	-	6.000.000.000	1.500.000.000	-	42.500.000.000
Tăng vốn trong năm trước	15.000.000.000	38.757.720.000	-	-	-	53.757.720.000
Lợi nhuận tăng năm trước	-	-	-	-	23.246.939.614	23.246.939.614
Thuế TNDN được miễn tăng quỹ	-	-	6.509.143.092	-	(6.509.143.092)	-
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	4.000.000.000	2.000.000.000	(6.000.000.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	(1.143.847.400)	-	-	-	(1.143.847.400)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.237.796.522)	(3.237.796.522)
Cổ tức năm trước	-	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>37.613.872.600</b>	<b>16.509.143.092</b>	<b>3.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>107.623.015.692</b>
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	37.613.872.600	16.509.143.092	3.500.000.000	-	107.623.015.692
Tăng vốn trong năm nay	50.000.000.000	92.532.500.000	-	-	-	142.532.500.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	24.392.266.578	24.392.266.578
Thuế TNDN được miễn giảm tăng quỹ	-	-	4.398.016.477	-	(4.398.016.477)	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2.601.983.523	1.000.000.000	(3.601.983.523)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	(1.567.346.410)	-	-	-	(1.567.346.410)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.392.266.578)	(6.392.266.578)
Cổ tức năm nay	-	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>128.579.026.190</b>	<b>23.509.143.092</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>256.588.169.282</b>

Phương án phân phối lợi nhuận năm nay đã được Đại hội đồng cổ đông lần 5 của Công ty tổ chức ngày 28 tháng 03 năm 2008 thông qua.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	30.000.000.000	17.850.000.000
Vốn góp của các cổ đông	70.000.000.000	33.215.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	128.579.026.190	37.613.872.600
Cộng	<u>-228.579.026.190</u>	<u>87.613.872.600</u>

#### Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm: 8.438.840.000

Sau ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị đã công bố cổ tức như sau:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 16%

Trong đó:

*Cổ tức đã tạm ứng 3 quý đầu năm 2007: 6.000.000.000 VND tương ứng tỷ lệ 12%*

*Cổ tức còn phải trả quý 4 năm 2007: 4.000.000.000 VND tương ứng tỷ lệ 4%*

Cổ tức còn phải trả đã được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong Báo cáo tài chính năm 2007.

#### Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	10.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.730.052.131	6.362.896.578	3.579.721.945	6.513.226.764
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	29.370.000	-	29.370.000
Cộng	<u>3.730.052.131</u>	<u>6.392.266.578</u>	<u>3.579.721.945</u>	<u>6.542.596.764</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	547.391.376.997	329.958.028.080
Doanh thu bán thành phẩm	-298.152.182.664	184.043.673.360
Doanh thu hợp đồng xây dựng	212.639.501.944	145.734.739.320
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	36.486.180.000	-
Doanh thu bán hàng hóa	113.512.389	179.615.400
Các khoản giảm trừ doanh thu:	166.032.000	24.137.000
Hàng bán bị trả lại	166.032.000	24.137.000
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>547.225.344.997</b>	<b>329.933.891.080</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	297.986.150.664	184.019.536.360
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	212.639.501.944	145.734.739.320
Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất	36.486.180.000	-
Doanh thu bán hàng hóa	113.512.389	179.615.400

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	269.594.137.656	159.778.006.991
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	183.486.078.145	125.014.621.583
Giá vốn chuyển quyền sử dụng đất	20.914.270.432	-
Giá vốn của hàng hóa	33.352.315	145.537.900
<b>Cộng</b>	<b>474.027.838.548</b>	<b>284.938.166.474</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.877.028.636	610.027.885
Cổ tức, lợi nhuận được chia	37.500.000	50.000.000
Lãi bán cổ phần Công ty Cổ phần Cáp Quang	1.035.000.000	-
Lãi bán cổ phần Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	9.425.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	339.148.937	-
Doanh thu tài chính khác	9.488.645	-
<b>Cộng</b>	<b>3.298.166.218</b>	<b>10.085.027.885</b>

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.555.260.113	8.702.762.842
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.113.911	232.809.814
Chi phí tài chính khác	47.640.366	200.563.278
<b>Cộng</b>	<b>16.638.014.390</b>	<b>9.136.135.934</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007  
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.309.642.511	2.211.843.881
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	667.890.216	205.450.565
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.637.286	121.591.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.927.231.856	6.309.904.652
Chi phí bằng tiền khác	1.534.740.748	2.086.778.483
<b>Cộng</b>	<b><u>9.535.142.617</u></b>	<b><u>10.935.568.981</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.434.554.374	6.593.957.778
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	655.083.895	465.434.998
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	453.882.649	426.054.187
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.539.526.183	810.195.634
Thuế, phí, lệ-phí	410.720.999	375.420.624
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	137.250.449	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.138.570.560	348.118.754
Chi phí bằng tiền khác	5.858.407.493	2.888.280.828
<b>Cộng</b>	<b><u>21.627.996.602</u></b>	<b><u>11.907.462.803</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản, bán phế liệu các loại	3.445.956.424	1.325.642.700
Công nợ không phải trả	138.311.602	-
Thu nhập khác	47.503.901	141.500.658
<b>Cộng</b>	<b><u>3.631.771.927</u></b>	<b><u>1.467.143.358</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ	185.734.700	-
Chi phí bán phế liệu, cấp không đạt tiêu chuẩn	3.201.878.989	1.306.395.017
Chi phí khác	189.414.639	15.393.500
<b>Cộng</b>	<b><u>3.577.028.328</u></b>	<b><u>1.321.788.517</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	24.392.266.578	23.246.939.614
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.392.266.578	23.246.939.614
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.041.667	3.687.500
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>4.037</u></b>	<b><u>6.304</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN đã bao gồm thuế TNDN được miễn (xem thuyết minh số V.20)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	3.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	1.041.667	187.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>6.041.667</u>	<u>3.687.500</u>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã nhận góp vốn điều lệ từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông bằng khoản nợ phải trả trị giá 5.355.000.000 VND.

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 30%)
Công ty TNHH sản xuất cáp sợi quang VINA – LSC	Công ty liên kết (tỷ lệ sở hữu 25%)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>	
Chuyển nợ phải trả thành vốn góp	5.355.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>		
Phải trả về cổ phần hóa	51.520.000	564.271.703
Nợ phải trả	6.252.628.405	11.607.628.406
Cộng nợ phải trả	<u>6.304.148.405</u>	<u>12.171.900.108</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	81,93	83,11
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	18,07	16,89
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	53,81	69,85
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	46,19	30,15
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,86	1,43
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,53	1,21
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,10	0,12
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	5,19	6,81
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,40	6,81
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	5,05	6,29
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	4,28	6,29
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	9,51	21,60

### 3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội.

Người lập biểu

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

Cao Văn Hòa

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2008



Nguyễn Phong

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý I năm 2008

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng bưu điện là công ty được cổ phần hóa từ một DNNN theo Quyết định số 31 ngày 9 tháng 7 năm 2004 của Bộ Bưu chính viễn thông

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/11/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đ

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình Bưu chính Viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hoà và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin Bưu chính Viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hoá chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội ngoại thất (Trừ hoá chất nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng./.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty tuân thủ đúng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ

#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

##### *Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. TSCĐ thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:*

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư (nếu có)

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:* Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

*Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:* các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

*Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:* các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:*

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư XD CB hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

### *Ghi nhận chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản*

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

*Doanh thu bán hàng:* được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu hoạt động tài chính:* Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng:* (chỉ áp dụng đối với đơn vị là nhà thầu xây lắp)

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định *theo phương pháp đánh giá nghiệm thu phần công việc đã hoàn thành.*



12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính
13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái (nếu có)

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

Sang quý 1/2008, giá cả nguyên vật liệu vẫn tiếp tục tăng trong khi giá bán sản phẩm không tăng, thậm chí còn giảm do cạnh tranh ngày càng khốc liệt nên lợi nhuận quý 1/2008 giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

Theo nghị quyết của HĐQT, Công ty có kế hoạch mua lại 500.000 cổ phiếu của Công ty (cổ phiếu quỹ). Đến 31/03/2008, Công ty thực hiện mua được 229.400 cổ phần, trị giá 8.618.186.437 đ

Lập, ngày 15 tháng 04 năm 2008

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Cao Văn Hòa

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Phong

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> ( 100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 )	<b>100</b>		<b>402.985.168.951</b>	<b>466.719.247.582</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.380.529.824</b>	<b>29.925.718.121</b>
1. Tiền	111	V.01	27.380.529.824	29.925.718.121
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>2.399.671.105</b>	<b>2.369.671.105</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.399.671.105	2.369.671.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>253.957.483.728</b>	<b>281.426.457.850</b>
1. Phải thu khách hàng	131		238.714.741.517	266.772.983.604
2. Trả trước cho người bán	132		12.105.203.974	6.536.246.984
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.274.788.686	8.254.477.711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(137.250.449)	(137.250.449)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>103.396.271.923</b>	<b>141.856.703.484</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	103.422.039.752	141.856.703.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.767.829)	
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.851.212.371</b>	<b>11.140.697.022</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.686.046.570	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	35.330.432	35.330.432
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.129.835.369	11.105.366.590
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> ( 200 = 210 + 220 + 240+250+260 )	<b>200</b>		<b>103.083.785.751</b>	<b>102.933.318.236</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			

<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>82.760.668.114</b>	<b>82.433.733.763</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	68.955.456.192	70.269.611.100
- Nguyên giá	222		107.101.976.435	107.026.946.241
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.146.520.243)	(36.757.335.141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	673.838.183	734.299.589
- Nguyên giá	225		1.337.712.014	1.337.712.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(663.873.831)	(603.412.425)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.754.696.180	1.763.725.490
- Nguyên giá	228		1.799.000.000	1.799.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(44.303.820)	(35.274.510)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	11.376.677.559	9.666.097.584
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.890.875.000</b>	<b>19.890.875.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.210.875.000	14.210.875.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	5.680.000.000	5.680.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>432.242.637</b>	<b>608.709.473</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	432.242.637	608.709.473
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>506.068.954.702</b>	<b>569.652.565.818</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>255.068.861.711</b>	<b>306.521.799.772</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>253.139.132.600</b>	<b>304.519.199.549</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	114.772.364.538	119.952.560.503
2. Phải trả người bán	312		36.864.682.768	53.666.172.152
3. Người mua trả tiền trước	313		2.250.643.853	3.488.744.801
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	17.683.740.237	19.153.804.710
5. Phải trả người lao động	315		1.467.396.942	4.549.501.248
6. Chi phí phải trả	316	V.17	10.735.660.012	17.002.610.933
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KHHD xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	69.364.644.250	86.705.805.202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.929.729.111</b>	<b>2.002.600.223</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.605.474.539	1.605.474.539

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		324.254.572	397.125.684
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>251.000.092.991</b>	<b>263.130.766.046</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>248.123.822.332</b>	<b>256.588.169.282</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.579.026.190	128.579.026.190
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(8.618.186.437)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.509.143.092	23.509.143.092
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.177.332.096	4.500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		476.507.391	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.876.270.659</b>	<b>6.542.596.764</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.876.270.659	6.542.596.764
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>506.068.954.702</b>	<b>569.652.565.818</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		2.357.150.394	2.357.150.394
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập biểu

*R*

Kế toán trưởng

*I*

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2008

Giám đốc



NGUYỄN PHONG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý I năm 2008**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2008		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	121.640.398.096	89.719.473.598	121.640.398.096	89.719.473.598
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		161.600.000	28.233.000	161.600.000	28.233.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02)	10		121.478.798.096	89.691.240.598	121.478.798.096	89.691.240.598
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	116.308.768.031	74.123.373.433	116.308.768.031	74.123.373.433
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.170.030.065	15.567.867.165	5.170.030.065	15.567.867.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	508.911.537	272.060.887	508.911.537	272.060.887
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1.647.546.801	3.531.820.852	1.647.546.801	3.531.820.852
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.538.615.915	3.531.820.852	1.538.615.915	3.531.820.852
8. Chi phí bán hàng	24		1.268.056.424	2.737.557.310	1.268.056.424	2.737.557.310
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.288.391.147	3.978.360.490	2.288.391.147	3.978.360.490
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		474.947.230	5.592.189.400	474.947.230	5.592.189.400
11. Thu nhập khác	31		727.852.102	57.393.593	727.852.102	57.393.593
12. Chi phí khác	32		726.291.941	6.104.545	726.291.941	6.104.545
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.560.161	51.289.048	1.560.161	51.289.048
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		476.507.391	5.643.478.448	476.507.391	5.643.478.448
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		790.086.983		790.086.983
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2008		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50 - 51 - 52)	60		476.507.391	4.853.391.465	476.507.391	4.853.391.465
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		49	971	49	971

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Lập ngày 15 tháng 04 năm 2008

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN PHONG

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2008

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng bưu điện là công ty được cổ phần hóa từ một DNNN theo Quyết định số 31 ngày 9 tháng 7 năm 2004 của Bộ Bưu chính viễn thông

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/11/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đ

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình Bưu chính Viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hoà và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin Bưu chính Viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hoá chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội ngoại thất (Trừ hoá chất nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng./.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

*1. Kỳ kế toán năm* của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

*2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

*1. Chế độ kế toán áp dụng:*

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

*2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:*

Công ty tuân thủ đúng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

*3. Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức *Chứng từ ghi sổ*



#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:** tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

*Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán*

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

*Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:* Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. TSCĐ thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **Phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính:**

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư (nếu có)**

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:** Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:** các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

**Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:** các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư XDCB hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

### *Ghi nhận chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản*

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng:** (chỉ áp dụng đối với đơn vị là nhà thầu xây lắp)

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá nghiệm thu phần công việc đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái (nếu có)

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

Trước tình hình lạm phát tăng cao, lãi vay ngân hàng, giá cả thị trường biến động, mặc dù Công ty đã nỗ lực tìm các biện pháp giải quyết khó khăn, lợi nhuận quý II/2008 đã tăng so với quý I/2008 song vẫn giảm nhiều so với cùng kỳ năm ngoái.

Thực hiện nghị quyết của HĐQT về việc mua lại 500.000 cổ phần của Công ty (cổ phiếu quỹ), đến quý II/2008 Công ty đã mua xong 500.000 cổ phần, trị giá 15.898.799.190 đồng.

Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2008

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Thau

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Nguyễn Phong

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> ( 100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 )	<b>100</b>		<b>318.479.934.465</b>	<b>466.719.247.582</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>32.585.596.750</b>	<b>29.925.718.121</b>
1. Tiền	111	V.01	32.585.596.750	29.925.718.121
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>2.399.671.105</b>	<b>2.369.671.105</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.399.671.105	2.369.671.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>199.423.692.606</b>	<b>281.426.457.850</b>
1. Phải thu khách hàng	131		183.870.612.309	266.772.983.604
2. Trả trước cho người bán	132		12.170.829.378	6.536.246.984
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.519.501.368	8.254.477.711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(137.250.449)	(137.250.449)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>67.983.020.624</b>	<b>141.856.703.484</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	68.008.788.453	141.856.703.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.767.829)	
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.087.953.380</b>	<b>11.140.697.022</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.308.583.931	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	35.330.432	35.330.432
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.744.039.017	11.105.366.590
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> ( 200 = 210 + 220 + 240+250+260 )	<b>200</b>		<b>105.575.598.074</b>	<b>102.933.318.236</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		

5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>85.345.637.075</b>	<b>82.433.733.763</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	68.340.363.892	70.269.611.100
- Nguyên giá	222		108.962.868.112	107.026.946.241
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.622.504.220)	(36.757.335.141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	217.372.829	734.299.589
- Nguyên giá	225		567.059.545	1.337.712.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(349.686.716)	(603.412.425)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.868.666.870	1.763.725.490
- Nguyên giá	228		1.922.000.000	1.799.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.333.130)	(35.274.510)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	14.919.233.484	9.666.097.584
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.890.875.000</b>	<b>19.890.875.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.210.875.000	14.210.875.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	5.680.000.000	5.680.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>339.085.999</b>	<b>608.709.473</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	339.085.999	608.709.473
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>424.055.532.539</b>	<b>569.652.565.818</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>179.635.041.455</b>	<b>306.521.799.772</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>177.833.831.359</b>	<b>304.519.199.549</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	63.883.092.842	119.952.560.503
2. Phải trả người bán	312		20.557.102.939	53.666.172.152
3. Người mua trả tiền trước	313		3.110.937.123	3.488.744.801
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	14.053.157.338	19.153.804.710
5. Phải trả người lao động	315		1.801.982.111	4.549.501.248
6. Chi phí phải trả	316	V.17	15.165.501.348	17.002.610.933
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KHHĐ xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	59.262.057.658	86.705.805.202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.801.210.096</b>	<b>2.002.600.223</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		

3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.500.000.000	1.605.474.539
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		301.210.096	397.125.684
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>		<b>244.420.491.084</b>	<b>263.130.766.046</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>242.072.888.274</b>	<b>256.588.169.282</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.579.026.190	128.579.026.190
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.898.799.190)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.509.143.092	23.509.143.092
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.308.612.981	4.500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.574.905.201	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>2.347.602.810</b>	<b>6.542.596.764</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.347.602.810	6.542.596.764
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>424.055.532.539</b>	<b>569.652.565.818</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		2.357.150.394	2.357.150.394
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà nội, ngày 15 tháng 07 năm 2008

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN PHONG

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý II năm 2008**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2008		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	93.043.313.001	118.327.970.161	214.683.711.097	208.035.422.259
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-		14.040.000	161.600.000	42.273.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02)	10		93.043.313.001	118.313.930.161	214.522.111.097	207.993.149.259
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	84.435.369.359	102.756.178.717	200.744.137.390	176.867.530.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.607.943.642	15.557.751.444	13.777.973.707	31.125.618.609
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.917.869.153	1.488.705.684	2.426.780.690	1.760.766.571
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.615.820.767	2.814.046.567	6.263.367.568	6.345.867.419
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.317.638.662	2.814.046.567	5.856.254.577	6.345.867.419
8. Chi phí bán hàng	24		710.998.113	2.206.445.800	1.979.054.537	4.944.003.110
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.143.505.601	4.983.651.171	6.431.896.748	8.962.011.661
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		1.055.488.314	7.042.313.590	1.530.435.544	12.634.502.990
11. Thu nhập khác	31		929.833.187	163.296.925	1.657.685.289	220.690.518
12. Chi phí khác	32		873.922.449	175.802.002	1.600.214.390	181.906.547
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		55.910.738	-12.505.077	57.470.899	38.783.971
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.111.399.052	7.029.808.513	1.587.906.443	12.673.286.961
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		-790.086.983		



Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2008		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50 - 51 - 52)	60		1.111.399.052	7.819.895.496	1.587.906.443	12.673.286.961
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		117	1.564	167	2.535

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)



Lập ngày 15 tháng 07 năm 2008

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



NGUYỄN PHONG

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm 2008

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng bưu điện là công ty được cổ phần hóa từ một DNNN theo Quyết định số 31 ngày 9 tháng 7 năm 2004 của Bộ Bưu chính viễn thông

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 12/11/2007.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đ

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại

### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình Bưu chính Viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hoà và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin Bưu chính Viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hoá chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội ngoại thất (Trừ hoá chất nhà nước cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng./.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán năm** của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Công ty tuân thủ đúng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**3. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức *Chứng từ ghi sổ*

#### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:** tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. TSCĐ thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **Phương pháp khấu hao TSCĐ thuế tài chính:**

TSCĐ thuế tài chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Đối với TSCĐ thuế tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư (nếu có)**

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:** Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:** các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

**Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác:** các khoản đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

#### **Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư XDDB hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể

## 7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

### *Ghi nhận chi phí trả trước*

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

## 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

## 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu*

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản*

*Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá*

*Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối*

## 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Doanh thu hợp đồng xây dựng:** (chỉ áp dụng đối với đơn vị là nhà thầu xây lắp)

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá nghiệm thu phần công việc đã hoàn thành.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính
13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái (nếu có)

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

Quý 3/2008 tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, thách thức lớn nhất trong năm là thời điểm chính sách thắt chặt tiền tệ nên lãi vay vốn ngân hàng quá cao. Ảnh hưởng rất nhiều tới sản xuất đồng thời giá vật tư, giá nguyên liệu tăng đột biến mức độ tăng từ 30% đến 40%, các dự án, các hợp đồng ký trước đây nay thì công cầm chừng để làm điều chỉnh giá, có nhiều hợp đồng công nghiệp phải trả hàng trong quý 3/2008 theo giá cũ nên kinh doanh không hiệu quả.

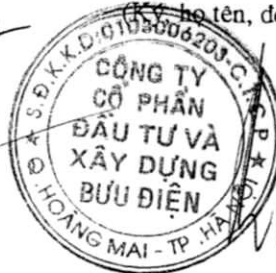
Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2008

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)





Trần Thị Thu Hoà

Phạm Thị Thau

Nguyễn Duy Bắc Việt



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> ( 100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 )	<b>100</b>		<b>312.594.821.096</b>	<b>466.719.247.582</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>28.923.047.563</b>	<b>29.925.718.121</b>
1. Tiền	111	V.01	28.923.047.563	29.925.718.121
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>2.399.671.105</b>	<b>2.369.671.105</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.399.671.105	2.369.671.105
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>187.386.838.531</b>	<b>281.426.457.850</b>
1. Phải thu khách hàng	131		170.586.850.547	266.772.983.604
2. Trả trước cho người bán	132		13.764.919.734	6.536.246.984
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ KHHĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.172.318.699	8.254.477.711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(137.250.449)	(137.250.449)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>71.124.156.765</b>	<b>141.856.703.484</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	71.149.924.594	141.856.703.484
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(25.767.829)	
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.761.107.132</b>	<b>11.140.697.022</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.529.466.225	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.578.457	
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05	35.330.432	35.330.432
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		17.174.732.018	11.105.366.590
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b> ( 200 = 210 + 220 + 240+250+260 )	<b>200</b>		<b>104.710.967.188</b>	<b>102.933.318.236</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			





<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>84.383.805.963</b>	<b>82.433.733.763</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	67.052.699.397	70.269.611.100
- Nguyên giá	222		110.190.524.792	107.026.946.241
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.137.825.395)	(36.757.335.141)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	189.019.850	734.299.589
- Nguyên giá	225		567.059.545	1.337.712.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(378.039.695)	(603.412.425)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.895.950.060	1.763.725.490
- Nguyên giá	228		1.966.000.000	1.799.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(70.049.940)	(35.274.510)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	15.246.136.656	9.666.097.584
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>19.890.875.000</b>	<b>19.890.875.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.210.875.000	14.210.875.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	5.680.000.000	5.680.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>436.286.225</b>	<b>608.709.473</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	436.286.225	608.709.473
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>417.305.788.284</b>	<b>569.652.565.818</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>300</b>		<b>173.332.221.354</b>	<b>306.521.799.772</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>171.603.016.533</b>	<b>304.519.199.549</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	46.239.431.559	119.952.560.503
2. Phải trả người bán	312		25.154.705.744	53.666.172.152
3. Người mua trả tiền trước	313		5.094.208.540	3.488.744.801
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	16.287.584.592	19.153.804.710
5. Phải trả người lao động	315		1.894.066.513	4.549.501.248
6. Chi phí phải trả	316	V.17	19.395.922.240	17.002.610.933
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ KHHD xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	57.537.097.345	86.705.805.202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.729.204.821</b>	<b>2.002.600.223</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	1.500.000.000	1.605.474.539

0620  
 TỶ  
 HÂN  
 TƯ V  
 DỰN  
 ĐIỆN  
 AI - TP

5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		229.204.821	397.125.684
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>243.973.566.930</b>	<b>263.130.766.046</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>242.113.204.466</b>	<b>256.588.169.282</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128.579.026.190	128.579.026.190
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.898.799.190)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		23.509.143.092	23.509.143.092
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.027.991.542	4.500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.895.842.832	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.860.362.464</b>	<b>6.542.596.764</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.860.362.464	6.542.596.764
2. Nguồn kinh phí	432	V.23		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>417.305.788.284</b>	<b>569.652.565.818</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		2.357.150.394	2.357.150.394
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2008

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

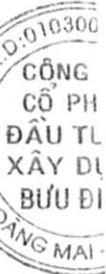


*[Handwritten signature]*  
Nguyễn Duy Bắc Việt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Quý III năm 2008**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2008		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	72.975.769.533	157.389.270.545	287.659.480.630	365.424.692.804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.840.000	123.759.000	177.440.000	166.032.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02)	10		72.959.929.533	157.265.511.545	287.482.040.630	365.258.660.804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	66.247.878.536	140.334.345.819	266.992.015.926	317.201.876.469
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.712.050.997	16.931.165.726	20.490.024.704	48.056.784.335
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2.216.555.585	81.420.680	4.643.336.275	1.842.187.251
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	2.308.929.693	4.061.388.149	8.572.297.261	10.407.255.568
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.308.929.693	4.061.388.149	8.165.184.270	10.407.255.568
8. Chi phí bán hàng	24		662.333.925	1.886.152.666	2.641.388.462	6.830.155.776
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.526.026.294	4.597.386.612	10.957.923.042	13.559.398.273
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		1.431.316.670	6.467.658.979	2.961.752.214	19.102.161.969
11. Thu nhập khác	31		2.486.178.880	1.528.854.209	4.143.864.169	1.749.544.727
12. Chi phí khác	32		3.587.492.349	1.545.421.074	5.187.706.739	1.727.327.621
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-1.101.313.469	-16.566.865	-1.043.842.570	22.217.106
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		330.003.201	6.451.092.114	1.917.909.644	19.124.379.075
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2008		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50 - 51 - 52)	60		330.003.201	6.451.092.114	1.917.909.644	19.124.379.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		35	1.290	202	3.825

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

*[Handwritten signature]*

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

*[Handwritten signature]*

Lập ngày 15 tháng 10 năm 2008

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



*Nguyễn Duy Bắc Việt*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý III năm 2008

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		11.608.193.742	394.750.690.324
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(25.376.195.159)	(304.545.664.925)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.320.340.965)	(13.606.927.638)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.271.721.886)	(11.952.799.079)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		99.038.732.854	86.764.459.734
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(51.007.345.895)	(70.785.621.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.328.677.309)</b>	<b>80.624.136.916</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(99.557.155)	(2.555.227.597)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		25.799.510.804	1.531.489.011
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(6.105.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			10.350.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			1.396.609.498
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>25.699.953.649</b>	<b>4.617.870.912</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			23.855.744.500
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-43.340.910
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		7.169.239.450	9.895.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.203.064.977)	(118.407.938.887)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(2.108.929.262)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-1.465.431.803
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(26.033.825.527)</b>	<b>(88.274.896.362)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.662.549.187)</b>	<b>(3.032.888.534)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32.585.596.750	<b>31.298.722.529</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	VII.34	<b>28.923.047.563</b>	<b>28.265.833.995</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2008

Lập biểu

P/ Kế toán trưởng

Giám đốc

*[Signature]*

*[Signature]*



KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

*Phạm Thị Châu*

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 29 tháng 5 năm 2006.



GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Hồng Thanh*

**BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN  
ĐIỀU LỆ**

GIÁI ĐOẠN TỪ 01/01/2006 ĐẾN 24/11/2006

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**



## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5
3. Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ 01/01/2006 đến 24/11/2006	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 24/11/2006	8 - 10
5. Các phụ lục kèm theo:	
- Công văn số 258/KTTKTC - HĐQT ngày 05/10/2005 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện;	
- Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 14/10/2005 thông qua phương án phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng;	
- Nghị quyết số 590/ĐHĐCĐ ngày 01/11/2005 của Đại Hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng;	
- Hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu số 1883/06/HĐ/AGRISECO-PTIC ngày 30 tháng 08 năm 2006;	
- Hợp đồng Tư vấn và Tổ chức bán đấu giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện số 01/2006/HĐ-TV-SSIHN ngày 22/04/06;	
- Giấy phép số 54/UBCK-ĐKPH ngày 05/09/06 của UBCKNN v/v phát hành bổ sung 15 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện;	
- Danh sách người người sở hữu chứng khoán Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng bưu điện theo kết quả đấu giá .	
- Ủy nhiệm chi ngày 16/11/2006: Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chuyển trả tiền bán cổ phiếu thông qua đấu giá trên thị trường chứng khoán	
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 thay đổi lần thứ nhất ngày 24/11/06	

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày 01/01/06 đến ngày 24/11/06 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 cấp ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 11 năm 2006: thay đổi vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 15/12/05: 35.000.000.000 đồng

<u>Cổ đông</u>	<u>Vốn góp (đồng)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
1. Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam	17.850.000.000	51%
2. Cổ đông khác	17.150.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>100%</b>

-- Vốn điều lệ theo đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24/11/06: 50.000.000.000 đồng

### Trụ sở hoạt động:

Địa-chỉ : Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại : (04) 8 612 360  
 Fax : (04) 8 611 511  
 Mã số thuế : 0 1 0 0 6 8 6 5 4 4

### Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật ;
- + Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- + Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất ;
- + Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng : Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten ;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp ; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông ; Thiết kế kết cấu : đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện ; Thiết kế cấp thoát nước : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp ; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy ; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp ; Lập



- dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin ; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật ;
- + Khảo sát công trình xây dựng ;
  - + Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác ;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng ;
    - + Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị ;
    - + Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng ;
    - + Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học ;
  - Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin ;
    - + Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) ;
    - + Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất ;
  - Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng ;

#### Tình hình tăng vốn điều lệ

Tình hình tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ 01/01/2006 đến 24/11/2006 của Công ty được trình bày trong Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 07).

#### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Chủ tịch	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Ủy viên	09/11/2004
Bà Phạm Thị Thau	Ủy viên	09/11/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Ủy viên	09/11/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Ủy viên	09/11/2004

##### Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Tổng Giám đốc	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Bà Phạm Thị Thau	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004

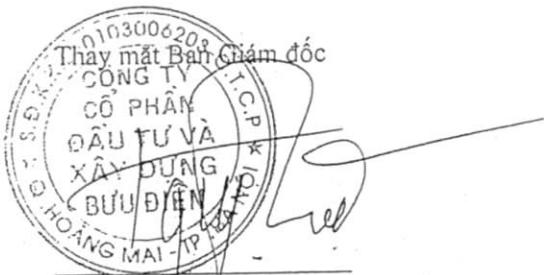
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ 01/01/2006 đến 24/11/2006 của Công ty.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý thông tin tài chính về tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty giai đoạn từ 01/01/2006 đến 24/11/2006, phù hợp với các qui định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Phong - Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 11 năm 2006



# CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN AUDITING AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Headquarters : 229 Dong Khai St., Dist.1, Ho Chi Minh City - Tel.: (08) 8 272 295 - Fax: (84.8) 8 272 300  
 Branch in Ha Noi : 877 Hong Ha St., Huan Kiem Dist, Ha Noi City - Tel.: (04) 9 324 133 - Fax: (84.8) 9 324 113  
 Branch in Nha Trang - Khanh Hoa : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City - Tel.: (058) 876 555 - Fax: (84.58) 875 327  
 Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Ninh Kieu Dist, Can Tho City - Tel.: (071) 764 995 - Fax: (84.71) 764 996

www.auditconsult.com.vn

Số: 180/2006/BCKT-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

**KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán về Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/01/2006 đến ngày 24/11/2006 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện từ trang 06 đến trang 07 kèm theo.

Việc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán từ ngày 01/01/2006 đến ngày 24/11/2006 và các thông tin về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

### Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các thông tin về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng trong giai đoạn từ ngày 01/01/2006 đến ngày 24/11/2006 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán trên cơ sở áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin có liên quan đến các số liệu và thông tin về nguồn vốn kinh doanh được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 24/11/2006. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

### Phạm vi kiểm toán

Việc kiểm toán của chúng tôi chỉ giới hạn trong phạm vi các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 24/11/2006 liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng, tương đương với số lượng cổ phần thực phát hành là 1.500.000 cổ phần đến thời điểm ngày 24/11/2006.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, thông tin về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng, tương ứng số lượng cổ phần đã phát hành là 1.500.000 cổ phần đến thời điểm ngày 24/11/2006 được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 24/11/2006 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là trung thực và hợp lý, đồng thời phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Hồng Thanh - Giám đốc  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0053/KTV  
 Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2006

Bùi Thị Ngọc Lan - Kiểm toán viên  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0300/KTV

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 24 tháng 11 năm 2006

---

## **BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

*Giai đoạn từ ngày 01/01/2006 đến ngày 24/11/2006*

### **I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 cấp ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là:

Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật; Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước, thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật; Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

### **II. NGUYÊN TẮC TĂNG VỐN KINH DOANH**

Nguồn vốn kinh doanh của công ty được hình thành do các cổ đông góp vốn và phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn. Việc tăng vốn kinh doanh được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và do Hội đồng quản trị quyết định.

### **III. TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Theo Công văn số 258/KTTKTC - HĐQT ngày 05 tháng 10 năm 2005 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (cổ đông sáng lập chiếm 51% vốn điều lệ) đã chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán. Tổng số vốn của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện giữ nguyên là: 17.850.000.000 đồng;

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 14 tháng 10 năm 2005 đã thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng thành 50.000.000.000 đồng;

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 590/ĐHĐCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2005 thì Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt tăng vốn điều lệ từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 24 tháng 11 năm 2006

Công ty đã ký Hợp đồng Bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 1883/06/HĐ/AGRISECO - PTIC với Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (AGRISECO) về việc bảo lãnh phát hành cổ phiếu theo phương thức đấu giá qua Trung tâm giao dịch chứng khoán:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng: 1.500.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu cam kết bảo lãnh: 1.500.000 cổ phiếu
- Giá khởi điểm đấu giá và bảo lãnh: 25.000 đồng/cổ phiếu

Ngày 22 tháng 04 năm 2006, Công ty ký Hợp đồng số 01/2006/HĐ-TV-SSIIIN với Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội về việc tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phiếu của Công ty tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng: 1.500.000 cổ phiếu

Kết quả đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá trên thị trường chứng khoán đến thời điểm ngày 24 tháng 11 năm 2006 như sau:

	Số cổ phần phát hành	Mệnh giá cổ phần	Giá trị bán đấu giá	Trọng đó	
				Giá trị cổ phần	Thặng dư vốn
Đợt I (ngày 10/10/06)	1.476.800	10.000	52.975.280.000	14.768.000.000	38.207.280.000
Đợt II (ngày 09/11/06)	23.200	10.000	782.440.000	232.000.000	550.440.000
<b>Cộng</b>	<b>1.500.000</b>		<b>53.757.720.000</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>38.757.720.000</b>

Toàn bộ cổ phiếu phát hành ra công chúng theo hình thức đấu giá công khai qua Trung tâm giao dịch chứng khoán để tăng vốn điều lệ là: 15.000.000.000 đồng (tương đương với 1.500.000 cổ phần) và thặng dư vốn cổ phần là: 38.757.720.000 đồng. Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chuyển trả cho Công ty bằng tiền gửi Ngân hàng theo Ủy nhiệm chi ngày 16/11/2006.

Như vậy, từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 24 tháng 11 năm 2006 vốn điều lệ của Công ty tăng từ 35.000.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng (tăng 15.000.000.000 đồng tương đương với số cổ phần tăng thêm là: 1.500.000 cổ phần) từ việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2006

Kê toán trưởng

Cao Văn Hòa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BỤY ĐIỆN**

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 24 tháng 11 năm 2006

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>289.656.618.624</b>	<b>167.792.874.181</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>49.364.847.414</b>	<b>10.982.321.968</b>
1. Tiền	111		49.364.847.414	10.982.321.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>146.906.890.485</b>	<b>116.677.866.419</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		111.813.406.257	105.335.169.581
2. Trả trước cho người bán	132		5.811.517.957	1.335.392.552
3. Phải thu nội bộ	133		1.090.985.964	1.088.389.411
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		28.190.980.307	8.918.914.875
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>92.727.647.857</b>	<b>40.106.711.229</b>
1. Hàng tồn kho	141		92.727.647.857	40.106.711.229
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>657.232.868</b>	<b>25.974.565</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		657.232.868	25.974.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BỤI ĐIỆN**

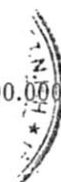
Địa chỉ: Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 24 tháng 11 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>43.667.321.202</b>	<b>- 43.347.795.242</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Phải thu nội bộ dài hạn	212		
3. Phải thu dài hạn khác	213		
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II. Tài sản cố định	220	43.327.321.202	39.570.678.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	22.919.438.857	17.525.916.432
<i>Nguyên giá</i>	222	53.878.476.088	45.561.609.745
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(30.959.037.231)	(28.035.693.313)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13.297.809.578	15.226.774.475
<i>Nguyên giá</i>	225	15.440.307.855	16.244.394.533
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	(2.142.498.277)	(1.017.620.058)
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7.110.072.767	6.817.987.835
III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	250.000.000	3.750.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	250.000.000	3.750.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		
V. Tài sản dài hạn khác	260	90.000.000	27.116.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	90.000.000	27.116.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Tài sản dài hạn khác	268		
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>333.323.939.826</b>	<b>211.140.669.423</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 24 tháng 11 năm 2006

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>221.751.848.265</b>	<b>-167.081.837.094</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	215.064.092.606	159.901.778.722
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	83.152.609.050	54.996.981.715
2. Phải trả cho người bán	312	57.316.282.135	20.446.312.034
3. Người mua trả tiền trước	313	1.982.342.762	4.351.564.785
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	7.852.666.910	7.425.883.193
5. Phải trả công nhân viên	315	764.580.558	3.048.048.930
6. Chi phí phải trả	316	10.351.308.351	8.877.468.418
7. Phải trả nội bộ	317		-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	53.644.302.840	60.755.519.647
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn khác	320		
II. Nợ dài hạn	330	6.687.755.659	7.180.058.372
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		
3. Phải trả dài hạn khác	333		
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.572.920.958	7.065.223.671
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	114.834.701	114.834.701
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>111.572.091.561</b>	<b>44.058.832.329</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	110.909.142.670	42.500.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	50.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	38.757.720.000	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
3. Cổ phiếu ngân quỹ	414		
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
6. Quỹ đầu tư phát triển	417	6.000.000.000	6.000.000.000
7. Quỹ dự phòng tài chính	418	1.500.000.000	1.500.000.000
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	14.651.422.670	
10. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	662.948.891	1.558.832.329
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	662.948.891	1.558.832.329
2. Nguồn kinh phí	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>333.323.939.826</b>	<b>211.140.669.423</b>

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2006

Người lập biểu

Tôn Thiện Toàn

Kế toán trưởng

Cao Văn Hòa



Nguyễn Phong



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số: 0103006203

Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 12 năm 2004  
Đăng ký thay đổi lần thứ: 2 ngày 12 tháng 11 năm 2007

"CHUYỂN ĐỔI (CPH) DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2004/QĐ-BBCVT  
NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2004 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ ẾU CHÍNH, VIỄN THÔNG"

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
Tên giao dịch: **POST AND TELECOMMUNICATIONS INVESTMENT AND  
CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **PTIC .,JSC**  
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai,  
Thành phố Hà Nội**

Điện thoại: 8612360

Fax: 8611511

Email: [ptic@hn.vnn.vn](mailto:ptic@hn.vnn.vn)

Website: [www.xaydungbuudien.com](http://www.xaydungbuudien.com)

3. Ngành, nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
- Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
- Khảo sát công trình xây dựng;
- Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;

- Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị;
- Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng;
- Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (Trừ hóa chất Nhà nước, cấm);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

4. Vốn điều lệ: **100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng VN)**

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	<b>TẬP ĐOÀN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM</b> Người trực tiếp quản lý: <b>NGUYỄN PHONG PHẠM THỊ THAU NGUYỄN DUY BẮC VIỆT</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội  Thôn Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội  27/14 đường Phó Đức Chính, phường Thăng Tam, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu	3.000.000
2	<b>CÔNG TY TÀI CHÍNH BƯU ĐIỆN</b> Người trực tiếp quản lý: <b>NGUYỄN CÔNG MINH</b>	Số 1, phố Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội  501-A1 Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	157.800
3	<b>NGUYỄN PHONG</b>	Số 7 ngõ 43 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội	190.280

BẢN SAO

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Họ và tên: **NGUYỄN PHONG**

Giới tính: (*Nam*)

Sinh ngày: *29/12/1948* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân (*hoặc hộ chiếu*) số: *010098494*

Ngày cấp: *07/04/2006* Nơi cấp: *Công an Tp Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, Hà Nội*

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: \_\_\_\_\_

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: \_\_\_\_\_

KT. Trưởng phòng đăng ký kinh doanh  
Phó Trưởng phòng *uu*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực...*264*...Quyển số...*D1*...SCT/BS  
Ngày...*09* tháng...*01*...năm 200*8*



*Trần Hà Thanh*

PHÓ CHỦ TỊCH  
*Cà Văn Hải*

**BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN  
ĐIỀU LỆ**

**- GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2007 ĐẾN 23/10/2007**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007	7 - 10
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 23/10/2007	11 - 13
5. Các phụ lục kèm theo:	
✓ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 13/3/ 2007 và Nghị quyết số 54/HĐQT-PTIC ngày 13/3/2007.	
✓ Biên bản đại hội đồng cổ đông lần 4 và Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông lần 4 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bưu điện ngày 28/3/2007.	
✓ Quyết định số 130/UBCK-GCN ngày 16/7/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng.	
✓ Biên bản Hội đồng quản trị ngày 18/8/2007 và Nghị Quyết số 232/NQQ-HĐQT ngày 20/8/2007.	
✓ Quyết định số 236/NQ-HĐQT ngày 28//9/2007 của Hội đồng quản trị về việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết	

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 23/10/2007 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 31/2004/QĐ-BBCVT ngày 09 tháng 07 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 cấp ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 11 năm 2006: thay đổi vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Vốn điều lệ thực tế đến 23/10/2007 là: 100 tỷ đồng (một trăm tỷ đồng). Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội  
Điện thoại : (04) 8 612 360  
Fax : (04) 8 611 511  
Mã số thuế : 0100686544

### Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật:
  - + Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
  - + Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất ;
  - + Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng : Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột anten ;
- Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp ; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông ; Thiết kế kết cấu : đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện ; Thiết kế cấp thoát nước : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp ; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy ; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất : đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp ; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin ; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật:
  - + Khảo sát công trình xây dựng ;
  - + Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác ;

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

- Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng:
  - + Sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu liên quan khác phục vụ hoạt động của đơn vị ;
  - + Sản xuất các sản phẩm từ nhựa dùng trong xây dựng, dùng trong các công trình bưu điện và dân dụng ;
  - + Sản xuất vật liệu, máy móc, thiết bị phục vụ ngành bưu chính, viễn thông, điện tử, tin học ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin:
  - + Kinh doanh vật liệu, thiết bị, máy móc xây dựng, điện tử viễn thông, tin học, trang thiết bị nội thất, vật tư hóa chất ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) ;
  - + Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, vật liệu máy móc thiết bị xây dựng, điện tử, viễn thông, ngành nhựa, ngành in, trang trí nội, ngoại thất ;
- Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

**Tình hình tăng vốn điều lệ**

Tình hình tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng trong giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007 của Công ty được trình bày trong Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 13).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Chủ tịch	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Ủy viên	09/11/2004
Bà Phạm Thị Thu	Ủy viên	09/11/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Ủy viên	09/11/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Ủy viên	09/11/2004
Ông Nguyễn Công Minh	Ủy viên	28/03/2007
Ông Đậu Minh Lâm	Ủy viên	28/03/2007

**Ban Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Phong	Tổng Giám đốc	09/11/2004
Ông Lê Cao Điền	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Bà Phạm Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Ông Nguyễn Duy Bắc Việt	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004
Ông Lê Đỗ Vinh	Phó Tổng Giám đốc	23/12/2004

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Kiểm toán viên**

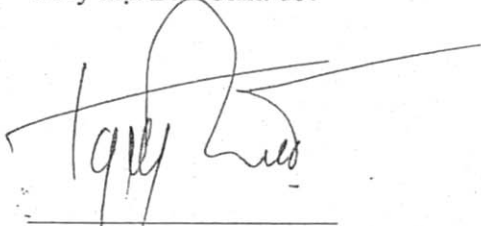
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 23 tháng 10 năm 2007 của Công ty.

**Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp lý của Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng trong giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007 của Công ty.

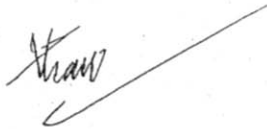
Chúng tôi, các thành viên của Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý thông tin tài chính về tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007, phù hợp với các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Phong - Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 10 năm 2007







Không phù nhận ý kiến nêu trên chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ về việc công ty chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới thay đổi vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV  
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2007

Bùi Thị Ngọc Lâm - Kiểm toán viên  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0300/KTV

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 23 tháng 10 năm 2007

## **BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

*Giai đoạn từ ngày 01/01/2007 đến ngày 23/10/2007*

### **I. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103006203 cấp ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 11 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là:

Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật; Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước, thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật; Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; Đầu tư kinh doanh nhà ở, đầu tư kinh doanh xây dựng cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp và dân dụng.

### **II. NGUYÊN TẮC TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của công ty được hình thành do các cổ đông góp vốn và phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn. Việc tăng, giảm vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông và do Hội đồng quản trị quyết định.

### **III. TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần 4 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện ngày 28 tháng 3 năm 2007 thì Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng (tổng số cổ phiếu phát hành thêm: 5.000.000 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng, loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông), cơ cấu tăng như sau:

- Phát hành 15 tỷ đồng, tương đương 1.500.000 cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu.
- Phát hành 15 tỷ đồng, tương đương 1.500.000 cổ phiếu bán cho cổ đông chiến lược với giá 25.000 đồng/1 cổ phiếu.
- Phát hành 20 tỷ đồng, tương đương 2.000.000 cổ phiếu bán ra công chúng qua đấu giá trên Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Phương án phát hành này đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước Cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Quyết định số 130/UBCK-GCN ngày 16 tháng 7 năm 2007.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 23 tháng 10 năm 2007

### 1. Về phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu

Cổ phiếu phát hành bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10 cổ phiếu của cổ đông hiện hữu được mua 3 cổ phiếu với giá là: 10.000 đồng/cổ phiếu. Tình hình cổ phiếu phát hành bán cho cổ đông hiện hữu như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị bán cổ phần	Trong đó	
			Giá trị cổ phần	Thặng dư vốn
Cổ đông đã lưu ký	899.720	8.997.200.000	8.997.200.000	-
Cổ đông chưa lưu ký	598.150	5.981.500.000	5.981.500.000	-
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>	<i>535.500</i>	<i>5.355.000.000</i>	<i>5.355.000.000</i>	-
<i>Cổ đông khác</i>	<i>62.650</i>	<i>626.500.000</i>	<i>626.500.000</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>1.497.870</b>	<b>14.978.700.000</b>	<b>14.978.700.000</b>	-

Tổng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông hiện hữu là: 14.978.700.000 đồng

Trong đó:

<i>Số tiền thu qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội:</i>	<i>8.997.194.500 đồng</i>
<i>Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội bù trừ phí chuyển tiền:</i>	<i>5.500 đồng</i>
<i>Số tiền đã thu bằng tiền mặt (*):</i>	<i>247.000.000 đồng</i>
<i>Số tiền thu bằng tiền gửi Ngân hàng qua tài khoản thanh toán(*):</i>	<i>379.500.000 đồng</i>
<i>Số tiền Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam bù trừ công nợ:</i>	<i>5.355.000.000 đồng</i>

(\*) Tiền thu bằng tiền mặt và thu qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội đã chuyển vào tài khoản phong tỏa ngày 10/9/2007: 210.000.000 đồng, ngày 14/9/2007: 15.000.000 đồng, ngày 4/10/2007: 75.000.000 đồng, ngày 22/10/2007: 326.500.000 đồng.

Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua và cổ phiếu lẻ là: 2.130 cổ phiếu, Nghị quyết số 232/NQQ-HĐQT ngày 20 tháng 8 năm 2007 và Quyết định số 236/NQQ-HĐQT ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Hội đồng quản trị thì số cổ phiếu này chào bán tiếp cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Toàn cầu.

### 2. Về phát hành cổ phiếu bán cho cổ đông chiến lược

Theo Nghị quyết số 232/NQQ-HĐQT ngày 20 tháng 8 năm 2007 và Quyết định số 236/NQQ-HĐQT ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Hội đồng quản trị thì cổ phiếu chào bán cho các đối tác chiến lược tại đợt phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty từ 50 tỷ lên 100 tỷ là 1.502.130 cổ phiếu với giá bán 25.000 đồng /cổ phiếu, cụ thể:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 23 tháng 10 năm 2007

Cổ đông chiến lược	Số lượng cổ phiếu	Giá trị bán cổ phần	Trong đó	
			Giá trị cổ phần	Thặng dư vốn
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	679.500	16.987.500.000	6.795.000.000	10.192.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tài chính Toàn Cầu	692.630	17.315.750.000	6.926.300.000	10.389.450.000
Công ty Quản lý Quỹ Việt Long	50.000	1.250.000.000	500.000.000	750.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông Nghiệp	60.000	1.500.000.000	600.000.000	900.000.000
Công ty Tài chính Bưu điện	20.000	500.000.000	200.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.502.130</b>	<b>37.553.250.000</b>	<b>15.021.300.000</b>	<b>22.531.950.000</b>

Toàn bộ cổ phiếu phát hành bán cho cổ đông chiến lược đã được chuyển vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Chi nhánh Hà Nội từ ngày 26/09/2007 đến ngày 22/10/2007 với số tiền là: **37.553.250.000 đồng**. Trong đó, số tiền chuyển trực tiếp vào tài khoản phong tỏa là: 17.815.750.000 đồng, số tiền chuyển vào tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội và từ tài khoản thanh toán đã chuyển vào tài khoản phong tỏa là: 19.737.500.000 đồng. Số tiền chuyển vào tài khoản thanh toán là của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Công ty Quản lý Quỹ Việt Long do khi thông báo nộp tiền mua cổ phiếu đã thông báo nhằm tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội.

### 3. Về phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Theo Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 21 tháng 9 năm 2007 giữa đại diện cơ quan đấu giá – Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và đại diện đơn vị tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Chi nhánh Hà Nội thì tổng số lượng cổ phần đăng ký mua tham dự hợp lệ là 297.400 cổ phần, giá khởi điểm là 45.000 đồng/cổ phần, giá trúng thầu cao nhất là 45.200 đồng/cổ phần, giá trúng thầu thấp nhất là 45.000 đồng/cổ phần, giá đấu giá thành công bình quân 45.002 đồng/cổ phiếu. Số tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần là: **13.383.550.000 đồng**. Số tiền này đã được Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội chuyển vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt nam – Chi nhánh Hà Nội ngày 24/09/2007.

Số cổ phần đấu giá không hết là 1.702.600 cổ phiếu được đơn vị bảo lãnh phát hành - Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam thực hiện mua theo hợp đồng bảo lãnh với giá 45.000 đồng/cổ phiếu. Tổng số tiền thu được là: **76.617.000.000 đồng**, số tiền này sau khi trừ phí bảo lãnh là 1.350.000.000 đồng, còn lại là: 75.267.000.000 đồng đã được Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp chuyển vào tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội ngày 01/10/2007 và từ tài khoản thanh toán đã chuyển vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt nam – Chi nhánh Hà Nội ngày 4/10/2007 số tiền: 74.925.000.000 đồng, số còn lại chuyển nốt vào ngày 22/10/2007.

Như vậy, tổng số tiền thu từ phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá là: **90.000.550.000 đồng**.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (tiếp theo)

Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 23 tháng 10 năm 2007

### 4. Tổng hợp tình hình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ

Kết quả đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng như sau:

	Số cổ phần phát hành	Giá trị bán	Trong đó	
			Giá trị cổ phần	Thặng dư vốn (*)
Cổ đông hiện hữu	1.497.870	14.978.700.000	14.978.700.000	-
Cổ đông chiến lược	1.502.130	37.553.250.000	15.021.300.000	22.531.950.000
Cổ đông mới	2.000.000	90.000.550.000	20.000.000.000	70.000.550.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>142.532.500.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>92.532.500.000</b>

(\*) Thặng dư vốn cổ phần chưa trừ các khoản chi phí liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Các khoản chi phí có liên quan đến việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ phát sinh đến thời điểm ngày 23/10/2007 là: 1.522.346.410 đồng.

Số lượng và loại cổ phần phát hành thêm:

- Giá trị cổ phần phát hành thêm: 50.000.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần phát hành thêm: 5.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

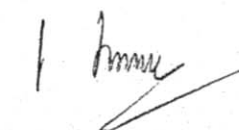
Số lượng và loại cổ phần sau khi tăng vốn điều lệ:

- Giá trị cổ phần: 100.000.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần: 10.000.000 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Như vậy, từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 23 tháng 10 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty tăng từ 50 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng (tăng 50 tỷ đồng tương đương với số cổ phần tăng thêm là: 5.000.000 cổ phần).

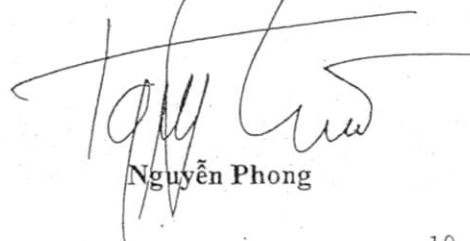
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2007

Kế toán trưởng



Cao Văn Hòa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Phong

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 23 tháng 10 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>	<b>522.471.481.612</b>	<b>306.987.174.831</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>144.993.915.920</b>	<b>31.298.722.529</b>
1. Tiền		111	144.993.915.920	31.298.722.529
2. Các khoản tương đương tiền		112	-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>	<b>1.175.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121	1.175.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		129	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>130</b>	<b>229.584.977.489</b>	<b>184.692.859.264</b>
1. Phải thu khách hàng		131	216.042.358.085	177.051.635.429
2. Trả trước cho người bán		132	5.386.408.850	1.650.666.179
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	1.533.772.100	1.203.878.204
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	-	-
5. Các khoản phải thu khác		138	6.622.438.454	4.786.679.452
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		139	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>	<b>125.546.855.269</b>	<b>82.901.226.893</b>
1. Hàng tồn kho		141	125.546.855.269	85.126.467.896
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149	-	-2.225.241.003
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>	<b>21.170.732.934</b>	<b>8.094.366.145</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	2.263.023.068	36.622.252
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	-	3.483.673
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	18.907.709.866	8.054.260.220

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	107.161.334.847	62.370.497.783
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-
3.	Phải thu nội bộ dài hạn	213	-	0
4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II.	Tài sản cố định	220	92.555.089.407	61.944.193.010
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	37.234.161.005	25.090.647.900
	Nguyên giá	222	73.229.836.608	56.904.166.720
	Giá trị hao mòn lũy kế	223	-35.995.675.603	-31.813.518.820
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	794.763.086	12.766.160.685
	Nguyên giá	225	1.337.712.014	14.607.941.832
	Giá trị hao mòn lũy kế	226	-542.948.928	-1.841.781.147
3.	Tài sản cố định vô hình	227	-	-
	Nguyên giá	228	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	54.526.165.316	24.087.384.425
III.	Bất động sản đầu tư	240	-	-
	Nguyên giá	241	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14.460.875.000	250.000.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251	14.210.875.000	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	250.000.000	250.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260	145.370.440	176.304.773
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	145.370.440	176.304.773
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>	<b>629.632.816.459</b>	<b>369.357.672.614</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Địa chỉ: Pháp Vân, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn từ 01/01/2007 đến 23/10/2007

**Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>300</b>	<b>365.587.623.955</b>	<b>258.004.604.791</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>	<b>362.014.193.354</b>	<b>253.283.892.343</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	218.521.223.195	94.656.708.116
2. Phải trả người bán		312	53.027.658.333	60.749.837.151
3. Người mua trả tiền trước		313	4.491.255.149	4.867.800.264
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	10.751.579.806	9.215.340.479
5. Phải trả người lao động		315	1.636.328.335	4.766.486.218
6. Chi phí phải trả		316	21.470.653.224	15.814.365.792
7. Phải trả nội bộ		317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319	52.115.495.312	63.213.354.323
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		320	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>	<b>3.573.430.601</b>	<b>4.720.712.448</b>
1. Phải trả dài hạn người bán		331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333	-	8.679.459
4. Vay và nợ dài hạn		334	3.309.767.610	4.448.369.998
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336	263.662.991	263.662.991
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337	-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>400</b>	<b>264.045.192.504</b>	<b>111.353.067.823</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>262.757.548.357</b>	<b>107.623.015.692</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411	100.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412	128.624.026.190	37.613.872.600
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417	16.509.143.092	16.509.143.092
8. Quỹ dự phòng tài chính		418	3.500.000.000	3.500.000.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420	14.124.379.075	-
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		421	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430</b>	<b>1.287.644.147</b>	<b>3.730.052.131</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		431	1.287.644.147	3.730.052.131
2. Nguồn kinh phí		432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>	<b>629.632.816.459</b>	<b>369.357.672.614</b>

Lập, ngày 23 tháng 10 năm 2007

Kế toán trưởng

Cao Văn Hòa

Giám đốc

Nguyễn Phong

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
Số: 0103006203

Đăng ký lần đầu, ngày 15 tháng 12 năm 2004  
Đăng ký thay đổi lần thứ: 1 ngày 24 tháng 11 năm 2006

"CHUYỂN ĐỔI (CPH) DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 31/2004/QĐ-BBCVT NGÀY 09 THÁNG 7 NĂM 2004 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BUU CHÍNH, VIỄN THÔNG"

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**  
Tên giao dịch: **POST AND TELECOMMUNICATIONS INVESTMENT AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**  
Tên viết tắt: **PTIC ,JSC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Thôn Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội**  
Điện thoại: **8612360** Fax: **8611511**  
Email: **ptic@hn.vnn.vn** Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:
- Xây dựng các công trình bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
  - Xây dựng các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông, điện, điện tử, tin học, thông gió, điều hòa và cấp thoát nước;
  - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng bao gồm cả kỹ thuật hạ tầng và trang trí nội ngoại thất;
  - Xây dựng nền móng công trình và kết cấu hạ tầng: Sân, cầu, đường, sân bay, bến cảng, đê điều, đường dây và trạm biến thế, cột an ten;
  - Tư vấn, thiết kế quy hoạch mạng viễn thông, mạng máy tính, điện tử dân dụng, công nghiệp; Thiết kế thông tin bưu chính viễn thông; Thiết kế kết cấu: đối với công trình xây dựng dân dụng, công trình xây dựng ngành bưu điện; Thiết kế cấp thoát nước: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Thiết kế cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư các công trình bưu chính, viễn thông, công trình thông tin; các công trình công nghiệp, giao thông, dân dụng theo quy định của pháp luật;
  - Khảo sát công trình xây dựng;
  - Tư vấn trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, khảo sát, lập dự toán các công trình xây dựng chuyên ngành bưu chính viễn thông, các công trình xây dựng, công nghiệp khác;
  - Sản xuất vật liệu xây dựng và những vật liệu khác phục vụ cho hoạt động của doanh nghiệp và nhu cầu xây dựng dân dụng;

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: *Tổng Giám đốc*

Họ và tên: **NGUYỄN PHONG**

Giới tính: (*Nam*)

Sinh ngày: *29/12/1948* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Chứng minh nhân dân (*hoặc hộ chiếu*) số: *CV/C 0061348*

Ngày cấp: *07/01/2002* Nơi cấp: *Cục lãnh sự Bộ Ngoại giao*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội*

Chỗ ở hiện tại: *Số 7, ngõ 43, phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Hà Nội*

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: —

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: —

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh

*Đặng Minh Tuấn*



đồng  
VT,  
leul

A. Viên, A. Viên, IC-1  
Tư vấn ban IC-1

10/10/05

TỔNG CÔNG TY  
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 258 / KTTKTC-HĐQT

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2005

V/v: Tăng vốn điều lệ của Công ty PTIC

Kính gửi: Tổng giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam

- Căn cứ Công văn số 10738/BTC-TCIDN ngày 25/08/2005 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện quyết định số 528/QĐ-TTg ngày 14/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

- Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 21/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ văn bản số 1931/BBCVT-TCCB ngày 27/9/2005 của Bộ Trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc thực hiện Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 21/9/2005 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xem xét tờ trình số 6278/KTTKTC ngày 28 tháng 9 năm 2005 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc "Tăng vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện để mở rộng sản xuất kinh doanh"; Công ý kiến của các Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Hội đồng quản trị có ý kiến như sau:

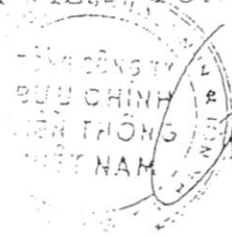
1. Chấp thuận đề nghị của Tổng giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện từ 35 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng, tăng thêm 15 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu tại trung tâm giao dịch chứng khoán. Tổng số vốn của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam góp vào Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng giữ nguyên là: 17.850.000.000 đồng ( Mười bảy tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn ).

2. Tổng giám đốc chỉ đạo cán bộ đại diện vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng Bưu điện thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu để huy động vốn thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán theo quy định hiện hành.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ỦY VIÊN - TỔNG GIÁM ĐỐC *TL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát HĐQT;
- Đại diện quản lý phần vốn của TCT tại PTIC;
- Lưu VP, KTTKTC.



*Phạm Long Trần*

PHẠM LONG TRẦN

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2005

## BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Thực hiện Công văn số 258/KTTKTC-HĐQT ngày 05/10/2005 của Hội đồng quản trị Tổng công ty BCVT Việt Nam về việc tăng vốn điều lệ của công ty PTIC;

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động – Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện;

HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện tiến hành họp phiên thường kỳ. Cuộc họp bắt đầu hồi 08 giờ 00 ngày 14/10/2005 tại Phòng họp – Trụ sở Công ty (Pháp Vân – Hoàng Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội).

### Thành phần tham gia cuộc họp

#### - Các thành viên HĐQT:

1. Ông Nguyễn Phong – Chủ tịch HĐQT, Chủ trì cuộc họp
2. Ông Lê Cao Điện – Ủy viên
3. Bà Phạm Thị Thau – Ủy viên
4. Ông Lê Đỗ Vinh – Ủy viên
5. Ông Nguyễn Duy Bắc Việt – Ủy viên

- Mời dự họp:

#### • Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Minh Đức – Trưởng Ban
2. Bà Đào Thị Trọng Tâm – Ủy viên
3. Bà Trần Thị Hạnh – Ủy viên

#### • Lãnh đạo các Phòng:

1. Ông Cao Văn Hoà - Trưởng phòng Tài chính-Kế toán-Thống kê
2. Ông Nguyễn Lê Văn – Trưởng Phòng Kế hoạch-Thị trường

• Thư ký: Ông Lê Thanh Dung – Văn phòng Công ty

### Nội dung cuộc họp

1. Ông Nguyễn Phong – Chủ tịch HĐQT thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 06 tháng đầu năm 2005, Phương hướng nhiệm vụ SXKD 06 cuối năm 2005 (có Báo cáo gửi cho tất cả các thành viên tham gia cuộc họp).

Các thành viên tham gia cuộc họp đã nhất trí hoàn toàn những nội dung của bản Báo cáo nêu trên. Trong đó, điểm nổi bật là: mặc dù doanh thu 06 tháng đầu năm của Công ty chưa đạt kế hoạch đặt ra, nhưng lợi nhuận gần đạt kế hoạch của cả năm.

Các thành viên tham gia cuộc họp đã tập trung bàn bạc về những giải pháp tháo gỡ khó khăn để phấn đấu hoàn thành kế hoạch SXKD của cả năm 2005 - đặc biệt là những vấn đề về thị trường, vốn đầu tư và công tác thu hồi công nợ.

2. Ông Nguyễn Phong – Chủ tịch HĐQT trình bày Phương án tăng thêm 15 tỷ đồng vốn điều lệ của Công ty, đạt mức 50 tỷ đồng để huy động vốn thực hiện dự án “Đầu tư dây chuyền sản xuất cấp thông tin Bưu Điện” - nhằm phát triển SXKD và tăng cường vị thế của Công ty. Phương án tăng vốn: phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để bổ sung thêm vốn điều lệ.

Các thành viên tham gia cuộc họp đã bàn bạc, thống nhất thông qua phương án trên với từng nội dung cụ thể sau đây:

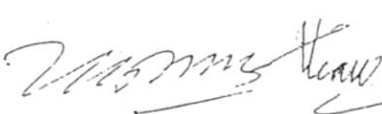
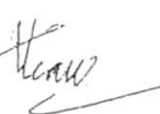



- Phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán để tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng thành 50 tỷ đồng ;
- Thời điểm phát hành cổ phiếu bổ sung vốn điều lệ: quý I/2006;
- Trong thời gian chờ đợi nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu, tạm thời huy động một phần vốn tự có của Công ty và các nguồn vốn khác để thực hiện dự án “Đầu tư dây chuyền sản xuất cấp thông tin Bưu Điện”. Khi phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ sẽ hoàn lại những nguồn vốn này.

Biên bản này đã được đọc lại cho tất cả các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và toàn thể nhất trí thông qua.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11 h 30 ngày 14/10/2005.

#### Các thành viên dự họp

Ủy viên HĐQT    Ủy viên HĐQT    Ủy viên HĐQT    Ủy viên HĐQT    Chủ tịch HĐQT

Lê Cao Điền    Phạm Thị Thu    Lê Đỗ Vinh    Nguyễn Duy Bắc Việt    Nguyễn Phong

Đại diện Ban KS Tr. Ban    Phòng TCKTTK Tr. Phòng    Phòng KH-TT Tr. Phòng    Thư ký

Nguyễn Minh Đức    Cao Văn Hoà    Nguyễn Lê Văn    Lê Thanh Dung

10/10/05 10:00 AM



TẬP ĐOÀN BCVT VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 195 / NQ - HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2007

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện (PTIC).
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 ngày 28/3/2007.
- Căn cứ kết quả biểu quyết của cổ đông về việc thông qua phương án niêm yết bổ sung tăng vốn điều lệ 5.000.000 cổ phiếu trong tháng 11/2007 và chuyển sàn giao dịch chứng khoán của Công ty tại Hà Nội sang Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### QUYẾT NGHỊ

#### Điều 1:

- Niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ. Thời gian niêm yết dự kiến trong tháng 11 năm 2007.
- Chuyển giao dịch chứng khoán của Công ty tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội sang Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian chuyển dự kiến đầu năm 2008.

#### Điều 2:

Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện (PTIC) chỉ đạo, tổ chức thực hiện nội dung ghi tại điều 1 quyết định này. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện quyết nghị này.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Chữ ký, họ tên, con dấu)



NGUYỄN PHONG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

(Thông qua phương án niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ 5.000.000 cổ phần và chuyển giao dịch chứng khoán của Công ty tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội sang sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh).

- Thực hiện điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC).

- Thực hiện công văn số 1627/PTIC ngày 02 tháng 10/2007 của hội đồng Quản trị Công ty v/v lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Đại Hội Đồng Cổ đông.

- Thực hiện quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện v/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua Đại hội cổ đông v/v niêm yết 5.000.000 cổ phiếu và chuyển sàn giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP HCM.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC) đã tiến hành Đại Hội Đồng Cổ đông bất thường dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (kể từ ngày 2/10/2007 đến hết ngày 16/10/2007).

Kết quả biểu quyết của Đại Hội cổ đông bất thường như sau:

### TỔNG HỢP LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN:

1. Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành tăng vốn điều lệ 5.000.000 cổ phiếu thời gian niêm yết dự kiến trong tháng 11/2007.

\* Tổng số cổ phần xin ý kiến trong danh sách chốt ngày 31/07/2007: 5.000.000 cổ phần.

#### Trong đó:

+ Số cổ phần đồng ý : 3.547.830 CP chiếm tỷ lệ :71%  
+ Số cổ phần coi như đồng ý : 1.351.270 CP chiếm tỷ lệ :27%



+ Số cổ phần bị trả lại do địa chỉ của cổ đông khai báo không đúng hoặc đã thay đổi : 100.900 CP chiếm tỷ lệ : 2%

2. Chuyển giao dịch chứng khoán của Công ty tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội sang sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, thời gian dự kiến cuối năm 2007.

\* Tổng số cổ phần xin ý kiến trong danh sách chốt ngày 31/07/2007: 5.000.000 cổ phần.

**Trong đó:**

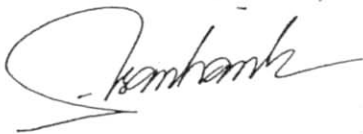
+ Số cổ phần đồng ý : 3.547.830 CP chiếm tỷ lệ : 71%

+ Số cổ phần coi như đồng ý : 1.351.270 CP chiếm tỷ lệ : 27%

+ Số cổ phần bị trả lại do địa chỉ của cổ đông khai báo không đúng hoặc đã thay đổi : 100.900 CP chiếm tỷ lệ : 2%

Hà Nội, ngày 18/10/2007

BAN KIỂM SOÁT



Trần Thị Hạnh

ỦY VIÊN



Lê Thanh Dung

THƯ KÍ



Phùng Xuân Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY  
DỰNG BƯU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 108 /QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2008

## QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc ban hành Quy trình Công bố thông tin  
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2005;
- Căn cứ Điều lệ Công ty;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày ... tháng ... năm 200...

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, các Phòng ban, các chi nhánh, tổ chức và cá nhân trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN  
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN PHONG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu .

## QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 115/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 02 năm 2008.)

### I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### 1. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các phòng ban, các chi nhánh, tổ chức và cá nhân trực thuộc Công ty (sau đây gọi là các bộ phận có liên quan).

#### 2. Nhân viên công bố thông tin

- Việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện do nhân viên công bố thông tin (Nhân viên CBTT) được ủy quyền thực hiện. Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về nội dung những thông tin do Nhân viên CBTT được ủy quyền công bố.

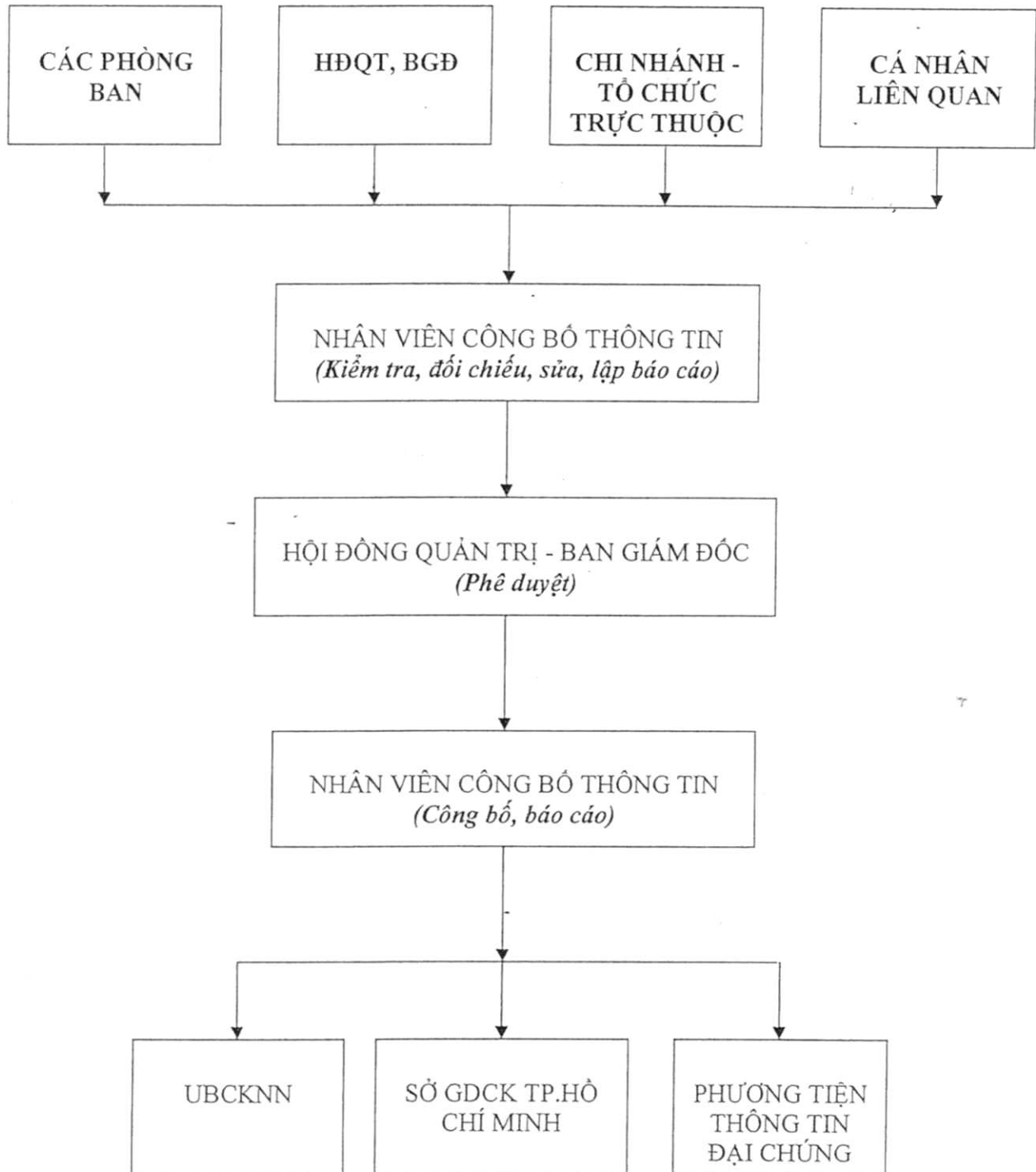
- Việc ủy quyền thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo mẫu Mẫu NY-06 Giấy ủy quyền nhân viên CBTT.

#### 3. Hình thức cung cấp thông tin công bố

Tất cả các thông tin cung cấp phục vụ cho việc công bố đều được thực hiện bằng văn bản và đính kèm file nội dung mà máy vi tính có thể xử lý và đọc được.



## II. SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN NỘI BỘ



### III. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### 1. Bước 1. Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan phải ngay lập tức lập báo cáo, công bố theo nội dung hướng dẫn tại “*Hướng dẫn thực hiện công bố thông tin của Tổ chức niêm yết*” và mẫu tại Phụ lục *QLNY – HD - CBTT* gửi Nhân viên CBTT của Công ty hoặc thông báo trực tiếp cho Nhân viên CBTT.

#### 2. Bước 2. Xử lý thông tin

Nhân viên CBTT tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung báo cáo, công bố; đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin; chỉnh sửa hoặc lập mới báo cáo, công bố theo hướng dẫn tại “*Hướng dẫn thực hiện công bố thông tin của Tổ chức niêm yết*” và mẫu tại Phụ lục *QLNY – HD - CBTT*.

#### 3. Bước 3. Trình Lãnh đạo phê duyệt

Nhân viên CBTT trình Tổng Giám đốc ký và đóng dấu báo cáo, công bố trước khi thực hiện công bố. Trong trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt, Nhân viên CBTT trình Lãnh đạo có thẩm quyền ký và đóng dấu để thực hiện công bố.

#### 4. Bước 4. Báo cáo và Công bố

- Nhân viên CBTT gửi 01 báo cáo chính của báo cáo, công bố đến UBCKNN; 01 bản chính của báo cáo, công bố kèm file máy tính đến Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh theo đúng thời hạn quy định đối với nghĩa vụ công bố thông tin đã hướng dẫn trong “*Hướng dẫn thực hiện công bố thông tin của Tổ chức niêm yết*” của Phòng Quản lý niêm yết Sở GDCK TP. HCM.
- Thực hiện công bố trên các phương tiện công bố thông tin của Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh, các phương tiện thông tin đại chúng theo hướng dẫn trong “*Hướng dẫn thực hiện công bố thông tin của Tổ chức niêm yết*” của Phòng Quản lý niêm yết Sở GDCK TP. HCM.

#### 5. Bước 5. Bảo quản và Lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ tối thiểu 02 năm để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của nhà đầu tư.

#### IV. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Đối với việc cung cấp thông tin cho phương tiện thông tin đại chúng dưới một số hình thức như: *Trả lời phỏng vấn, đưa thông tin và các bài viết về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty* thì toàn bộ nội dung thông tin cung cấp phải được sự phê duyệt bởi Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc hoặc những bộ phận liên quan có thẩm quyền của Công ty.

#### V. TẠM HOÃN CÔNG BỐ THÔNG TIN

##### 1. Bảo lưu chưa công bố thông tin

Trong trường hợp cần thiết phải bảo lưu chưa công bố thông tin, Nhân viên CBTT thực hiện công văn trình Tổng Giám đốc ký đề nghị bảo lưu chưa công bố thông tin gửi UBCKNN xem xét chấp thuận.

##### 2. Tạm hoãn công bố thông tin

Trong trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn do những lý do bất khả kháng, Nhân viên CBTT lập tức báo cáo trình Tổng Giám đốc ký báo cáo UBCKNN, Sở GD&ĐT TP. Hồ Chí Minh và thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng được khắc phục.

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2008

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN PHONG

Mẫu NY-07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----\*-----

Hà Nội, ngày 11. Tháng 08. năm 2008.

## BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện

Tên giao dịch: Post and Telecommunication Investment and Construction Joint Stock Company

Địa chỉ Trụ sở chính: Pháp Vân, Hoàng Liệt, Hoàng Mai

Điện thoại: 84.4 8611513

Fax: 84.4 8611511

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0103006203 cấp sửa đổi lần 2 ngày 12 tháng 11 năm 2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện báo cáo về quá trình tăng vốn của công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần như sau:

Công ty đã qua 2 quá trình tăng vốn từ 35.000.000.000 đồng lên 100.000.000.000 đồng, chi tiết như sau:

### **Lần 1: Phát hành tăng vốn từ 35 tỉ đồng lên 50 tỉ đồng**

1. Phát hành bằng phương thức đấu giá cạnh tranh qua TTGDCK
  - Ngày phát hành: 16/11/2006
  - Số lượng phát hành: 1.500.000 cổ phần
  - Giá khởi điểm: 25.000 đồng
  - Tổ chức bảo lãnh: Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco)
  - Giá bảo lãnh thực hiện: 25.000 đồng
2. Cơ quan chấp thuận phát hành tăng vốn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### **Lần 2: Phát hành tăng vốn từ 50 tỉ đồng lên 100 tỉ đồng**

1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Ngày chốt danh sách cổ đông: 31/07/2007
- Số lượng cổ đông: 1038 cổ đông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 10:3
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Ngày phát hành: 16/10/2007
- Số lượng phát hành: 1.500.000 cổ phiếu

**2. Phát hành cho các đối tác chiến lược**

- Ngày phát hành: 16/10/2007
- Số lượng phát hành: 1.500.000 cổ phiếu
- Giá phát hành: 25.000 đồng/cổ phiếu

**3. Phát hành ra bên ngoài theo hình thức đấu giá qua TTGDCK**

- Ngày đấu giá: 27/08/2007
- Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu
- Giá khởi điểm: 45.000 đồng/cổ phiếu
- Tổ chức bảo lãnh: Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam (Agriseco)
- Giá bảo lãnh thực hiện: 45.000 đồng/cổ phiếu

**4. Cơ quan chấp thuận tăng vốn lần 2: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Chúng tôi cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGUYỄN PHONG



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CAM KẾT VỀ VIỆC NIÊM YẾT**  
**TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện với tư cách là tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định số            ngày tháng năm của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán (sau đây gọi tắt là Công ty) xin cam kết với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (sau đây gọi tắt là Sở Giao dịch) các vấn đề sau:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán và các Luật có liên quan, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các văn bản có liên quan điều chỉnh hoạt động của tổ chức niêm yết.
2. Tuân thủ các Quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn do Sở Giao dịch ban hành để điều chỉnh hoạt động của tổ chức niêm yết.
3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của tổ chức niêm yết trên Sở Giao dịch.
4. Cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu một cách trung thực, chính xác theo yêu cầu của Sở Giao dịch.
5. Hợp tác với Sở Giao dịch trong trường hợp cần thiết phục vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.
6. Thanh toán đầy đủ và kịp thời các khoản phí theo thông báo của Sở Giao dịch.

Hà Nội, ngày 11..tháng .08. năm 2008

Đại diện theo pháp luật của tổ chức niêm yết



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN  
Số CV: 296 /PTIC  
V/v: Cam kết xây dựng và thực hiện Quy chế  
Quản trị công ty

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2008

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Sở. Hiện nay Công ty đang nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cam kết xây dựng và thực hiện Quy chế quản trị công ty theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 03 năm 2007 về việc Ban hành Quy chế quản trị Công ty cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán sau khi được chấp nhận đăng ký niêm yết chính thức.

Xin chân thành cảm ơn!

T/M Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện



Nguyễn Phong

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số CV: 736 /PTIC

V/v: Cam kết bầu bổ sung thành viên của Ban  
kiểm soát trong kỳ Đại hội cổ đông năm 2009

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2008

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Sở giao dịch.

Liên quan đến hồ sơ đăng ký niêm yết tại Quý Sở giao dịch, PTIC xin cam kết vấn đề sau:

- ❖ Theo quy định tại Quyết định 168/QĐ-SGHCM ngày 07/12/2007, trong Ban kiểm soát của doanh nghiệp niêm yết người làm chuyên môn về kế toán tại doanh nghiệp không thể tham gia. PTIC cam kết tuân thủ quy định này và sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát cho đủ số thành viên theo quy định trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2009.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

T/M Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số CV: 111 /PTIC

V/v: Cam kết bầu bổ sung thành viên độc lập của  
Hội đồng quản trị trong kỳ Đại hội cổ đông năm  
2009

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2008

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Sở giao dịch.

Liên quan đến hồ sơ đăng ký niêm yết tại Quý Sở giao dịch, PTIC xin cam kết vấn đề sau:

- ❖ Theo quy định tại Điều 11 Quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007, một phần ba trong số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành. PTIC cam kết tuân thủ quy định này và sẽ tiến hành bầu lại thành viên Hội đồng quản trị sao cho đủ số thành viên độc lập theo quy định trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông năm 2009.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

T/M Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số CV: 889/PTIC

V/v: Cam kết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản  
thông qua điều 3 của điều lệ tổ chức hoạt động  
của Công ty

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2008

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

Trước hết Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện (PTIC) xin gửi lời chào trân trọng  
tới Quý Sở giao dịch.

Liên quan đến hồ sơ đăng ký niêm yết tại Quý Sở giao dịch, PTIC xin cam kết vấn đề sau:

- ❖ Do có sự khác nhau về các ngành nghề kinh doanh giữa Điều lệ tổ chức hoạt động  
và Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty. Do vậy PTIC xin cam kết lấy ý  
kiến cổ đông thông qua Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty (bỏ ngành nghề  
cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động trong điều 3 của điều lệ cũ do ngành nghề  
này không có trong Giấy phép đăng ký kinh doanh) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ  
đông gần nhất.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

T/M Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện  
Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN PHONG



TẬP ĐOÀN BCVT VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Vào hồi 8h30 ngày 2 tháng 7 năm 2008, tại Công ty cổ phần đầu tư và Xây dựng Bưu điện. Hội đồng quản trị công ty tổ chức họp.

### Thành phần dự họp:

Các thành viên HĐQT có mặt 7/7 thành viên:

- Ông Nguyễn Phong : Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Cao Điền : Ủy viên HĐQT
- Ông Lê Đỗ Vinh : Ủy viên HĐQT.
- Bà Phạm Thị Thau : Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Duy Bắc Việt : Ủy viên HĐQT
- Ông Nguyễn Công Minh : Ủy viên HĐQT
- Ông Đậu Minh Lâm : Ủy viên HĐQT

### Mời dự:

- Ông Đỗ Đức Thịnh : Trưởng Ban kiểm soát.

### Chủ trì cuộc họp:

- Ông Nguyễn Phong : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Việt Điều : Văn phòng Công ty – Thư ký.

### Nội dung:

1. Kết quả lãnh đạo SXKD 6 tháng đầu năm 2008.
2. Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2008.
3. Các vấn đề về đầu tư và những giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch.
4. Một số vấn đề khác.

Sau khi nghe ông Nguyễn Phong – Chủ tịch HĐQT báo cáo từng nội dung của cuộc họp (báo cáo được gửi cho các thành viên dự họp). Các thành viên dự họp đã tham gia phát biểu như sau:

**Ông Vinh – uỷ viên HĐQT:**

- Sau cuộc họp HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2008, tôi đã tìm hiểu kỹ về tình hình Công ty ZTE. Nếu đầu tư dồn hết vào để sản xuất G- Phone thì rất mạo hiểm, sẽ gặp rủi ro lớn.

- Nếu thành lập Công ty PTZ, PTIC phải đầu tư tài chính 51% vào thì ZTE có đầu tư hết 18% vốn vào không? Phần vốn còn lại khoảng 21 % tương đương 20 tỷ liệu có huy động được hay không?

- Các chi phí trong 6 tháng đầu năm cho việc hợp tác với ZTE sẽ đưa vào chi phí của PTZ.

- Về đề nghị giới thiệu tôi sang làm Tổng giám đốc PTZ, tôi xin được từ chối vì tuổi tôi đã cao không đảm đương được.

**Ông Việt – uỷ viên HĐQT:**

- Đối với tập đoàn ZTE, họ đến Việt Nam là đồng nghĩa với việc mang uy tín và giữ uy tín của họ. Việc hợp tác giữa PTIC và ZTE là tạo nền tảng để mở ra một hướng làm ăn mới cho PTIC.

- Là người kế nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, tôi ủng hộ hợp tác với ZTE. Tôi mong muốn được cùng đồng chí Vinh chịu trách nhiệm về việc hợp tác thành công với ZTE.

**Ông Minh – uỷ viên HĐQT:**

- Về sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2008 Công ty đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong tình hình kinh tế có nhiều biến động như hiện nay.

Về định hướng sản xuất kinh doanh có các biện pháp:

- Tăng cường công tác thu hồi nợ.

- Về chương trình hợp tác với ZTE, thống nhất quan điểm với Chủ tịch HĐQT là không nên bỏ qua việc hợp tác này vì nó có tính lâu dài. Cần đàm phán lại với ZTE để giảm thiểu các chi phí xuống.

+ *Đối với Dự án Khu đô thị viễn thông và công nghệ thông tin tại Tp Vinh và dự án khu C30 – Tp Hồ Chí Minh:*

- Trong điều kiện nền kinh tế đang có nhiều biến động, lãi suất vay đầu tư tăng cao, cho nên việc đầu tư vào dự án Khu đô thị Vinh hiện nay chỉ nên làm các thủ tục để giữ chỗ, khi điều kiện kinh tế xã hội có cải thiện mới tiến hành đầu tư mạnh mẽ.

+ *Về công tác nhân sự:*

Cần xây dựng tiêu chuẩn CBCNV đảm bảo đủ năng lực chuyên môn nhiệm vụ để tiếp nhận công nghệ do ZTE chuyển giao.

### Ông Lâm – uỷ viên HĐQT:

- Về sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2008 của Công ty có nhiều cố gắng, Công ty đã cắt giảm được các chi phí hành chính nhưng vẫn đảm bảo được sản xuất kinh doanh phát triển.

- Đồng ý với ý kiến của Chủ tịch HĐQT là tiếp tục chương trình hợp tác với ZTE nhưng nên lựa chọn phương án hợp tác từng lĩnh vực nhất định. Cần chỉ đạo một bộ phận có nghiệp vụ để phân tích ngắn gọn về khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm một cách cụ thể. Về phần mềm Công ty cố gắng tìm hiểu thêm thông tin đầu vào.

- Công ty nên có một buổi làm việc với ZTE để đàm phán về 3 vấn đề chính:

\* Hợp tác để làm dịch vụ bán hàng cho ZTE.

\* Đàm phán lại chương trình phần mềm trên cơ sở điều kiện khó khăn hiện nay.

\* Khẳng định lại một lần nữa quy mô để thành lập Công ty PTZ.

Tính toán kỹ giá thành sản phẩm của PTZ có khả năng cạnh tranh được trên thị trường Việt Nam.

+ *Đối với Dự án Khu đô thị viễn thông và công nghệ thông tin tại Tp Vinh và dự án khu C30 – Tp Hồ Chí Minh:*

Hiện nay, thị trường bất động sản tại Việt Nam đang đóng băng, việc vay vốn để đầu tư là rất khó khăn, cho nên cần hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý để được giao đất, việc đầu tư sẽ đầu tư mạnh khi tình hình kinh tế có sự cải thiện.

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT tổng hợp lại như sau:

### I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008:

Khả năng doanh thu đạt, lợi nhuận không đạt. Lý do: Lạm phát cao, giá vật tư nguyên liệu tăng cao nhưng giá đầu ra không tăng, thậm chí giảm, lãi vay ngân hàng tăng đột biến (tăng 70% so với năm 2007).

Các A chiếm dụng vốn của Công ty khoảng 200 tỷ đồng, mỗi tháng Công ty thiệt hại khoảng 3 tỷ tiền lãi vay bị bên A chiếm dụng.

6 tháng đầu năm lợi nhuận ước đạt: 1,2 tỷ đồng.

### II. KẾ HOẠCH SXKD 6 THÁNG CUỐI NĂM 2008:

#### 1. Doanh thu:



Dự kiến vẫn đạt mức như kế hoạch đề ra đầu năm: 559.500 triệu, nhưng cơ cấu có thay đổi:

- Xây lắp : sẽ giữ nguyên kế hoạch.
- Công nghiệp : Điều chỉnh giảm.
- Kinh doanh khác : điều chỉnh tăng.
- Lợi nhuận : điều chỉnh giảm.

Nếu tình hình lạm phát, giá cả leo thang, lãi suất vay cao như 6 tháng đầu năm thì lợi nhuận dự kiến chỉ ở mức 11 – 13 tỷ đồng bằng 40% kế hoạch đầu năm.

- Chia cổ tức cho cổ đông dự kiến 6% - 8%.

## **2. Về đầu tư:**

### **\* Hợp tác với ZTE:**

- PTIC phối hợp cùng Công ty PTZ nhập khẩu hàng hoá, cho thuê kho bãi để tập kết hàng hoá của ZTE. Triển khai các dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng song song với Công ty cổ phần PTZ.

- Mục tiêu của Công ty là phải hợp tác với ZTE để mở ra lĩnh vực kinh doanh mới cho Công ty, trong khi sản xuất công nghiệp truyền thống của Công ty gặp khó khăn, bế tắc do VNPT dùng sử dụng cáp thông tin sợi đồng.

Tuy nhiên Công ty cần tìm hiểu và đàm phán thêm với ZTE về các nội dung:

- Thị trường máy Gphone và thiết bị đầu cuối của Việt Nam.
- Làm rõ phân đầu tư của ZTE là loại nào. Đàm phán giảm giá về đào tạo, chuyên gia, máy móc thiết bị, dụng cụ, phần mềm.

Trên cơ sở đó tính toán lại giá thành sản phẩm Gphone để tính hạch toán đầu tư cho chính xác.

### **\* Đầu tư dự án: Khu đô thị viễn thông và công nghệ thông tin tại Thành phố Vinh: (Đã nêu trong báo cáo)**

Tiếp tục thực hiện làm các thủ tục duyệt quy hoạch, cấp đất. Xúc tiến đền bù giải phóng mặt bằng trong năm 2008, khi tình hình kinh tế xã hội của đất nước có bước cải thiện sẽ đầu tư thực hiện dự án mạnh mẽ.

### **\* Dự án C30:**

Vẫn tiếp tục triển khai theo hướng dẫn của Sở Kế hoạch - Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên dự án đang gặp khó khăn lớn về thủ tục, thu hồi giao đất cho PTIC vì rất phức tạp, chi phí rất lớn để được thu hồi giao đất nằm ngoài khả năng của Công ty. Do đó có nhiều khả năng dự án sẽ không triển khai được.

0  
C  
O  
U  
Y  
I  
V  
2008  
Y  
AN  
VA  
NG  
EN  
TP

### **3. Một số giải pháp khác:**

\* Triển khai mạnh mẽ dịch vụ kỹ thuật viễn thông. Xí nghiệp dịch vụ kỹ thuật viễn thông phải bắt đầu hoạt động có hiệu quả sau giai đoạn 6 tháng làm thử và được bao cấp.

\* Đẩy nhanh việc thu hồi công nợ hỗ trợ đặc lực về vốn, về cơ chế cho các xí nghiệp để tăng doanh thu trong xây lắp, tăng việc làm. Thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi thực hiện cơ chế khoán cho Nhà máy Vật liệu viễn thông 1 hoạt động có hiệu quả sau khi đã kiện toàn tổ chức sát nhập thương mại và sản xuất làm một khối.

\* Giao Phòng TCKTTK kết hợp với Phòng Kế hoạch thị trường nghiên cứu cơ chế tài chính nội bộ tạo điều kiện cho các Xí nghiệp đẩy nhanh tiến độ thi công.

\* Để củng cố và mở rộng mối quan hệ thị trường, xúc tiến đầu tư và thương mại với một số đơn vị trong và ngoài ngành đã tạo điều kiện giúp đỡ Công ty trong năm 2007 và 6 tháng đầu năm 2008. Hội đồng quản trị thống nhất tổ chức mời một số đơn vị đi tham quan du lịch tìm hiểu thị trường viễn thông và công nghệ thông tin tại Hoa Kỳ và một số nước Châu Á được chia làm 2 đợt:

- Đợt 1: Từ ngày 8/7/2008 đến 19/7/2008 tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ đối với một số đơn vị trong ngành VNPT. Chi phí được lấy từ chi phí quảng cáo, xúc tiến thương mại, hoa hồng môi giới.

- Đợt 2: Trong tháng 9/2008 tại Hồng Kông, Ma Cao đối với các ban, ngành của tỉnh Hà Tây, Huyện Quốc Oai, Xã Ngọc Liệp. Đây là các đơn vị đã tích cực giúp đỡ để được cấp đất (3,6ha) xây dựng Nhà máy Vật liệu viễn thông 1.

### **KẾT LUẬN:**

#### ***Hội đồng quản trị thống nhất:***

1. Tán thành đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2008.
2. Tán thành các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh và đầu tư 6 tháng cuối năm 2008.
3. Tán thành chủ trương hợp tác với ZTE trong đó có thành lập Công ty cổ phần PTZ với vốn góp của PTIC là 51% tương đương 2.958.000 USD, giao Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc đàm phán để giảm chi phí các phần thiết bị, dụng cụ phần mềm, chi phí đào tạo, chi phí chuyên gia của ZTE.
4. Tán thành đầu tư khu đô thị viễn thông và Công nghệ thông tin tại Thành phố Vinh. Trước mắt khẩn trương làm các thủ tục để được cấp đất dự án. Trong năm 2008 cố gắng song thủ tục cấp đất đền bù giải phóng mặt bằng.

Sẽ tiến hành đầu tư mạnh mẽ khi tình hình chung về kinh tế của đất nước đã vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

5. Tán thành mời 2 đoàn đi thăm quan tìm hiểu thị trường nước ngoài theo đề nghị của Tổng giám đốc. Đoàn thứ nhất đi Mỹ, chi phí do Công ty đài thọ 3 người, còn lại cá nhân tự túc và do các đơn vị xí nghiệp đài thọ. Đoàn thứ hai mời cán bộ địa phương Hà Tây kinh phí hoàn toàn do Công ty đài thọ.

Biên bản đã được thống nhất thông qua. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc tích cực chỉ đạo các đơn vị thực hiện.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h30 cùng ngày ./.

Các uỷ viên HĐQT

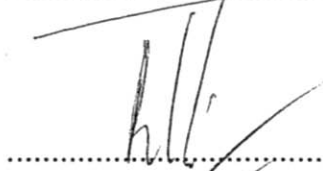
Chủ tịch HĐQT

Lê Cao Điền



  
Nguyễn Phong

Nguyễn Duy Bắc Việt :



Lê Đỗ Vinh

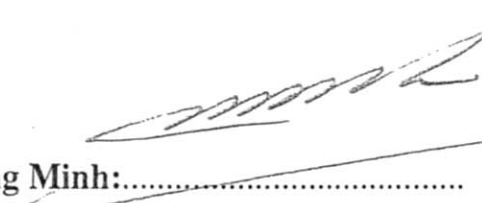


Phạm Thị Thau



Thư ký

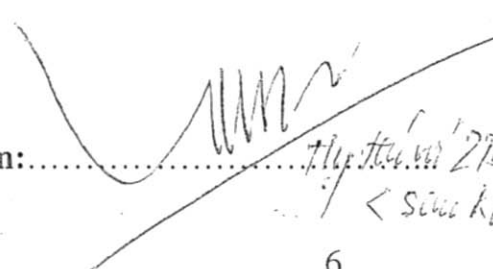
Nguyễn Công Minh:



Nguyễn Viết Điểu



Đậu Minh Lâm:



thực hiện 2TB, sử dụng hồ sơ "khi cần" < sau khi có HC g/ing Lê Ái Vân >

06205  
TY  
TÍN VÀ  
G  
HÀ NỘI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Hà nội, ngày 07 tháng 11 năm 2008

**Kính gửi: - BAN KẾ TOÁN THỐNG KÊ TÀI CHÍNH**

Thực hiện công văn số 4525/KTTKTC ngày 27/10/2008 của Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện. Báo cáo kết quả thực hiện 9 tháng và ước cả năm 2008 như sau:

**I/ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:**

**Đơn vị tính:** Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2008	THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2008	ƯỚC THỰC HIỆN KH NĂM 2008
1	TỔNG DOANH THU THUẦN	440.000	287.482	442.482
2	TỔNG CHI PHÍ	428.294	285.564	436.064
3	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	11.706	1.918	6.418
4	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	8.428	1.381	4.621
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN/VỐN ĐIỀU LỆ	11,7%	1,9%	6,4%
6	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN/VỐN CHỦ SỞ HỮU	4,79%	0,78%	2,63%

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2008 VÀ NHỮNG ĐỀ XUẤT:**

**1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2008:**

Năm 2008 có nhiều biến động về tài chính, nguyên vật liệu tăng đột biến từ 30 – 40%, lãi xuất ngân hàng tăng cao. Do đó các dự án, các hợp đồng ký trước đây nay thi công cầm chừng để làm điều chỉnh giá, có nhiều hợp đồng đấu thầu phải thực hiện theo giá cũ nên kinh doanh không hiệu quả.

Trong lúc đó tiền hàng bị các đơn vị trong Tập đoàn nợ hàng trăm tỷ đồng, tính đến 30/9/2008 các chủ đầu tư nợ Công ty 170 tỷ, trong đó VNPT nợ 150 tỷ.

Với lãi xuất tiền vay ngân hàng như hiện nay là 1,52%/tháng. Công ty bị thiệt hại do các đơn vị trong Tập đoàn chiếm dụng vốn bình quân mỗi tháng là 2,2 tỷ đồng tiền lãi bị chiếm dụng vốn.

Vì vậy, năm 2008 Công ty sẽ hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, còn chỉ tiêu lợi nhuận chỉ đạt 55% kế hoạch VNPT giao.

## **2. Đề xuất giải pháp cụ thể và kiến nghị với VNPT:**

Năm 2008 việc trọng tâm của Công ty là thu hồi công nợ. Để hỗ trợ Công ty trong công tác này, đối với các dự án đầu tư đã thực hiện xong Tập đoàn triển khai phê duyệt quyết toán nhanh để giảm bớt khó khăn về vốn cho sản xuất của Công ty. Tập đoàn cần có chính sách để các đơn vị thành viên thanh toán kịp thời tiền nợ cho Công ty, đồng thời phải trả lãi vay vốn bị chiếm dụng do chậm thanh toán.

Đối với các dự án phân cấp cho viễn thông và bưu điện các tỉnh, đề nghị Tập đoàn có những chỉ đạo để các đơn vị thanh toán kinh phí xây dựng kịp thời cho các nhà thầu khi công trình hoàn thành, tránh những ảnh hưởng thời gian thanh toán bị kéo dài đơn vị thi công phải trả lãi oan uổng.

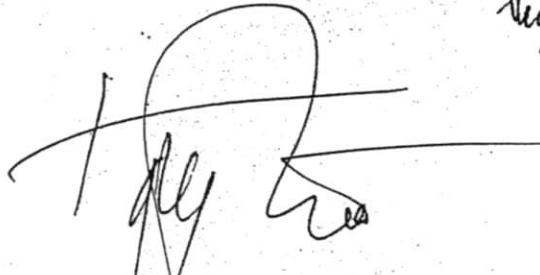
Công ty rất mong hỗ trợ của Tập đoàn và Ban Kế toán thống kê tài chính để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2008.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT – VP.

**ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN CỦA VNPT TẠI PTIC**

  
NGUYỄN PHONG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ 5**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

Đại hội đồng cổ đông thường niên lần 5 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện ( PTIC) được long trọng tổ chức vào hồi 8h30 ngày 28 tháng 3 năm 2008 tại phòng họp 313 Trung tâm Hội nghị Quốc gia, đường Phạm Hùng, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Về dự Đại hội có đầy đủ thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành và 134 cổ đông đại diện cho 7.740.870/10.000.000 cổ phần chiếm 77,4%/cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Đại hội đã nghe các báo cáo:

- Báo cáo tổng kết sản xuất kinh doanh năm 2007, hoạt động của HĐQT năm 2007, báo cáo phương hướng nhiệm vụ SXKD và đầu tư năm 2008 do Chủ tịch HĐQT Ông Nguyễn Phong thay mặt HĐQT trình bày.

- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2007 do UV HĐQT bà Phạm Thị Thu, thay mặt HĐQT trình bày.

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát do bà Trần Thị Hạnh Trưởng ban kiểm soát trình bày.

Đại hội đã nghe báo cáo sửa đổi, bổ sung điều lệ cho phù hợp với điều lệ mẫu Công ty niêm yết do Nhà nước ban hành.

Đại hội đã tiến hành bầu bổ sung 1 thành viên Ban kiểm soát.



Sau 4 giờ làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm cao, Đại hội đã thống nhất Quyết nghị:

**I. Thông qua báo cáo kết quả SXKD và đầu tư năm 2007 và báo cáo tài chính năm 2007, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:**

- Doanh thu : 547.225.341.997 đ
- Lợi nhuận sau thuế : 24.392.266.578 đ
- Chi trả cổ tức cho cổ đông : 16% / cổ phần
- Tổng mức chi trả 10.000.000.000 đ/ 10.000.000 cổ phần
- Trích quỹ đầu tư phát triển sản xuất : 7.000.000.000 đ
- Trích quỹ dự phòng tài chính : 1.000.000.000 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 6.392.266.578 đ
- Tán thành các giải pháp điều hành các dự án đầu tư năm 2007.

**II. Thông qua kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2008 với các chỉ tiêu cụ thể sau:**

- Doanh thu trước thuế : 559.500.000.000 đ
- Lợi nhuận trước thuế : 30.000.000.000 đ
- Chi trả cổ tức : 16% / cổ phần với tổng mức chi trả:  
16.000.000.000đ/ 10.000.000 cổ phần

**III. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2007.**

**IV. Thông qua điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty niêm yết của PTIC.**

**V. Công nhân thành viên Ban kiểm soát Ông: Đỗ Đức Thịnh, MS 1705 do Đại hội bầu.**

**VI. Công nhân công ty kiểm toán độc lập: Công ty trách nhiệm hữu hạn kiểm toán và tư vấn A và C là đơn vị kiểm toán tài chính năm 2007 và 2008 cho PTIC.**

**VII. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng bình quân thu nhập đầu người/tháng năm 2008 của Công ty.**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông lần 5 năm 2008 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện được các đại biểu cổ đông dự Đại hội biểu quyết thông qua vào hồi 12h 30 phút cùng ngày 28 tháng 3 năm 2008.

**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG LẦN 5  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG BƯU ĐIỆN**

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



**Tạ Anh Tú**



**Nguyễn Hà Tuyên**

**CHỦ TOạ ĐẠI HỘI**



**Nguyễn Phong**

